BÁCH KHOA

SỐ 58 — NGÀY 1-6-1959

Trong số này :

BÍCH-QUANG	Một nền giáo dục nhân bản : Một nền giáo dục toàn diện.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Văn thế nào là ba-lan ?
PHẠM-HOÀNG	Tội chung ? Trách nhiệm chung ?
HOÀNG-MINH-TUYNH	Cuộc khởi nghĩa tại Tây-Tạng.
ĐOÀN-THÊM	Sinh con để cái.
TRẦN-HÀ	Trần - Huyền - Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử.
SONG-AN CƯ-SĨ	Bá-Linh ngã tư quốc-tế.
B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUẤN	Bàn qua về vấn đề « Thụ thai theo ý muốn ».
TRẦN-VĂN-KHÊ	Nhạc sĩ Joseph HAYDN.
NGUIỄN NGU-Í	Một cuộc phỏng vấn văn nghệ của « Bách-Khoa ».
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Điểm sách.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	« Tôi đóng phim bên Anh ».
NGUIỄN-NGU-Í	Ba sắc hoa (thơ).
LAN-ĐÌNH	Màu vàng (thơ).
NGUYỄN (dịch)	Bà mẹ già.
VÕ-THỦY-LAM	Mai anh về (thơ).
MINH-HỮU	Ngày lại sáng.
VI-HUYỀN-ĐẮC	Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " Eau de Vie cử " 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu " Tích-Thọ-Tửu "

SI-RÔ " Verigoud " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " Distarone "

DISTILLERIES de l'INDOCHINE

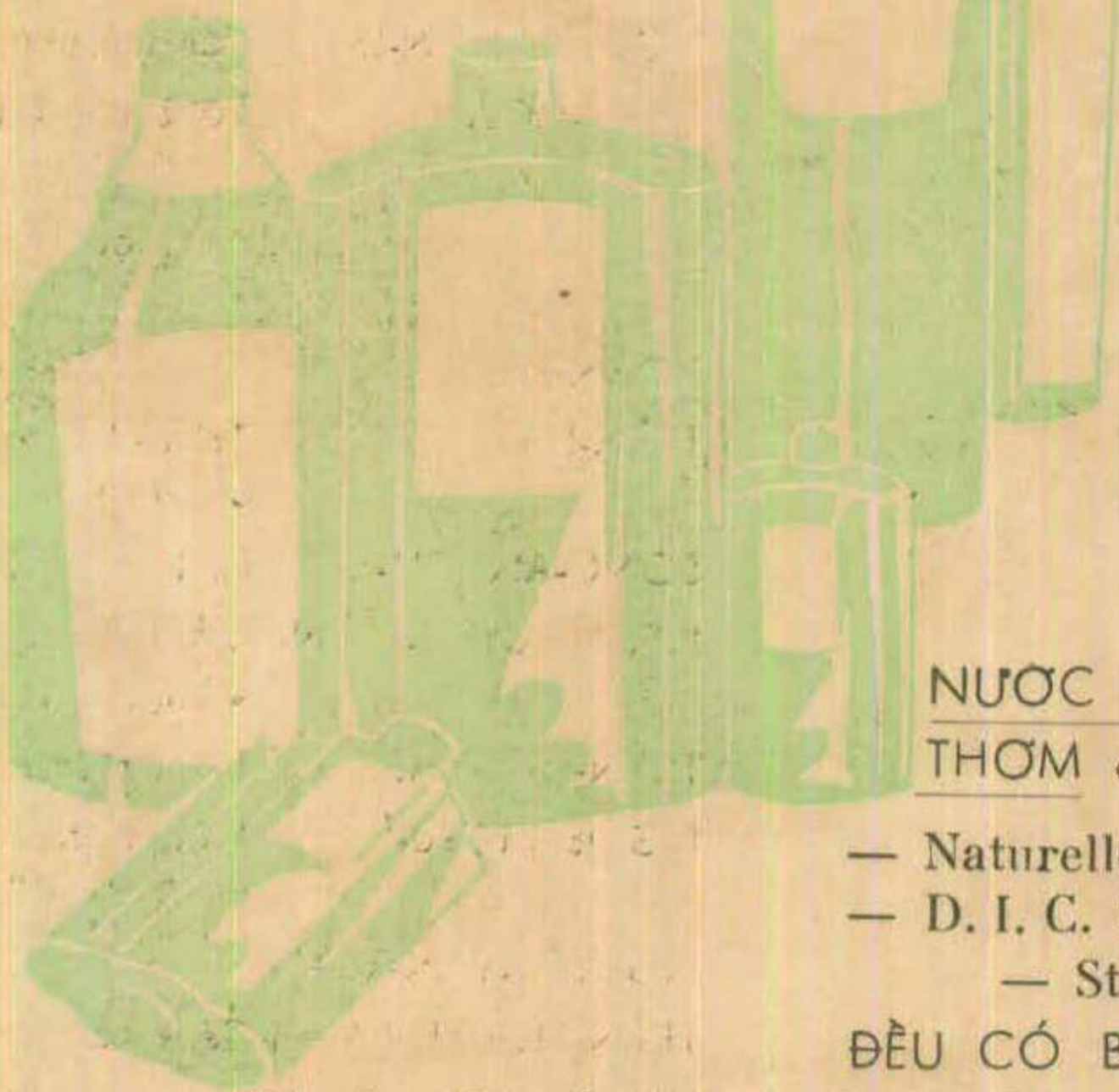

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. »** :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ (**S.I.C.A.**) — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS

CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN

18 $

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách-khoa đóng thành tập cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo 160 Phan-Đình-Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa. xin gửi cước phí bảo đảm mỗi tập 15 đ.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 — 48 : 4 tập : 420 đ.

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

CÓ **DẦU** TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA

Những nhu-cầu cho sức khỏe và hạnh phúc của ta phần nhiều đều do dầu hoặc nhờ dầu hay các phó-sản mà có Dầu làm cho đời ta tươi đẹp thêm và dễ chịu hơn. Dầu góp một phần quan trọng vào đời sống của ta.

HÃNG DẦU STANVAC

Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VỚI CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBILOIL, MOBILDIESEL V.V..

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiến Quý khách

Giá du-ngoạn đặc-biệt

(có giá-trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG *(khứ hồi)* :

$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT *(khứ hồi)* :

$ 570 — mỗi người

XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

NHÀ THUỐC

LA THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

— LEDERLE (Huê-Kỳ)

— GLAXO (Anh-Quốc)

— LILLY (Huê-Kỳ)

— SQUIBB (Huê-Kỳ)

— PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)

— SCHERING (Huê-Kỳ)

— AMBRINE (Pháp-Quốc)

— DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)

— DON BAXTER (Huê-Kỳ)

— ỐNG CHÍCH và KIM CHÍCH « IDEAL » (Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

— IODOPHEDRINE « MUS » (Thuốc suyễn)

— BANCAMYD (Trị ban cãm trẻ em)

— ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS » (Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mữa kiết ly, kiết đàm, kiết máu)

— SIROP PECTORAL « MUS » (Thuốc ho)

— MUSTONIC (Thuốc bổ)

— SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)

— ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)

— VERMI « MUS » (Trị sán lải)

— HEPATOMUS (Trị bịnh gan)

— LINIMUS (Dầu thoa bóp)

— CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)

— CORTAL (sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bào chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ

CÓ ĐỦ : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

10.000 Kms
de souvenirs inoubliables

* Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

* Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

* Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

DE PLUS EN PLUS de possibilités vous sont offertes pour le même prix.

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

SHELL

Để dùng vào

KỸ-NGHỆ

NÔNG-NGHIỆP

và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

Quý Ngài những hoá-phẩm

do dầu hoả chế ra.

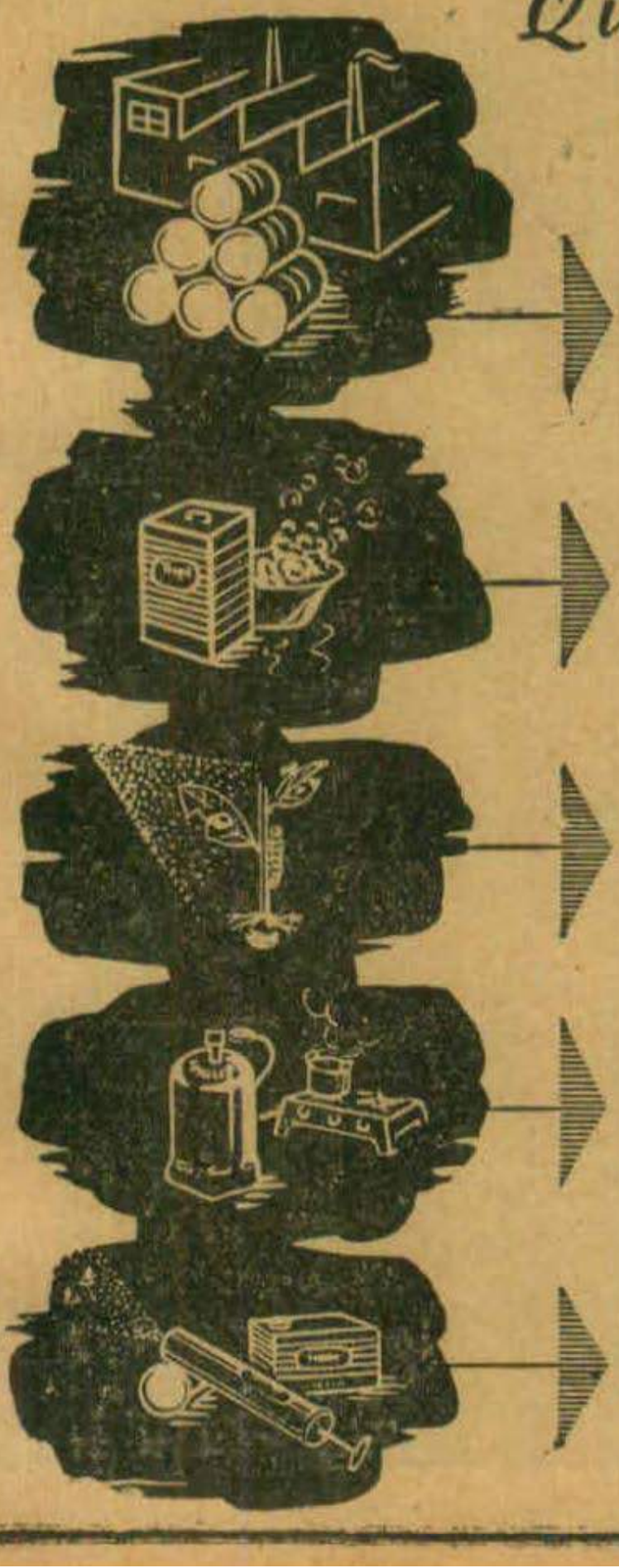

Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE
33

BÁCH-KHOA

Số 58 — Ngày 1-6-1959

		Trang
BÍCH-QUANG	*Một nền giáo dục nhân bản : Một nền giáo dục toàn diện.*	3
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	*Văn thế nào là ba lan ?*	6
PHẠM-HOÀNG	*Tội chung ? Trách nhiệm chung ?* .	15
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Cuộc khởi nghĩa Tây-Tạng.*	16
ĐOÀN-THÊM	*Sinh con để cái*	22
TRẦN-HÀ	*Trần-Huyền-Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử*	31
SONG-AN CƯ-SĨ	*Bá-Linh ngã tư quốc tế*	35
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	*Bàn qua về vấn đề « Thụ thai theo ý muốn »*	39
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Nhạc sĩ Joseph HAYDN.*	45
NGUIỄN-NGU-Í	*Một cuộc phỏng vấn văn nghệ của « Bách-Khoa »*	49
NGUYỄN VĂN-XUÂN	*Điểm sách.*	55
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	*« Tôi đóng phim bên Anh »* . . .	65
NGUIỄN-NGU-Í	*Basắc hoa (thơ)*	68
LAN-ĐÌNH	*Màu vàng (thơ)*	70
NGUYỄN (dịch)	*Bà mẹ già*	75
VÕ-THÙY-LAM	*Mai anh về (thơ)*	83
MINH-HỮU	*Ngày lại sáng*	87
VI-HUYỀN-ĐẮC	*Khói lửa kinh thành.*	103

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

THẾ-QUANG	:	*Minh minh đức*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Ông Bà Curie một gia đình đoạt tối cao kỷ lục về giải Nobel.*
ĐÔNG-HỒ	:	*« Trăn-Bắc hành cung hoài cổ » của Bà Huyện Thanh-quan.*
HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Nước Đức với đề nghị giải quyết hòa bình của Liên-xô.*
PHẠM-HOÀNG-HỘ	:	*Sự bảo tồn thiên nhiên.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Y-phục và thời trang.*
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo : kiêm ái của Mặc-Địch và Bác-ái của Ki-tô giáo.*
PHAN-VỌNG-HÚC	:	*Phạm-Quý-Thích.*
P. I. N.	:	*Những sự sai lạc ngày nay.*
NGÀ-NGÀ	:	*Nhớ Tản-Đà.*
ĐOÀN-VĂN-NHÂN	:	*Định lại việc phiên âm nhân danh và địa danh.*
TIỀU-DÂN	:	*Nam-Băng-Cầu thuộc về ai ?*
HUYNH-ĐỆ	:	*Quân nhân phạm pháp.*
NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN	:	*Đặc tính của tiểu thuyết.*
NGUYỄN-TỬ-QUANG	:	*Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Hát tuồng.*
KIM-LƯƠNG	:	*Hồng-nhan (truyện dịch).*
NGUYỄN	:	*Trong đồng hoang (truyện dịch).*
THỦY-THỦ	:	*Sống ở đời.*
VÕ-PHIẾN	:	*Lẽ sống.*
THIẾU-SƠN, VŨ-BẰNG	:	*Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại quốc.*

MỘT NỀN GIÁO DỤC NHÂN BẢN : MỘT NỀN GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

★

★ *BÍCH-QUANG*

« MỘT NỀN GIÁO DỤC NHÂN BẢN PHẢI CÓ CHỦ ĐÍCH LÀM NẢY NỞ CHO TỚI MỨC HOÀN TOÀN TẤT CẢ NHỮNG KHẢ NĂNG NƠI CON NGƯỜI ».

NẾU mục đích giáo dục là huấn luyện đào tạo nên một người, một người với phẩm cách xứng đáng làm người, thì một nền giáo dục chân chính phải là một nền giáo dục nhân bản.

Sở dĩ con người đáng tôn trọng là vì con người không phải chỉ là một đơn vị trong cái khối đại chúng không tên không tuổi, một thành phần không đáng kể ; nhưng vì mỗi người còn là một nhân vị có một giá trị riêng biệt không thể thay thế được. Một nền giáo dục nhân bản căn cứ trên cái giá trị riêng biệt đó của con người.

Giáo dục con người vì thế không như tập luyện một con vật. Người ta dạy cho con khỉ biết đi xe đạp, biết đánh cầu ; người ta tập cho con voi biết đá banh...., không phải là để làm tăng thêm giá trị cho những con vật đó, nhưng là để mua vui cho khán giả xem trò xiếc. Nhưng con vật kia có được luyện tập chỉ là để trở thành những phương tiện cho con người mua vui trong chốc lát, thế thôi. Tập luyện con vật không phải vì con vật, nhưng là vì con người.

Nếu giáo dục con người mà không vì chính con người, để làm tăng thêm giá trị con người, để làm nảy nở nhân phẩm con người, mà là để biến con người trở thành những phương tiện cho người khác lợi dụng, những dụng cụ sản xuất, thì tức là đã giáo dục con người như tập luyện con vật.

Đã có biết bao nhiêu những tổ chức giáo dục đi ngược lại quyền lợi của con người như vậy : giáo dục con người mà không đặt chính con người làm mục đích, trái lại đã hạ con người xuống làm phương tiện. Người ta đã chỉ huấn luyện con người để tuyển chọn lấy người làm việc này việc khác. Người ta đã tổ chức giáo dục để biến cả một thế hệ thanh niên trở nên những chiến sĩ cho một chủ nghĩa một lý thuyết. Thế nên, một khi chủ nghĩa kia bị sụp đổ, lý thuyết kia bị phá sản : những

con người kia đã lạc lõng thất vọng không còn nơi đâu bám víu. Có những tổ chức giáo dục khác chỉ chú trọng đến phương diện thực hành : họ đào tạo ra từng lớp người chuyên môn, nhưng thiếu một lý tưởng cho đời sống, nên những con người chuyên môn kia rất thông thạo về kỹ thuật mà không biết sống cái Đạo làm người. Tai hại cũng không phải là nhỏ.

Cần phải đi tìm một nền giáo dục nhân bản, trong đó con người sẽ được tôn trọng, sẽ được đặt làm mục đích. Chỉ có một nền giáo dục nhân bản mới thực sự phụng sự con người, mới không phản lại những quyền lợi cao cả của con người. Và một khi con người đã được hấp thụ một nền giáo dục chân chính, cho dẫu hoàn cảnh có đổi thay, thời thế có biến chuyển, con người vẫn có đủ khả năng để có thể kinh quyền ứng hóa, vì đã sẵn có một nhân cách vững vàng.

Nhưng một nền giáo dục nhân bản phải như thế nào ? Phải là một nền giáo dục có chủ đích làm nảy nở cho tới mức hoàn toàn tất cả những khả năng nơi con người, để con người đạt tới được cứu cánh của mình. Vì thế một nền giáo dục nhân bản phải là một nền giáo dục toàn diện : giáo dục con người về hết mọi phương diện, thể xác cũng như lý trí, tinh thần, đạo đức.

Ngày nay theo phương pháp khoa học người ta đã phân tách con người ra làm đối tượng cho nhiều ngành khảo cứu chuyên môn. Nhà giải phẫu học khảo sát từng bộ phận trong cơ thể con người để xem quả tim khối óc buồng gan lá phổi hay các giác quan cấu tạo thế nào. Nhà sinh vật học thì lại dụng công xem xét những cơ quan kia hoạt động ảnh hưởng lẫn nhau ra sao. Vị bác sĩ y khoa có mục đích khám nghiệm để xem trong cơ thể con người có chỗ nào hư hỏng cần phải sửa chữa. Còn nhà tâm lý học thì chỉ chú ý đến nội tâm con người, khảo sát những hiện tượng tinh thần tình cảm.

Sở dĩ người ta đã phải phân tách con người ra như vậy để khảo sát, là vì con người rất phức tạp. Nhưng vì quá ư phân tách tỷ mỷ, những khoa học kia chỉ có những đối tượng vụn vặt về con người chứ không còn phải là con người toàn vẹn. Mà trong thực tế thì con người vốn là một cái gì duy nhất bất khả phân ly. Con người toàn vẹn đó phải là đối tượng của một nền giáo dục nhân bản.

Giáo dục con người không thể chỉ nguyên chú trọng đến một phương diện thể xác hay lý trí như những khoa học sinh lý tâm lý. Vì muốn đào tạo nên một người hoàn toàn, tất nhiên phải giáo dục con người về hết một phương diện để làm nảy nở hết mọi khả năng nơi con người. Con người có thể xác cần phải được tập luyện bằng khoa thể dục ; con người có lý trí cần phải được mở mang với tất cả những môn học của khoa trí dục ; và ngoài cái phần thể xác, lý trí, con người còn có một nhân cách cần phải được phát triển : đó là mục đích của khoa đức dục.

Có phát triển về tất cả những phương diện thể dục trí dục, đức dục, con người mới được thăng bằng không bị lệch lạc. Cũng như trong thân thể người ta các phần đều phải nảy nở thì thân hình mới cân xứng. Nếu chỉ có cái đầu lớn mà thân mình và tứ chi không phát triển thì người đó thành một người lùn. Một nền giáo dục nhân

bản, muốn đạt mục đích đào tạo nên những con người hoàn toàn, phải là một nền giáo dục toàn diện, gồm cả đức dục, trí dục và thể dục.

Thành phần giáo dục nào cũng quan trọng và cần thiết. Nếu đức dục, trí dục là cần, thì thể dục cũng có cái giá trị của nó. Một người mà thân thể cường tráng, với tài đức tương đương, vẫn có thể giúp ích cho đời hơn một người mà thân thể bịnh hoạn, yếu đuối.

Nói thế không phải là những khoa giáo dục kia có giá trị như nhau. Cần phải có một cầu thang giá trị : thể dục, tuy có cái giá trị của nó, nhưng không bằng giá trị của trí dục ; và trí dục so sánh với đức dục thì giá trị cũng kém xa. Những người hữu tài mà vô hạnh, chẳng những không giúp ích gì cho đời, mà thường khi lại còn làm hại rất nhiều. Vì thế trong việc giáo dục phải biết đặt một trật tự.

Với cầu thang giá trị đó, công cuộc giáo dục sẽ được tổ chức một cách hợp lý. Người ta sẽ không bỏ ra từng trăm triệu để xây dựng những vận động trường, trong khi đó thì hàng triệu trẻ em không có trường học. Người ta cũng không chỉ chăm lo về ngành trí dục mà bỏ quên phần đức dục còn quan trọng hơn.

Một nền giáo dục toàn diện sẽ không bỏ qua một giá trị nào nơi con người mà không lo cho phát triển. Nhưng vì cũng là một nền giáo dục nhân bản, nên sẽ chú trọng đến thành phần nào có giá trị hơn nơi con người, tuy không phải vì thế mà sao nhãng những cái giá trị kém thua. Và nếu vì những lý do thực tế không thể thực hiện được một chương trình giáo dục hoàn toàn, thì nên hy sinh phần nào giá trị kém hơn, để duy trì lấy cái phần tinh túy hơn cả.

Có được hai đặc tính nhân bản và toàn diện như trên, một nền giáo dục mới xứng danh là một nền giáo dục chân chính, mới đạt tới được mục đích là đào tạo nên những con người có phẩm cách biết sống cái Đạo làm người.

Những ai là người có quyền lợi và trách nhiệm trong công việc giáo dục đó, chúng tôi sẽ xin bàn đến ở một bài sau.

BÍCH-QUANG

Danh ngôn, danh lý

TIÊN KIẾN, DỰ PHÒNG

★ Công việc thiết yếu của người lãnh đạo là dự phòng và sửa soạn tương lai. Tương lai không phải là cái không thể tính trước được mà cũng không phải là cái đã quyết định rồi, không thể thay đổi được nữa. Người lãnh đạo phải thấy trước những cái có thể làm được, nghĩa là phải có tài dùng tưởng tượng mà xây dựng tương lai.

★ Thiên hạ chưa lo đến, mình phải lo trước cho thiên hạ. (Phạm-Trọng-Yêm)

★ Việc có dự trước thì làm mới nên. (Trung-Dung)

VĂN thế nào là ba-lan?

★ —— *NGUYỄN-HIẾN-LÊ*

Ý TƯỞNG và cảm xúc cực mạnh thì giọng văn sẽ hùng hồn mà người đọc có cảm tưởng đương đi trên đất bằng, được đưa lên một ngọn núi cao. Nếu ý tưởng và cảm xúc dồi dào, nối tiếp nhau như những đợt sóng, cứ đợt nầy vừa hạ, đợt sau đã nối, làm cho độc giả luôn luôn ngạc nhiên, tưởng là hết mà lại chưa hết, thì văn có tính cách ba lan. Ba lan là hai tiếng gốc Hán để chỉ những sóng nhỏ và to.

Xét theo nghĩa rộng, một truyện dài hoặc một vở kịch, nếu tình tiết dồn dập nhau, tác giả cứ cởi xong núi nầy lại thắt ngay nút khác, như vậy nhiều lần, thì văn của tác phẩm đó cũng gọi là ba lan.

Chẳng hạn truyện Kiều, Kim-Trọng và Kiều sau khi gặp gỡ nhau trong cuộc đi chơi Thanh-minh, về nhà tương tư nhau : tác giả, thắt một mối ; rồi Kim-Trọng lân la tìm Kiều, hai bên thề thốt : thế là mối tương tư gần gỡ được.

Đột nhiên, Kim-Trọng phải về hộ tang chú ; trong khi đó Vương viên ngoại mắc nạn, Kiều phải bán mình chuộc cha mà về với Mã - Dám - Sinh. Vậy mối trên chưa gỡ xong đã thêm một mối nữa ; nhưng mối này cởi được ngay và ta tưởng đời Kiều tới đó đã định, tuy buồn tủi song cũng là yên phận, còn Kim-Trọng sau nầy trở lại thì đã có Thúy-Vân đó thay cho Kiều, cũng gọi là tạm yên nữa.

Nào ngờ đâu Kiều gặp Tú-Bà đến nỗi phải quyên sinh, quyên sinh mà không chết, nghe lời dỗ ngọt của Tú-Bà ra ở lầu Ngưng bích : lại thắt rồi lại gỡ.

Động tác tới đó đã dịu, như một đợt sóng đương xuống thì tiếp ngay đợt sau: Kiều mơ tưởng sự thoát ly, bị Sở Khanh gạt, thành thử mắc mưu Tú-Bà, phải ra tiếp khách (lại cột), may gặp Thúc-Sinh, được Thúc-Sinh chuộc về làm thiếp (lại cởi).

Nhưng chưa yên. Kiều bị Khuyển-Ưng, Khuyển-Phệ bắt cóc về cho Hoạn-Thư, chịu không nổi cảnh hành hạ và lòng ghen của vợ cả, phải trốn đi ở chùa : lại một đợt sóng nữa lên rồi xuống.

Cứ như vậy, một mối được cởi ra, động tác dịu xuống thì một mối khác lại thắt vào, động tác dâng lên, tai nạn dồn

dập mà Kiều phải vào thanh lâu một lần nữa, gặp Từ-Hải, rồi chôn Từ-Hải, gieo mình xuống sông Tiền-đường.

Khi dòng nước cuốn nàng đi, ta đã tưởng là hết truyện, nhưng nợ trần nào đã rũ sạch, nàng được Giác-Duyên vớt về tu trong một cái am. Cuối cùng Kim-Trọng tìm được nàng, đòi nối lại duyên thừa, từ chối không được, nàng phải nhận : mối thắt ở đầu truyện bây giờ mới gỡ.

Tóm lại, trong mười lăm năm lưu lạc, mấy lần ở thanh lâu, mấy lần hoàn lương, mấy đời chồng, mấy lần tu, cuộc đời nhồi tấm thân nàng lên xuống biết bao phen thì thơ của Tố-Như cũng có bấy nhiêu đợt sóng.

★

Về kịch, ta có thể mượn kịch Phèdre của Racine làm thí dụ. Kịch ấy gồm năm hồi và có ba biến chuyển đột ngột.

Trong hồi thứ nhất, Phèdre, nhân vật chính, yêu con riêng của chồng là Hippolyte, song biết tình của mình là tội lỗi và gần như tuyệt vọng, rán nén lòng, tìm cách xa Hippolyte, thì bỗng có tin chồng nàng là Thésée, tức cha của Hippolyte, chết ở xa. Tin đó ảnh hưởng lớn đến tâm trạng nàng : một đợt sóng đương lên chưa biết cao tới bực nào.

Qua hồi thứ nhì, Phèdre thấy tình của mình không tuyệt vọng nữa, có thể hành động tự do được, bèn tỏ tình với Hippolyte, nhưng bị Hippolyte cự tuyệt vì chàng chỉ yêu Aricie, công chúa thành Athènes.

Mối đó mới thắt mà chưa cởi được thì bỗng nhiên tới hồi sau, lại có tin Thésée chưa chết và sắp về. Phèdre hoảng sợ. Œnone, người hầu tâm phúc của nàng bày mưu vu oan Hippolyte đã loạn luân để gỡ tội cho nàng : lại thêm một gút nữa, và đợt sóng thứ nhì nhô lên.

Hồi thứ tư, Thésée tin lời của Œnone, nổi giận, đuổi con đi, lại khẩn thần biển đánh đắm con nữa. Phèdre hối hận, muốn tự thú với chồng để minh oan cho Hippolyte, song khi hay tin Hippolyte say mê Aricie, lòng ghen sùng sục, nàng sinh ra độc ác, muốn hại Hippolyte. Lại một đợt sóng nữa.

Hồi cuối, Hippolyte từ biệt Aricie ra đi. Thésée nghe Aricie kể chuyện, biết được một phần sự thực, ngờ rằng đã nghi oan cho con, nhưng đã quá trễ : có tin báo Hippolyte đã chết đắm. Phèdre thú tội rồi uống thuốc độc tự tử.

Vậy động tác trong kịch đó đã lên xuống ba lần như ba đợt sóng và các mối thắt trong bốn hồi đầu đến hồi cuối cùng mới được cởi ra một lúc do cái chết của Hippolyte và của Phèdre. Kết như vậy quá bi thảm mà cởi như vậy không tự nhiên, song đọc vở kịch, ai cũng phải nhận là động tác dồn dập, lôi cuốn ta từ đầu đến cuối.

★

Chỉ trong một chương hay một đoạn, ta cũng có thể nhận được tính cách ba lan của văn. Chắc bạn nào cũng thuộc đoạn tả chị em Kiều đi chơi Thanh minh, một đoạn kiệt tác rất hiếm trong văn học của nhân loại. Từ cảnh đến tình đều nối nhau thay đổi như trên một bức bích họa rộng lớn, mà tình và cảnh luôn luôn hợp với nhau, điều hòa vô cùng, cảnh không lấn tình, mà tình cũng không lấn cảnh. Thực là một khúc hòa tấu tuyệt diệu của người và tạo vật.

Về cảnh thì mới đầu là cảnh rực rỡ, nô nức của tiết xuân, rồi tới cảnh thanh thanh của một dòng nước nhỏ, một chiếc cầu cong cong, cảnh dầu dầu trên một ngôi mộ hoang như có vong hồn đâu đó, rồi đột ngột tiếp cảnh rùng rợn ngay một cảnh rất nên thơ có nhạc vàng, có ngựa trắng, có văn nhân, có thiếu nữ, có hoa, có cỏ; sau cùng là cảnh buồn man mác của một dòng nước trong veo với những hàng liễu tha thướt. Còn về tình thì nào là tình vui nô nức đi thưởng xuân, tình buồn và thương người bạc phận, tình sợ khi thấy «dấu giầy tình bước in rêu rành rành » ; chưa hết sợ đã tới vui trai tài gái sắc, rồi e lệ, rồi bâng khuâng, rồi nhớ tiếc, trước sau năm sáu đợt sóng tình nối nhau lên rồi xuống.

Khi cho Kiều bày tỏ những lý lẽ để từ chối lời Kim-Trọng yêu cầu nối lại tình xưa, giọng của Nguyễn-Du cũng ba lan. Kiều nói :

... « *Gia thất duyên hài,*
Chút lòng ân ái ai ai cũng lòng.

Nghĩ rằng : « Trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.

Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.

Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.

Còn chi là cái hồng nhan ?
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào ?

Nghĩ mình chẳng hổ mình sao ?
Dám đem trần cấu dự vào bố kinh !

Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru !

Từ rày khép cửa phòng thu,
Chẳng tu thì cũng như tu mới là !

Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ.

Nói chi kết tóc xe tơ,
Đã buồn cả ruột, mà dơ cả đời !

Trong đoạn ấy, Kiều quả là khéo ăn khéo nói, mới đầu nhận lời Kim-Trọng là phải, rất hợp nhân tình, vì ai mà chẳng ao ước mối duyên lành. Rồi nàng thì « ong qua bướm lại đến thừa xấu xa ». Nàng biết trước Kim-Trọng sẽ có lý lẽ khác để bẻ nàng, nên chặn ngay : đã dành Kim-Trọng hiểu nàng thì tất không ngại gì cả, song còn nàng nữa, nàng cũng tự thẹn với nàng chứ ? Lời tự mạt sát ấy làm cho gay mắt chàng Kim, phẩm giá nàng càng cao. Sau cùng, khăng khăng từ chối thì cũng tệ, nàng đành chiều lòng để an ủi : « đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ ».

Ý tưởng xô đẩy nhau thành bốn đợt : nhường, rồi bác, rồi lại bác mạnh hơn nữa, sau cùng nhượng bộ một phần.

*

Muốn cho văn ba lan, ý tưởng và cảm xúc phải dồi dào, liên tiếp nhau một cách tự nhiên và đột ngột. Tính cách đột ngột ấy cần thiết nhất : thiếu nó thì người đọc không có cảm tưởng rằng hết đợt sóng nầy tới đợt sóng khác mà thấy toàn bài chỉ là một đợt sóng độc nhất mỗi lúc một tiến gần tới bờ hơn thôi.

Trong bài *La conscience*, Victor Hugo tả sự cắn rứt của lương tâm. Caïn, sau

khi giết anh, thấy một con mắt trừng trừng (con mắt của lương tâm) ngó y ; y hoảng sợ, dắt vợ con chạy trốn.

Mới đầu bọn họ tới chân một ngọn núi, ngừng lại nghỉ, nhưng Caïn không ngủ được vì trong đêm tối, con mắt đó vẫn nhìn y. Y bèn đánh thức vợ con dậy, lại trốn, đi ngày đi đêm trọn một tháng trường tới bờ biển, tưởng là yên thì vẫn thấy ở chân trời con mắt ấy. Tới đó là chỗ cùng tận của thế giới, không biết chạy đâu nữa, y bảo các con căng lều lên che, nhưng con mắt lại hiện lên ở trong lều. Caïn vừa sợ vừa tức, bắt các con xây tường bằng đồng ở chung quanh, cũng vô hiệu ; rồi xây cả một tòa thành để y núp ở trong, song thành vẫn không ngăn nổi con mắt. Cuối cùng, các con y đào hầm cho y trốn, lần nầy y tin chắc là yên, nhưng nắp hầm vừa đậy thì con mắt đã ở trong hầm ngó y rồi.

Trước sau có tất cả sáu lần trốn, nên bài thơ của Victor Hugo cũng chia làm sáu đoạn ; song không phải vì vậy mà văn ông ba lan, vì sáu ý ấy không có tính cách đột ngột, mà chỉ có tính cách tiệm tiến. Ta không thấy sáu đợt sóng nối tiếp nhau, chỉ thấy một đợt dâng lên một chút rồi nghỉ, rồi dâng lên nữa, như vậy sáu lần.

Văn đột ngột là khi nào đọc xong một đoạn, ta tưởng bài đã đủ nghĩa, không còn gì thêm nữa, nhưng đọc tiếp, ta thấy một ý khác bất ngờ, nó làm cho văn lại tiếp tục được. Bài *La conscience* không cho ta cảm giác ấy. Người nào sành văn, sau khi đọc được một phần ba bài tất đoán được bút pháp tác giả trong phần sau : Caïn sẽ tìm những cách khác chắc chắn hơn để trốn con mắt lương tâm nhưng đều vô hiệu ; và cứ như vậy, Victor Hugo có thể kéo dài thêm bảy tám đoạn nữa cũng được. Do sự đoán trước được đó, hứng thú của độc giả bớt đi nhiều.

★

Vậy ý phải đột ngột. Nhưng đột ngột không phải là mất liên lạc với nhau. Sự liên lạc đó có thể rõ ràng nếu nó thuộc về lý luận như trong đoạn Kiều đáp Kim-Trọng tôi đã trích ở trên, hoặc tế nhị nếu nó thuộc về cảm xúc như trong đoạn kết dưới đây của tập du ký *Đế-Thiên Đế-Thích* chưa xuất bản :

« Thành Angkor Thom dài ba nghìn thước, hào rộng trăm thước, tường cao tám chín thước, thế thì binh khí hồi xưa sao phá nổi ? Có phải các vua chúa Cao-Miên thời đó đã rút hết cao huyết, đục hết gân xương của bá tánh mà xây lên đó không ? Trách chi Đế-Thiên Đế-Thích chẳng mau thành phế tích như vậy ? Trách chi dân Chiêm-Thành chưa tới, người Miên đã chẳng bỏ công trình vĩ đại của họ mà dời đô xuống Oudon !

«Nghĩ đã thương cho họ mà cũng thương cho loài người. Khắp từ Đông qua Tây, từ cổ đến kim, chỗ nào, thời nào ta cũng thấy phế tích của những kinh thành, lâu đài đánh dấu cái ngu xuẩn mênh mông, vạn đại bất dịch của nhân loại. Egypte, Babylone, Athènes, Rome, Carthage, Đế-Thiên Đế-Thích ! Biết bao tiếng sang sảng trong tâm hồn ta nhắc ta biết bao cuộc thịnh suy, giết hại đốt phá và sự tiêu diệt của biết bao quốc gia.

«Kẻ xây cất những lâu đài ấy đã là ngu mà kẻ đốt phá còn ngu hơn nữa. Kẻ kia đã tốn biết bao công dề tô điểm thiên nhiên thì ta bảo tồn đi, du ngoạn đi, đốt phá làm chi ? Sống sau họ hàng ngàn năm mà ngắm những cảnh họ ngắm, nghe những tiếng họ nghe, đã không mất chút công khó nhọc mà có những cảm giác mê li của họ, lại còn được cười cái ngu của họ, chẳng thú lắm ư ? Người phương Tây biết bảo tồn những di tích tráng lệ thật là khôn hơn người phương Đông chúng ta nhiều ».

Đoạn kết đó chia làm ba phần rõ rệt. Phần thứ nhất giảng cái lẽ suy vi của dân tộc Cao-Miên : vua chúa xa xỉ mà không thương dân. Phần thứ nhì mở rộng thêm một lớp, thương chung cho những dân tộc đông tây đã có một nền văn minh rực rỡ rồi bị tiêu diệt. Giữa hai phần đó ý vẫn liên tiếp. Qua phần thứ ba, ý đột nhiên hơn : tác giả cười những người phương Đông không biết bảo tồn di tích mà đời sau đốt phá những đền đài của đời trước. Tuy vậy, giữa phần nhì và phần cuối, vẫn có một sự liên lạc tế nhị và tự nhiên : sự liên lạc đó là cảm thán của tác giả.

Nếu trong phần thứ ba, tác giả khen cái đẹp của Đế-thiên Đế-thích rồi tiếc không có đủ thì giờ để coi kỹ, tự hẹn sẽ trở lại coi một lần nữa thì mối cảm thán sẽ dứt, mà cả đoạn sẽ hỏng.

Vì trong văn ba lan, sự liên lạc càng tế nhị, ý càng có vẻ đột ngột, thì nghệ thuật càng khéo, cho nên thường không dùng phép chuyển : nó chỉ làm cho ý thêm loãng. Bạn thử kiếm cho tôi một hai câu chuyển nào không thừa để xen vô giữa c âu:

Chẳng tu thì cũng như tu mới là !

và câu :

Chàng dù nghĩ đến tình xa

trong đoạn dẫn ở trên của Nguyễn-Du. Không thế nào kiếm được.

Khi nào cần chuyển thì câu chuyển phải tự nhiên và càng ngắn càng hay, như những câu ở đầu phần thứ nhì.

« Nghĩ đã thương cho họ mà cũng thương cho loài người » và đầu phần thứ ba :

« Kẻ xây cất những lâu đài ấy đã ngu mà kẻ đốt phá còn ngu hơn nữa, » Trong đoạn kết Đế-thiên Đế-thích. Hai câu ấy tuy ngắn như vậy mà tôi thấy vẫn còn có cái gì thừa, giá bỏ đi được thì hơn.

Đoạn kết đó còn có một chỗ vụng nữa là ba phần cân đối nhau quá mà kỹ thuật của văn ba lan ta phải cho văn khó tiến theo từng đợt, đợt đầu dài rồi những đợt sau lần lần thu lại để cho cảm xúc triền miên. Cũng vì lẽ đó tôi cho rằng đoạn cuối bài *La mort du loup* của Alfred de Vigny, hùng hồn chứ không ba lan.

Sau khi tả cái chết hùng dũng của con chó sói biết mình bị vây không lối thoát, bèn nhảy lại cắn cổ một con chó săn gan nhất, rồi không thèm kêu một tiếng, để cho súng bắn nát mình, dao đâm lủng ruột, Alfred de Vigny kết :

Hélas ! ai-je pensé, malgré ce grand nom d'hommes,
Que j'ai honte de nous, débiles que nous sommes !
Comment on doit quitter la vie et tous ses maux,

C'est vous qui le savez, sublimes animaux !
A voir ce que l'on fut sur terre et ce qu'on laisse,
Seul le silence est grand, tout le reste est faiblesse.
Ah ! je t'ai bien compris, sauvage voyageur,
Et ton dernier regard m'est allé jusqu'au coeur.
Il disait : « Si tu peux, fais que ton âme arrive,
A force de rester studieuse et pensive,
Jusqu'à ce haut degré de stoïque fierté
Où naissant dans les bois, j'ai tout d'abord monté.
Gémir, pleurer, prier est également lâche
Fais énergiquement ta longue et lourde tâche
Dans la vie où le sort a voulu t'appeler,
Puis, après, comme moi, souffre et meurs sans parler ».
(Tôi đã nghĩ : Hỡi ơi ! mặc dầu chúng ta mang cái đại danh là loài người,
Tôi mắc cỡ cho chúng ta biết bao, cái hạng bạc nhược là chúng ta !
Hỡi loài vật cao cả, chính mi mới biết rõ
Phải rời bỏ đời sống cách nào với tất cả những đau khổ của nó.
Cứ xét con người là cái gì trên trái đất, và chết đi để lại cái gì
Thì (chúng ta thấy) chỉ có sự làm thinh là cao thượng, còn hết thảy đều là hèn yếu.
Ôi ! Ta đã hiểu rõ mi, đá thú lang thang (kia),
Và vẻ nhìn lần cuối cùng của mi đã đi sâu vào tim ta,
Nó ngụ ý : « Nếu có thể được, anh nên làm sao cho tâm hồn anh,
Nhờ công kiên nhẫn luyện tập và suy nghĩ,
Đạt tới cái trình độ kiêu hãnh gan dạ
Mà sinh ở rừng ta đã lên được trước hết.
Rên rỉ, khóc lóc, cầu nguyện đều là hèn cả.
Cứ cương quyết làm nhiệm vụ nặng nhọc và lâu dài của anh
Trong đời sống mà định mạng đã gọi anh tới,
Rồi sau đó, như ta đây, cứ lẳng lặng đau khổ mà chết. »

Alfred de Vigny là một thi sĩ có tư tưởng triết lý ; ông mượn con chó sói để khuyên chúng ta thản nhiên chịu đau khổ ở đời, nên trong đoạn đó ông dùng một bút pháp mạnh mẽ cốt diễn cho hết ý. Ông có thể ngừng lại ở câu :

« Seul le silence est grand, tout le reste est faiblesse. » Nhưng cảm tưởng còn triền miên, ông viết thêm mười câu nữa, mở rộng ý trong câu đó ra, lời rất là hùng hồn, nhất là bốn câu cuối. Nếu muốn cho văn ba lan, thì đoạn mười câu đó phải thu lại cho ngắn hơn và diễn một ý khác với ý trong sáu câu trên.

★

Tóm lại, văn ba lan cần ba điều kiện :

— Ý đột ngột.

— Nhưng phải liên tiếp nhau một cách tự nhiên, mà mối liên lạc càng tế nhị càng quý.

— Những đợt văn càng về cuối càng nên ngắn.

Những điều kiện ấy đều có đủ trong đoạn kết bài *A-Phòng cung phú* của Đỗ-Mục đời Đường, một danh tác vào bực nhất cổ kim, mà các nhà nho hồi xưa đều thuộc. Bài đó tôi đã trích và dịch cả âm lẫn nghĩa trong bộ *Đại cương văn học sử Trung-quốc* cuốn I ; ở đây chỉ xin chép lại bản dịch nghĩa rồi phân tích nghệ thuật của tác giả trong đoạn kết mà tôi dùng làm kiểu mẫu cho giọng văn ba lan.

Bài phú cung A-Phòng (1)

« Sáu vua bị diệt, bốn bể thống nhất (2), núi xứ Thục trọi, cung A-Phòng xuất (3).

« Cao muốn đụng trời xanh, trên ba ngàn dặm che lấp. Xây từ Kỳ-sơn ở phương Bắc, vòng qua Tây, chạy thẳng xuống Hàm-dương. Hai con sông chảy lờ đờ vào tới chân tường. Năm bước lại một lầu, mười bước lại một gác, hành lang uốn uốn như lưng người, mái nhà cong cong như mỏ quạ, đều ôm địa thế, góc thì đâu nhau, giữa như cái móc. Quanh co chồng chất như ổ ong, như xoáy nước, không biết là mấy nghìn nóc. Cầu dài vắt ngang sông : chưa có mây, sao có rồng ? Hai đường bắc trên không : không phải mưa tạnh, sao có cầu vồng ? Cao thấp hỗn loạn, nào biết Tây Đông ? Xuân quang ấm áp : tiếng ca vui vầy ; gió mưa lạnh lẽo : tay áo múa bay. Cùng trong một cung, cùng trong một ngày, khí hậu khác thay ! Phi tần, thí nữ, vương tử, hoàng tôn dời lầu xuống điện, ngồi xe tới Tần, sáng ca tối đàn và thành cung nhân (4). Kìa sao lấp lánh : mở gương dấy mà ; mây xanh quấn quấn : mớ tóc xõa ra ; dầu sáp đổ đi : sông Vị đấy mà ; đốt tiêu đốt lan : đám khói tà tà ; sấm động kinh hồn : tiếng xe chạy qua ; nào biết đi đâu, ầm ầm ở xa. Cử chỉ, dong mạo hết sức làm duyên, đứng chờ xa xa, mong được vua nhìn. Có kẻ ngóng ba mươi sáu năm liền.

« Yến, Triệu gom góp ; Hàn, Ngụy kinh doanh ; Tề, Sở tinh anh, mấy đời mấy năm, cướp lấy đem về, chất cao thành núi, đã chẳng giữ nổi, thu lại nơi ấy. Đỉnh lư ngọc thạch, vàng bạc châu báu, vung vẩy rơi rác, người Tần trông thấy, cũng chẳng hề tiếc.

« Than ôi ! Lòng ai cũng vậy, nghìn người như một. Người Tần thích xa hoa thì người ta cũng nghĩ đến nhà, sao lấy thì thu nhặt từng chút mà dùng thì coi rẻ như cát bùn ! Khiến cho cột đỡ rui nhiều hơn nông phu ngoài đồng ; cho kèo đỡ nóc nhiều hơn chức nữ trên khung ; cho đầu đinh lô nhô nhiều hơn hột lúa trong kho ; phiến ngói so le nhiều hơn quần áo ngoài phố ; lan can bực cửa nhiều hơn thành quách mọi chỗ ; tiếng sáo tiếng đờn nhiều hơn tiếng nói trong chợ ; làm cho người thiên hạ không dám nói mà dám phẫn nộ ; lòng kẻ thất phu (5) thêm kiêu căng, ngoan cố. Lính thú hét hò (6), Hàm-

(1) Bài thuộc thể hiền ngẫu, có đối có vần. Tôi muốn giữ thể đó, nên bản dịch nhiều chỗ tối nghĩa, phải chú thích,

(2) Tần diệt sáu nước : Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy rồi thống nhất Trung Quốc.

(3) Ý muốn đốn hết cây xứ Thục để dựng cung A-Phòng.

(4) Phi tần những nước khác tới A-Phòng làm cung nhân nhà Tần.

(5) Chỉ Tần-Thủy-Hoàng.

(6) Chỉ Trần - Thiệp, người đầu tiên dấy binh đánh Tần.

Cốc nổi dậy (7), đuốc Sở một bó (8), thương thay, tro tàn trơ đó !

« Than ôi ! Kẻ diệt lục quốc không phải là Tần mà là lục quốc. Kẻ diệt Tần chính là Tần, không phải là thiên hạ. Buồn thay ! Người lục quốc nếu biết yêu nhau thì đủ sức chống cự với Tần. Nếu Tần lại yêu người lục quốc thì truyền từ ba đời đến vạn đời, làm chủ thiên hạ, ai diệt Tần được ?

« Người nước Tần không có thì giờ để thương cho họ mà người đời sau than thở cho họ ; người đời sau than thở cho họ mà không biết lấy đó làm gương, khiến người đời sau nữa lại phải than thở cho người đời sau nữa. »

Bài chia làm bốn phần :

— Phần thứ nhất : hai hàng đầu, kể cung A-Phòng dựng nên lúc nào, trong trường hợp nào.

— Phần thứ nhì : tới « *Có kẻ trông ngóng ba mươi sáu năm liền* » tả cảnh rực rỡ, xa xỉ trong cung A-Phòng.

— Phần thứ ba : tới « Người Tần trông thấy cũng chẳng hề tiếc » kể sự tàn bạo của vua Tần cướp bóc lục quốc mà dựng cung.

— Phần thứ tư, từ « *Than ôi ! Lòng ai cũng vậy* » cho đến cuối bài là phần kết, ghi cảm tưởng của tác giả.

Phần kết này lại gồm ba đoạn :

Từ « *Than ôi ! Lòng ai cũng vậy...* » tới « *thương thay, tro tàn trơ đó !* » tác giả trách người Tần thích xa hoa, không nghĩ đến nỗi khổ của dân, nên dân phẫn uất, nổi lên diệt Tần và Tần bị diệt thì cung A-Phòng ra tro.

Bài văn tới đó đã đủ nghĩa, tác giả có thể ngừng được, nhưng cảm tưởng của ông còn dào dạt, ông viết thêm một đoạn nữa, từ « *Than ôi ! kẻ diệt lục quốc* » đến « *làm chủ thiên hạ, ai diệt Tần được ?* » mà đại ý là Đỗ-Mục trách cả lục quốc lẫn Tần : lục quốc không biết yêu nhau, nên bị Tần diệt ; rồi Tần không biết yêu người lục quốc nên bị diệt nữa.

Đến đây ta tưởng là hết hẳn rồi, nhưng không, tác giả vẫn chưa cất bút, còn tiếp đoạn cuối để than thở cho tất cả những người đời sau đã thương hại cho Tần mà không biết noi gương Tần đến nỗi lại mắc cái họa diệt vong của Tần.

Bạn nhận thấy ba đoạn trong phần kết ấy như ba đợt sóng, cứ một đợt hạ xuống thì một đợt khác đưa lên, gây cho ta một cảm giác bất ngờ rất thích thú.

Xét về số chữ thì đoạn trên dài nhất (trong nguyên văn 132 chữ), đoạn giữa ngắn hơn (59 chữ) và đoạn cuối ngắn nhất (29 chữ) thành thử ta có cảm tưởng như đợt sóng ở xa cao hơn cả, rồi càng gần tới bờ càng thấp lần đi.

Mà xét về nội dung thì càng gần cuối bài, ý càng mở rộng : trong đoạn trên, chỉ trách riêng Tần ; tới đoạn sau trách cả lục quốc lẫn Tần ; và ở đoạn cuối trách hết thảy những đời sau, có lẽ cả đời Đường mà tác giả đương sống. Ý tứ liên tiếp nhau tự nhiên (cho nên bạn nhận thấy không cần tới một chữ nào để chuyển) mà văn chương thì hàm súc. Hình ảnh muôn thủa mà Đỗ Mục gợi cho

(7) Lưu-Bang dấy binh ở Hàm Cốc..
(8) Hạng-Võ diệt Tần rồi đốt cung A-Phòng.

ta đó thực là mênh mông mà nỗi cảm thán của ông cũng triền miên như thời gian vô tận.

Khéo nhất là câu cuối.

« Tần nhân bất hạ tự ai | nhi hậu nhân ai chi ; | hậu nhân ai chi | nhi bất giám chi, | diệc sử hậu nhân nhi phục ai hậu nhân dã ! | »

Những chữ *ai, chi, hậu nhân* láy đi láy lại như đánh dấu những đợt sóng nhỏ : một đợt sáu chữ, rồi tới một đợt năm chữ, tiếp theo hai đợt nữa, mỗi đợt bốn chữ, sau cùng là một đợt dài nhất, mười chữ : rõ ràng là hình ảnh những đợt sóng gần tới bờ thì tiến gấp lên, rồi khi chạm bờ thì tỏa nhẹ và rộng ra trên cát mịn (6. 5. 4. 4. 10)

Tất nhiên Đỗ-Mục không phân tích tỉ mỉ như vậy rồi mới cấu tạo câu văn. Tôi chắc chắn rằng đoạn hay nhất đó chính là đoạn ông viết dễ dàng nhất : tình cảm theo ngọn bút mà tuôn trên giấy một hồi cho đến hết, mà nhạc trong văn chính là nhạc ở trong lòng. Cái nhạc đó mới là nhạc thần.

Cả trăm năm chưa chắc đã có được một bài văn mà nội dung và hình thức đều đạt tới mức tuyệt mỹ như vậy.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

✶ Thành công hay thất bại nhiều khi tùy thuộc cái nhãn lực của người lãnh đạo thấy xa hay thấy gần. Người ấy phải lường trước những hậu quả của quyết định mình, những chống đối có thể vấp phải và những khó khăn phải vượt qua trong một vài trường hợp.

✶ Người không nghĩ xa thì thế nào cũng gặp ưu hoạn. (Luận-ngữ)

Damon và Pythias

Damon và Pythias là hai nhà hiền triết Hy-lạp, thời vua Denys le Jeune, nổi tiếng về mối tình giao kết với nhau. Vua Denys bắt Pythias và ra lệnh xử tử ông. Pythias xin vua ban cho một kỳ hạn để thu xếp công việc. Damon bảo đảm nếu đúng kỳ hạn mà Pythias không ra nộp mình thì ông sẽ chịu chết thế cho bạn. Vua chấp thuận. Tới kỳ hạn Denys sắp sửa hành hình Damon thì Pythias vừa kịp xuất hiện. Vị bạo chúa cảm động vì đức trung tín hiếm có ấy, ra lệnh tha Pythias và yêu cầu được kết giao với hai nhà hiền triết hợp lại thành một bộ ba. Damon và Pythias một mực từ chối vì biết Denys không phải là người có thể kết giao được.

thắc mắc

Tội chung ? Trách nhiệm chung ?

★

Anh A ngày xưa đã từng hành động bất lương, tôi nhất quyết tìm cách xa anh.

Chị B ngày xưa đã từng hành nghề bất hảo, tôi cố tâm tìm cách lánh chị.

Ông C ngày xưa đã từng có thủ đoạn bất chính, tôi rẻ rúng ông và đặt ông ra ngoài vòng xã hội.

Tôi yên trí như vậy là tôi tôn sùng đạo đức và thái độ của tôi rất mực hợp lý, công bình.

Tôi có người bạn lại nghĩ khác hẳn. Anh bạn bảo tôi :

— « Thái độ của anh tỏ anh lẫn lộn tội với người phạm tội. Tội thì đáng gớm ghét, chứ người phạm tội thì ta không hề được quyền khinh miệt. Hơn thế, nếu cùng ở trong một hoàn cảnh, chưa chắc ai đã tội lỗi hơn ai. Và biết đâu anh chẳng là người « trông thấy cái rơm ở trước mắt anh em, mà không trông thấy cái xà ở trước mắt mình. » ?

Thái độ của anh cũng tỏ anh chưa hiểu cặt nghĩa liên đới trong trách nhiệm chung của xã hội đối với tội chung của mọi người và những hậu quả của tội chung ấy : tội ác do một người gây ra, cố nhiên có phần lỗi của người can phạm, nhưng, còn di truyền, còn hoàn cảnh, còn gương xấu..., là những thứ đã ảnh hưởng đến họ và không phải tự họ gây nên ?

Thái độ của anh còn tỏ anh quá bi quan về thân phận con người, không biết trong thiên hạ không có ai là kẻ bỏ đi, và ta không có quyền tuyệt vọng về bất luận người nào : một người cho thật xấu xa, chỉ khi đã chết, mới tắt hẳn cái hy vọng hoàn lương.

Nếu anh thừa nhận được những lẽ đó, thái độ của anh chắc sẽ đổi thay :

— Nếu chỉ có tội là đáng gớm ghét và có thể chính anh là kẻ có tội nặng hơn ai hết, thì anh có lý do gì ruồng rẫy anh em, mà không tôn trọng « chất người » dù sao và bao giờ cũng vẫn tồn tại ở nơi người họ ?

— Nếu tội là tội chung thì anh có lý do gì chối bỏ trách nhiệm chung của mọi người trong sự sa ngã của anh em, mà không gắng sức gần họ, để khuyến khích họ trở lại đường ngay và giúp họ phương tiện để « cải quá tự tân » ?

— Nếu anh không có quyền tuyệt vọng về tâm địa của một người nào trước khi họ nhắm mắt và nếu không ai có quyền coi ai là người vô dụng, thì anh có lý do gì mà không coi mình có bổn phận phải làm cho mọi người cùng được góp sức vào công việc tài bồi di sản chung của tiền nhân trao lại ? »

Bạn tôi có lý chăng ?

PHẠM-HOÀNG

CUỘC KHỞI NGHĨA *TẠI* TÂY-TẠNG

• HOÀNG-MINH-TUYNH

HIỆP-ĐỊNH ký kết giữa một nhóm các nhà lãnh đạo Tây-Tạng và một phái đoàn của chính phủ trung ương Bắc-kinh chấm dứt cuộc kháng chiến của Lạp-tát (Lhassa) chống lại cuộc xâm lăng của Trung-hoa Cộng-sản, tính đến ngày 23 tháng 5 năm 1959, là vừa được tám năm. Theo hiệp định này thì các yêu sách độc lập của Tây-Tạng được xếp vào loại « yêu sách chống lại Tổ-quốc » và tất cả những chủ quyền về ngoại giao và quốc phòng đều nằm trong tay chính phủ Bắc-kinh. Đổi lại, chính phủ này cam kết tôn trọng tự trị nội bộ, cơ cấu xã hội và tự do tín ngưỡng của Tây Tạng và không can thiệp vào việc quản lý các tăng viện.

Tuy nhiên, mãi sau khi ký kết với Nehru một hiệp định giải quyết các vấn đề do tình trạng mới gây nên, chính phủ Bắc-kinh mới chịu thi hành một vài biện pháp ban cho Tây Tạng một cái vỏ tự trị. Tháng 4 năm 1956, một Ủy-ban được thiết lập mệnh danh là Ủy-ban sơ bộ vùng tự trị Tây Tạng, do Đạt-lại Lạt-ma làm chủ tịch và Ban-thiền Lạt-ma làm phó chủ tịch. Ngoài ra, ủy ban còn gồm 51 ủy viên tuyển lựa trong số các công chức người Trung-hoa tại chỗ, các đảng đồ của Đạt-lại và Ban-thiền Lạt-ma, nhóm quí tộc Tây Tạng và dân chúng vùng Chamdo. Tất cả các nhân viên trong ủy ban và các tiểu ban được đề cử đều phải do tham-chính-viện (1) Bắc-kinh chuẩn y, và quyền bính của ủy ban thực tế nằm trong tay viên tướng chỉ huy quân đội Trung-hoa đóng ở Lạp-tát (Lhassa), giữ chức đệ nhị chủ tịch.

Đối với Bắc-kinh, phải hiểu tôn trọng tự trị nội bộ không có nghĩa là để tình trạng trầm trệ đình đốn trong xứ kéo dài. Trái lại, Bắc-kinh đòi nhân dân Tây-tạng phải tích cực và tự động tham gia vào mọi công cuộc cải cách mà Ủy-ban coi như có nhiệm vụ phải thi hành và gom sức với nhân dân. Để cho nhân dân được

(1) Cơ quan xét bàn mọi việc chính trị trọng yếu.

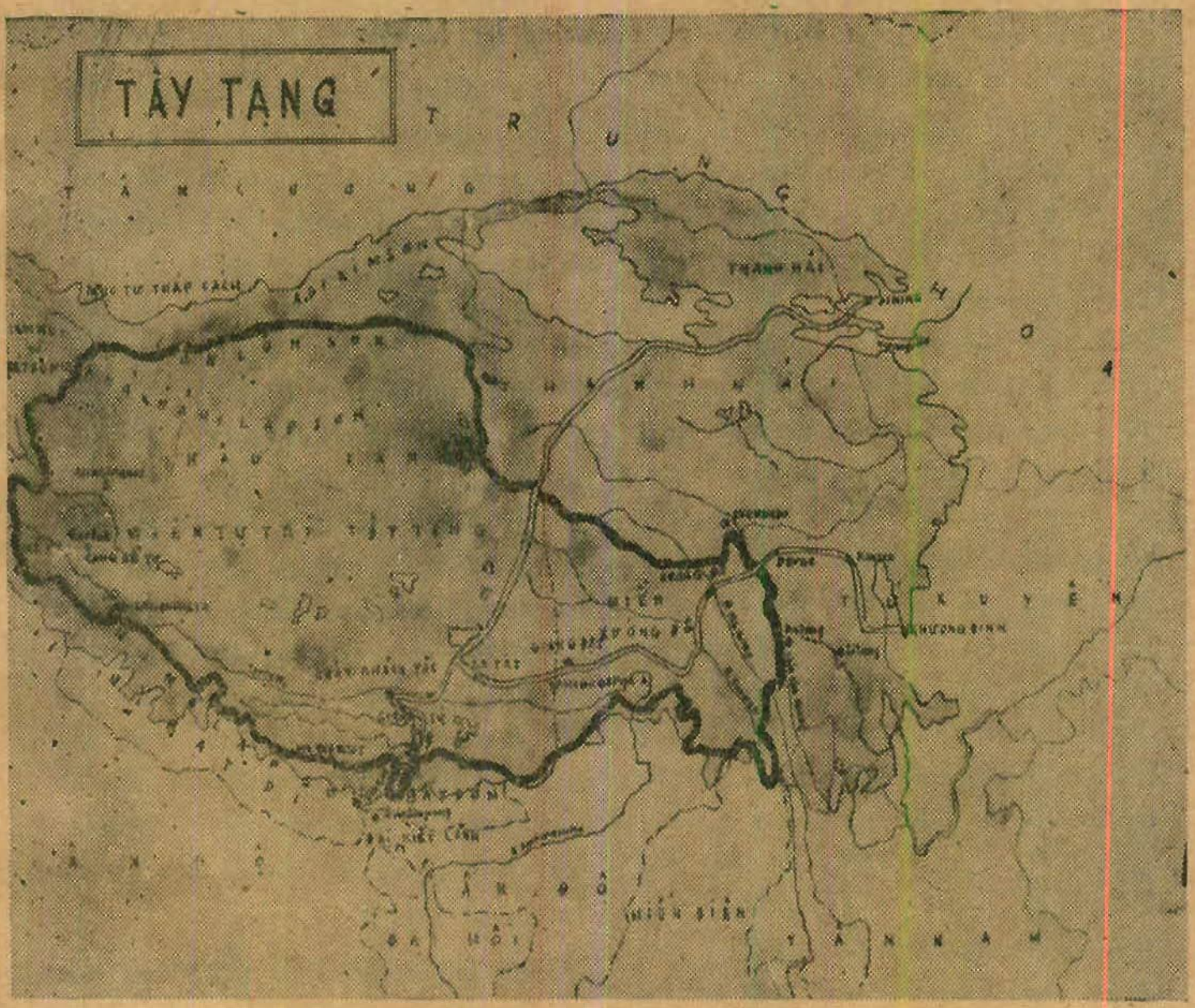

tiến triển trong con đường mới, Bắc-kinh trông cậy vào Ban-thiền Lạt-ma và các đảng đồ mà họ đã dụng tâm đưa sang Trung quốc, nhất là vào một số đông thanh niên và 2.000 thiếu nhi Tây-Tạng trở về nước sau một thời gian được giáo huấn tại Trung-hoa đỏ. Cố nhiên kịch ảnh, báo chí và truyền thanh, từ sau ngày chiếm đóng, đã trở thành những khí cụ tuyên truyền đắc dụng nhất.

Ngoài một thiểu số kể trên, các nhà lãnh đạo Tây-Tạng phần nhiều chống lại việc sáp nhập xứ họ vào nước Trung-hoa bằng chiến thuật trì hoãn và hợp tác có giới hạn.

Còn quảng đại quần chúng thì không những không cộng tác với người Trung-hoa mà còn tìm cách lẩn tránh, và từ năm 1956, họ bắt đầu dựng cờ khởi nghĩa trong vùng Dương-tử thượng. — Tại nơi đây, cuộc cải cách điền địa cũng như các sắc thuế đánh vào các lạt ma tự viện, vào lợi tức mùa màng và vào mục súc, gây ra một tình trạng hoang mang, căm hờn lan tràn toàn cõi. — Một số đông người phải lìa bỏ đất đai đi về phía Tây càng làm cho không khí trở nên hãi hùng, căng thẳng. Tự nhiên, Bắc-kinh cải chính, không nhận những tin tức loan báo cuộc khởi nghĩa có tính chất một cuộc kháng

chiến quốc gia ; họ đổ cho nguyên nhân các hành động trên phát khởi tự một vài tên « địa chủ phong kiến » Tây-Tạng.

Tuy nhiên, ngay từ khi đó, các phát ngôn nhân chính thức của Bắc-kinh cũng công nhận sự bất mãn của các bộ lạc đối với các nhân viên Trung-hoa tại Tây-Tạng cho rằng sự bất mãn không phải không có lý do chính đáng và xét thấy chưa thể biến đổi Tây-Tạng theo mẫu mực Trung-hoa được. Sau đó, nhân dịp lên tiếng tại Hội-nghị chính trị nhân dân Trung-quốc, một công chức Tây-Tạng đã được phép tuyên bố những lời như sau : « Mao-Trạch-Đông vừa ra lệnh hoãn các công cuộc cải cách tại Tây-Tạng trong thời gian thi hành kế hoạch năm năm lần thứ hai (1958 — 1962) ; sau đó, nghĩa là sang kế hoạch năm năm lần thứ ba, các cải cách ấy có thi hành hay không là tùy ý nhân dân Tây-Tạng » (Nhân dân nhật báo, 23 tháng ba 1957). Viên tướng chỉ huy quân đội chiếm đóng của Trung-hoa Cộng-sản là Trương-Quốc-Hoa, trong một bài diễn văn đọc trước công chúng tại thủ phủ Lạp-tát ngày 22 tháng tư, cũng công bố quyết nghị hoãn thi hành các công cuộc cải cách, cho rằng các điều kiện tiên quyết chủ yếu — nghĩa là sự chấp thuận của nhân dân và sự ủng hộ của quí tộc — chưa được hiển nhiên.

Tuy nhiên, viên tướng tư lệnh không quên nhấn mạnh vào điểm : « Tây-Tạng phải đi con đường chủ nghĩa xã hội. Có đi con đường này quốc tính Tây-Tạng mới có cơ phát triển tới cao độ về phương diện chính trị, văn hóa và kinh tế ». Cử tọa cũng được báo trước phải đề phòng những hoạt động phá hoại của « các phần tử đế quốc và những hành động chia rẽ của bè lũ phiến loạn chống lại Tổ-quốc ».

Sở dĩ Cộng-sản Trung-Hoa dùng chiến thuật trì hoãn này là để có thì giờ thiết bị một bộ máy đàn áp toàn thể Tây-Tạng. Họ di một số người Trung-Hoa đông tới bốn, năm triệu vào miền Đông Tây-Tạng với chủ ý làm cho dân miền này lâm vào nạn đói kém nhất là dân Khambas, là dân đã từng ra mặt nổi lên chống lại họ từ mùa hè năm ngoái, khi cơ nghiệp và đất đai bị tịch thâu. Các đường xá nối liền Trung-Hoa với Tây-Tạng bị cắt đứt nhiều nơi ; những cuộc phục kích luôn luôn tiếp diễn khiến cho quân lực Trung-Hoa phải ở trong tình trạng báo động thường trực. Thâm cung các tăng viện được mở ra để đón và giấu dân quân du kích. Các đoàn quân này đã từng đánh vào quân đội trú phòng những đòn chí tử ngay tại những điểm gần sát thủ phủ Tây-Tạng.

Trong khi đó Bắc-kinh đã dự định chia Tây-Tạng ra làm ba khu : Trung Tây-Tạng đặt dưới quyền kiểm sát của Đạt-lại Lạt-Ma ; Tây Tây-Tạng dưới quyền của Ban-thiền Lạt-Ma ; Đông Tây-Tạng, phần đất của dân Khambas dưới quyền của Cộng-sản Trung-hoa. Biện pháp của Trung-Hoa có thể gây ra những hiệu lực chính trị lớn lao, đưa lần họ tới chỗ nắm được ưu thế quyết định vận mạng của nhân dân Tây-Tạng. Trước hiểm họa trên, Nghị-hội cơ mật của Tây-Tạng triệu tập vào tháng hai vừa qua để thảo luận về tình hình và tìm biện pháp đối phó. Ngày 12 tháng Ba, Nghị-hội quyết định thuận theo nguyện vọng của Đạt-lại Lạt-Ma và tuyên bố Tây-Tạng độc lập.

Thế là việc phải xảy ra đã xảy ra như ta đã biết : toàn thể nhân dân, tăng lữ, và dân quân du kích liên hiệp lực lượng đề đuổi người Trung-Hoa. Quân đội Trung-Hoa nhờ có những đơn vị thiết giáp, phi cơ, trọng pháo đã đốt ra tro và phá thành bình địa hạ Cung của Đạt-lại Lạt-Ma và một số tăng viện họ nghiền tan cuộc khởi nghĩa tại thủ phủ trong một bể máu. Đạt-lại Lạt-Ma trốn thoát về Assam cùng với bốn vị bộ trưởng và mấy trăm quân kháng chiến. Mặc dầu bị một hỏa lực ghê gớm do địch quân ném đi đuổi theo, Đạt-lại Lạt-Ma cũng đạt tới lánh nạn tại Ấn-độ và các đảng đồ của ông hiện đang trấn giữ một phần ba lãnh thổ Tây-Tạng đã thành lập một chính phủ lâm thời cùng đã cử ông đứng đầu.

Quyết đoán về kết quả cuộc khởi nghĩa tại Tây-Tạng lúc này có lẽ quá sớm. Các nhà ái quốc Tây-Tạng hiện nay tuy có thất trận thật, song ngoài việc một cuộc khởi nghĩa từ nay đã khởi nhóm hẳn hoi tại Tây-Tạng, còn có hai sự kiện khác nổi bật lên, nhân vụ này: Thứ nhất là Trung-Hoa Cộng-sản bị gỡ mặt nạ trước dư luận thế giới, về những hành động xưa nay họ vẫn khéo léo che đậy để đánh lừa mọi người. Thứ hai là Ấn-độ bị đặt trước một vấn đề hết sức khó xử và buộc lòng phải có một phê phán thiết thực có thể đem tới những hậu quả rất mực phiền toái, nghiêm trọng cho họ.

Mọi người đều thấy hiển nhiên là Trung-Hoa Cộng-sản coi rẻ những lời họ đã long trọng cam kết với Tây-Tạng; có lẽ đó là một dịp để cho dân chúng Ấn-độ, Cận-đông và Phi-châu mở mắt ra nhìn thấy sự thật. Trung-Hoa thường ngày vẫn khoe mình có chủ trương giải phóng các dân tộc nhược tiểu khỏi ách thống trị của bọn đế quốc bỉ ổi. Lời khoe ấy trước cuộc đàn áp tại Tây-Tạng khó lòng còn đứng vững nữa.

Những dàn lửa khổng lồ trong đó cháy lên rần rật hàng ngàn tử thi của những tăng ni, nông dân và du mục chỉ có một tội là muốn được sống yên lành, làm cho người ta nhớ lại các cuộc đàn áp và giết chóc thường dân trước đây tại Budapest : cũng vẫn những căm hờn ấy, những oán hận ấy...

Để khỏi mất mặt về vụ toàn dân khởi nghĩa tại Tây-Tạng, chính phủ Bắc-Kinh phao tin Đạt-lại Lạt-Ma đã bị một toán cướp võ trang bắt đi và sắp đặt để cho ông vẫn được bầu làm phó chủ tịch quốc hội Trung-Hoa. Lối phao tin không đánh lừa được ai, kể cả những dân tộc Á-Phi là những dân tộc mà Bắc-Kinh muốn mơn trớn và che đậy dã tâm của mình bằng mọi cách. Hy vọng được các nước khác nhìn nhận và đưa vào Liên-hiệp-quốc của Trung-Hoa Cộng-sản hiện nay ở vào mức độ thấp nhất. Ngay tại trong nội bộ Trung-Hoa lục địa, tinh thần của những phần tử kháng cộng tích-cực hay tiềm ẩn tăng lên rất cao, chính các phát ngôn nhân của Chính phủ Bắc-kinh cũng phải công nhận sự kiện phấn phát này ở nơi « các phần tử phiến loạn ».

Song chính tại Ấn-Độ, ảnh hưởng những biến cố tại Tây-Tạng mới thật nghiêm trọng. Khi Ấn-Độ thâu hồi độc lập, các nhà quan sát chính tình Á-châu đều tiên đoán chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc tranh chấp lớn giữa các đại cường

quốc với nhau. Và Ấn-độ cho rằng, muốn gìn giữ mối thống nhất và nền độc lập của mình, cần phải quyết định việc giao hảo với người láng giềng Trung-Hoa và cần phải coi việc giao hảo đó là điểm căn bản trong chích sách đối ngoại.

Lần đầu tiên bị dao động vì cuộc xâm lăng của Trung-Hoa cộng sản tại Đại-Hàn và Tây-Tạng chính-sách của Ấn-Độ được tăng cường bằng một điều ước thân thiện (1954) ký kết giữa Nerhu và Châu-Ân-Lai có lời khai đoan công bố chủ trương Panch Shila, gồm năm nguyên tắc, được coi như cột trụ hướng dẫn chính sách ngoại giao của các nước liên hệ (lâm thời có thể có cả Liên-xô, các chư hầu của Liên-xô và các nước tham dự Hội nghị Bandoeng)

Trung thành với tinh thần của chính sách trên, Ấn-Độ bênh vực Trung-Hoa cộng sản trong mọi cuộc tranh chấp quốc tế. Đối với vụ Tây-Tạng, Nerhu chủ tâm giảm nhẹ những tin tức về các mối bất bình và về tình hình dao động từ bên ngoài Hy-mã-lạp-sơn đem tới ; đối với các yêu sách của Trung-Hoa đòi sáp nhập vào đất Trung-Hoa những phần lãnh thổ quan trọng mà trên lý thuyết thuộc về Ấn-Độ, ông Nerhu cũng nhắm mắt làm lơ ; cả đối với những bản địa đồ của Trung-Hoa in ra kẻ vạch ranh giới chung một cách bất lợi cho Ấn-Độ, ông Nerhu cũng cố làm ra vẻ thản nhiên, thây kệ nữa ; thậm chí có mấy phóng viên người Anh, căn cứ trên những bằng chứng không thể chối cãi, loan truyền những tin tức báo nguy về tình hình Tây-Tạng, cũng bị ông la rầy.

Rồi từ ngày 12 đến ngày 24 tháng Ba, tòa Lãnh sự Ấn tại Lạp-tát bị đặt vào giữa chiến cuộc ; các vụ tàn sát, đốt phá, tiêu diệt thường dân và việc Đạt-Lại Lạt-Ma chạy trốn, thảy thảy đều được Tòa Lãnh-sự Ấn báo về Tân-đề-li bằng vô tuyến điện.

Sau hết, ngày 31 tháng Ba một phái đoàn chính thức Tây-Tạng đến xin ra mắt ông Nerhu tại Tân-đề-li và đệ trình ông một thông điệp yêu cầu ông giúp cho bốn điều sau đây :

1) Tích cực hợp tác bảo vệ Đạt-lại Lạt-ma ;

2) Mở cửa biên giới đón dân tị nạn Tây-Tạng ;

3) Đưa việc Tây-Tạng ra Liên-hiệp-quốc ;

4) Cho một phái đoàn cứu thương đến giúp các người bị nạn tại Lạp-tát.

Vị thủ tướng Ấn trong lúc này thật không biết làm gì hơn là tỏ bày cảm tình của ông với dân chúng Tây-Tạng, và dẫn giải lý do khiến ông không thể giúp gì cho họ được, nhưng ông tin tưởng rồi ra mọi sự sẽ được giải quyết một cách êm thấm, tốt đẹp...

Trong dư luận Ấn, chỉ duy có đảng Cộng-sản và đảng Tiến-bộ là công khai tỏ vẻ hoan hỷ về việc Trung-Hoa cộng-sản đã có sáng kiến quét sạch « các tàn tích của một chế độ phong kiến mục nát, thời Trung-cổ ». Tại Quốc-Hội Ấn, đảng Xã-hội và đảng Cực-đoan cực lực chỉ trích chính phủ về chính sách phục tòng đối với Bắc-Kinh. Ông Gorny, nghị sĩ và tổng bí thư đảng Hã-hội, tuyên bố : « Sự chúng ta trông thấy hiện nay tại Tây-Tạng

là sự quyết tâm tiêu diệt một dân tộc và đặc tính của dân tộc ấy, in như đã xảy ra tại Hung-gia-lợi, cách đây ba năm vậy ».

Đối với tất cả các lời can thiệp và chỉ trích, ông Nerhu chỉ ôn tồn đáp lại một câu rằng : Ấn-Độ rất có cảm tình với dân chúng Tây-Tạng, song ông muốn theo đuổi chính sách thân thiện đối vớt Trung-Hoa.

Phải nhìn nhận một điều là vị thủ tướng Ấn-Độ bị đặt trong một tình thế hết sức khó khăn. Không kể uy tín của cá nhân ông hiện bị suy giảm rất nhiều trong hoàn cầu, ta có thể nghĩ đến hai điều rất khó xử cho ông trong vụ Tây-Tạng. Một mặt dân tộc Ấn vốn coi dân tộc Tạng là anh em ruột thịt trong một gia đình tôn giáo, quan hệ liên đới với nhau rất mực thắm thiết. Mặt khác, dân Tạng tị nạn đang dồn dập kéo nhau tới Bố-dan, (Bhutan) Triết-mạnh Hùng (Sikkim), Quách-nhĩ-khách (Népal) và nhất là Kalmpong trên đất Ấn, tất sẽ gây nên nhiều điều khúc mắc cho cuộc bang giao Trung-Ấn. Các lãnh địa trên, đều là những phiên thuộc cũ của Tây-Tạng cả. Bắc-Kinh rồi đây sẽ hành động cách nào ?

Mới rồi, một nghị sĩ trong Quốc-hội Ấn khi chất vấn Chính phủ về chính sách đối ngoại, hỏi ông Nerhu có biết các lực lượng quân sự Trung-Hoa hiện đang tụ tập tại biên thùy Ấn không ? Ông Nerhu đáp lại : « Tôi không nghĩ rằng Trung-Hoa muốn gây chiến với ta ; song nếu điều đó có xảy ra nữa, ta cũng có thể tự bảo vệ được : tôi còn biết nói gì với ông hơn nữa ? » !

Nhưng rồi đến khi những lời nói không còn đủ hiệu lực bảo vệ Ấn-Độ thì ông Nerhu sẽ tính thế nào ?

(Theo tài liệu của tạp chí Etudes tháng 5 năm 1959).

HOÀNG-MINH-TUYNH

Hồng phúc của César

Đại tướng La-mã César khi đem quân đi đánh Pompée, tới Hy-lạp thì cạn lương thực. Trong lúc túng thế, ông nhảy bừa vào một chiếc thuyền đánh cá của một dân chài và bảo người này đưa ông đi đón Antoine là người ông hy vọng đang đem cứu viện đến cho ông. Thuyền đang rẽ sóng vượt lên thì bỗng có phong ba nổi dậy, khiến người chủ thuyền hoảng hốt, định lái thuyền ghé trở lại bến. Ông liền quát bảo người thuyền chủ : « Ngươi sợ gì chớ ? Ngươi mang César và hồng phúc của César mà (Plutarque). » Vài ngày sau quả nhiên ông tiêu diệt được kẻ thù là Pompée tại Pharsale. Đời sau, người ta thường nhắc lại lời ông để chỉ những kẻ tin tưởng vào vận số hưng thịnh của mình.

SINH CON ĐẺ CÁI ?

ĐOÀN-THÊM

HƠN ba tháng nay, nghĩa là từ khi lấy chồng, Bích đã nhận được không biết bao nhiêu câu chúc của bà con chúng bạn : cuối năm nay sẽ sinh con, và con trai.

Bích chỉ cười, và bỏ ngoài tai, vì tâm trí cùng hoạt động hàng ngày hướng cả vào Câu để yêu đương chồng ; săn sóc, chiều chuộng, tô điểm cũng chỉ cốt cho cuộc đời lứa đôi nồng thắm: Câu cũng không mong gì hơn.

Hai người quen biết nhau rồi được lấy nhau ; sự thành hôn đối với họ là kết quả dĩ nhiên của tình yêu ; sống chung chẳng phải để đạt hạnh phúc hay sao, hà tất phải nghĩ đến sự gì khác ? Vũ trụ thâu hẹp vào bốn bức tường trang hoàng bằng ảnh hai người, và nhiều lúc nhân loại hình như chỉ có anh và em.

Nhưng vì người chung quanh hay đả động tới sự sinh sản, nên có lúc Câu phải lưu ý, rồi một hôm đã hỏi Bích : em có muốn đẻ con không ?

Bích không trả lời được rõ ràng dứt khoát, và cả Câu nữa, mặc dầu Câu đã nêu vấn đề : nào có ai nghĩ tới đâu ? Chính Câu đã đánh trống lảng bằng cách đố lời Bích : mình hãy cứ yêu nhau !

Cách đó ít lâu. Câu gặp vợ một bạn, mới cưới sáu tháng mà đã có mang, khệ nệ đi trên hè, ngoài hai mươi mà trông rất nặng nề với cái trống treo đằng trước. Câu thấy khó chịu, và liên tưởng đến Bích thì thấy cũng hơi ngại...

Thành thử Câu muốn tránh nghĩ tới vấn đề, mà vấn đề cứ lù lù hiện ra trước mắt : vậy, một là muốn sinh con, hoặc nếu

có thì càng hay ; hai là mong chậm lại, hoặc không nên để vợ đẻ ; ở trường hợp sau, phải lo cách đề phòng ngay từ bây giờ may ra mới kịp.

Câu chưa có thành kiến, nên muốn tìm giải pháp. Câu đã cùng với Bích gặp gỡ khá nhiều những vợ chồng quen thuộc để hỏi han và rút kinh nghiệm.

✶

Trước kia, cũng đôi khi Câu được nghe bà con phàn nàn, nhưng nay mới thấu rõ nỗi phiền nhiễu, sự thiệt thòi của những gia đình đông con mà Câu xem xét kỹ về mọi phương diện.

Theo đà tâm lý tự nhiên của một thanh niên đương yêu và muốn vợ đẹp lâu, Câu chú ý trước hết đến hình sắc của những bà mẹ trẻ. Chị Lan, 26 tuổi, mới hai con, mà đã sồ sề ; — cô Thúy, 30, bốn con, bụng xồ, lúc nào trông cũng như có mang ba tháng, mà xưa kia diêm dúa bao nhiêu, ngày nay ăn mặc luộm thuộm bấy nhiêu ; — thím Tư, 35, năm con, 58 ki-lô, sau mỗi lần ở nhà hộ sinh ra, thì lại lên cân, đôi má nung núc, cằm có ngấn ; dung mạo kiều diễm một hoa khôi cách đây bảy tám năm, chỉ còn lờ mờ trong những tập ảnh đã phai mầu.

Tránh sao được kết quả đó ? Mang nặng đẻ đau, rồi vất vả sớm khuya vì phải trông nom săn sóc các con. Trong năm đứa trẻ của thím Tư, tháng nào cũng có đứa mắc bịnh vặt, có dạo chúng thi nhau lên sởi. Lan kêu hay mất ngủ vì con khóc đêm, và lắm khi vừa đặt mình nằm nghỉ buổi trưa, lại phải vùng dạy để xử kiện vì mấy bé tranh dành cãi cọ. Thúy cho hay : tắm rửa, giặt giũ, cho ăn uống, rồi lo đưa đón bốn đứa đi học ba trường khác nhau, cũng đủ hết ngày.

Nếu phong lưu cho chúng đầy đủ thì cũng đỡ lo, đỡ nhọc. Nhưng mấy ai có xe hơi như Lan để đưa con đi học, hay cho đi hóng mát ở Vũng-tầu ? Mùa mưa đem lại cho Thúy cảnh thương tâm trông con tầm tã ở trường về, để chui rúc vào căn phòng bốn thước nhân ba. Chồng Thúy rất ưa mặc đẹp, nhưng từ khi sinh đứa thứ hai, thì chỉ ngắm suông mấy tiệm may, vì còn phải để tiền sắm đồ, mua thuốc cho con. Bé út con thím Tư thỏ thẻ phàn nàn rằng : em chỉ được mặc quần áo thừa của các anh, ngắn cũ rồi mới cho em. Thắt lưng buộc bụng và khéo ăn tiêu lắm với 7.000$ lương tháng của chú, thím mới khỏi đi vay.

Nhưng sự bận rộn và thiếu thốn có ảnh hưởng gì đến tình yêu vợ chồng ? Hai bạn Ký và Thân, 6 con, tám và mười năm « thâm-niên » kể từ ngày lập gia đình, đã cho biết đại khái :

— Được đứa con đầu lòng, thì vợ chồng thường yêu quí nhau hơn, vì đã cùng lo âu, hy vọng rồi vui mừng. Người nọ mặc nhiên cám ơn người kia đã cho mình tăng hạnh phúc, nhất là ngoài sợi xích thắng, còn thêm một mối dây khăng khít. Con anh đấy ! Không, con em đấy ! Con chúng ta ! Tình yêu của chồng còn pha đậm vị thương, thương vì đã thấy vợ thơ ngây chịu đau đớn hoặc lỡ ra có thể chết được, tại mình. Ấy là chưa kể trường hợp... gái một con thì trông mòn con mắt...

— Thế rồi cứ thêm một con, tình yêu lại tăng mạnh hơn, và càng đẻ nhiều ?

— Tăng đến một mực nào đó, có khi đến đứa thứ hai, thứ ba... Rồi (nói vụng ở đây cho anh biết riêng thôi nhé) rồi... ở đời cái gì mà chẳng có giới hạn ? Nước trong nguồn mới vọt ra thì cuồn cuộn, giạt giào, sôi nổi ; nhưng xuống đến đồng bằng, lan rộng ra tất phải êm đềm phẳng lặng, và dù chẳng đến nỗi cạn khô, lúc đầy sao khỏi lúc vơi ? Chia xẻ nhiều ngành, thì mực nước phải xuống, chớ sao được như khi nước tụ một lòng sông ?

Ký tiếp lời, và nói bắt chước giọng vợ :

— Sự chăm nom sán sóc đối với chồng, phải chuyển hướng về con, nên lắm lúc, tưởng như tình phai lạt. Thực ra, em vẫn là em của anh, dù đầu bù tóc rối, bụng dầu chảy xệ nhưng lòng vẫn thiết tha. Song anh phải đi chơi một mình khi em còn mắc ru con ngủ ; anh liệu mà tự túc một phần nào : đương cho bốn đứa trẻ ăn, thì đành mặc anh loay hoay khâu lấy khuy áo đứt ; món này anh không thích nhưng trẻ nó ưa ; em phải chờ bé út ngủ yên rồi mới vào quạt màn, anh hãy cố vùi đầu vào đống báo mà tìm khuây khỏa, miễn là đừng ngắm lâu quá hình ảnh mỹ nhân ngoại quốc. Em biết anh có lúc thấy bị thiếu thốn, và bực mình nhất là không thể nói ra, không thể trách em vào đâu, vì chẳng lẽ ghen tị với con ?

Đầu mũi em hay bóng mà không kịp thoa kem, chẳng lẽ vì thế mà anh day dứt ? nhưng chính vì thế mà anh im lặng, lì bì, hoặc gắt gỏng với đầy tớ. Có lúc anh ám chỉ sự luộm thuộm của em, khen phụ nữ Âu Mỹ bận việc bếp nước mà vẫn tinh tươm óng chuốt : anh ơi, anh có cho em được cái bếp lò điện Mỹ để thay hỏa lò bụi bậm không ? Nếu bình tĩnh sáng suốt hơn, anh sẽ hiểu khổ tâm của người vừa muốn làm mẹ hiền vừa muốn là vợ đẹp : « thân này ví xẻ làm năm được » ! Khổ tâm nhất là nhiều khi lo ngại sự chấu chườn ; ...

Thân gật gù :

— Bà cụ Thứ trách cũng phải : « cái giống đàn ông » nó ích kỷ ! Mình cũng phải đôi khi nghĩ lại : 45% đàn ông Mỹ phải giúp việc nội trợ cho vợ. Dù sơ xuất đến đâu, vợ mình dẫu chẳng « tề mi », đối với mình vẫn còn cơm bưng nước rót.

*

Trước khi kết luận, Câu muốn biết về phía Bích, đã thấy những gì ?

Bích chú ý nhất đến cảnh cô đơn của hai vợ chồng ông Cả : ông 45, bà 41, lấy nhau hai mươi năm nay chưa có con, mặc dầu hai người đều khỏe mạnh. Họ đã hỏi nhiều danh y, dùng thử tất nhiều thuốc Tây, Tàu, Nhật ; họ đã cố đưa nhau sang Pháp để theo phương pháp thụ thai nhân tạo (insémination artificielle) ; bà Cả chịu chích tinh trùng lạ và cũng đã có mang ba tháng rồi lại bị sẩy. Đã có thày thuốc bảo : lúc mới lấy chồng, bà sớm có mang, e ngại có con sớm quá nên uống thuốc cho sẩy, tự đó quen dạ đi, nên lần nào có thai cũng không giữ được.

Nỗi khổ của hai ông bà, nhất là của bà, sao mà tả được ! Cơ nghiệp, tài sản mà tiền nhân ông và chính ông bao năm tích lũy, ông than rằng không biết sẽ về tay ai ? Người khác qua đời, còn sống mãi trong da thịt máu huyết và tinh thần con cháu, còn như ông, nỗi lòng chỉ một thở dài mà thôi ! Ông cũng tự biết chẳng làm được sự nghiệp gì để núi sông ghi tạc, nên cuộc

đời ông chỉ là một thời kỳ tạm bợ để chờ đợi gia nhập cõi không. Bà đến chơi nhà ai, dù đương vui câu chuyện mà thấy bóng trẻ thơ, thì nét mặt dượm vẻ buồn ngay. Theo bà, ăn rau ăn cháo mà có đàn có lũ, cũng còn hơn bà trong cảnh nhà cao cửa rộng, vì càng rộng rãi thì càng trống rỗng ; tình của ông, nếu đủ cho bà khi mới cưới, đã lâu nay không còn hiệu lực an ủi. Trái lại, nhiều lúc bà chủ quan ngờ vực rằng ông có bệnh, hay vì máu gia truyền của ông mà bà lâm vào cảnh hiếm hoi : thầy thuốc biện bạch hộ ông cũng chưa dẹp tan được sự ấm ức của bà ; bà thấy cần đổ lỗi cho một người nào để trút hận lòng. Cho nên, nhiều khi hai vợ chồng đối diện ngồi ăn, mà không nói một tiếng gì cho bớt sự âm thầm nặng chĩu trong căn phòng yên lặng. Đã có lúc bà vào nhà dưỡng nhi, xin một trẻ mồ côi, nói là để giúp đỡ việc nhà, thực ra để thử xem có thể nuôi làm nghĩa tử không ; bà đã cố yêu chiều, nhưng chẳng được đáp lại như ý muốn, rồi cũng cảm thấy rằng nếu không phải là con dứt ruột đẻ ra, thì vẫn không có tình thiết tha mà bà ao ước ; nên rút cuộc, bà cấp tiền giúp đỡ đứa trẻ, và lại trả về cho hội dưỡng nhi.

Với cảm xúc mạnh của người đàn bà giàu tình thương, Bích thấu nỗi bà Cả, và một điều chắc chắn như đóng đanh vào cột mà Bích nhận ngay không cần dò hỏi lâu như Câu, là phải có con, và thiếu phụ không nên dại dột xỏ thai để tránh sinh nở, e hối không kịp và ân hận suốt đời.

Quay lại phía người nhiều con, Bích cũng vẫn nhận xét bằng tình cảm, chớ không bằng lý trí như chồng. Bích chẳng để ý lắm tới những sự nheo nhóc, bận bịu, lo phiền, thiếu thốn của Thúy, của thím Tư hay của người đồng cảnh. Bích chỉ vui thích thấy những má tròn như trái bom, những cặp mắt đen nhánh, những giọng nói bi bô hay thỏ thẻ, tất cả những cái gì mũm mĩm, phinh phính, xinh xinh, ngây thơ, ngộ nghĩnh, không thể có ở một người chồng, song giống như của púp-pê mà tự ngày thơ ấu, Bích đã ôm ấp, vuốt ve, nâng niu, chìu mến : nếu những búp-bê đó lại biết chạy lon ton, biết bập bẹ : con yêu má quá, thì ôi thôi ! mặc Câu với tất cả lo ngại thắc mắc, mặc Thúy hay Lan với những lời than thở phàn nàn, Bích thấy đủ sức chịu đựng hết mọi hy sinh nếu Bích được thỏa khát vọng, một khát vọng mênh mông đã ngàn đời sinh cùng vạn vật.

— Nhưng nếu đẻ nhiều ? Câu hỏi lại.

— Anh, và chính em cũng ngại chóng già và xấu đi : nếu quả vậy, dù anh thề, em cũng chẳng tin được rằng anh yêu em như bây giờ. Nhưng chắc tại trong thâm tâm anh chưa muốn hoặc không muốn có con, nên một cách rất tự nhiên, trí anh sẵn sàng chú trọng vào những gì buồn, xấu, bi quan, hầu như để tìm những lý lẽ bênh vực ý muốn tiêu cực, vì thế, anh chỉ thấy rõ những người như Lan, Thúy, thím Tư. Sao anh không nhớ lại cô Nhi : đã 36, năm con rồi, mà mấy cô 24, 25 tuổi ẵng ẳng nôn nà hơn ? Lại còn chị Quí : hồi mới lấy chồng, gầy ốm lép kẹp đến nỗi các anh vẫn chê là cái bàn ủi (planche à repasser) thế mà sau mỗi bận đẻ, lại tròn và sinh hơn. Phụ nữ ngày nay chẳng thiếu gì cách giữ gìn sắc đẹp, tẩm bổ, kiêng khem, thể thao...

— Song nhiều con thì bận rộn quá nếu sức khỏe không bị hại, công việc trong nhà trông nom không xuể.

— Anh thụ động mà nhận thấy những sự đáng buồn. Nhưng anh không tìm nguyên nhân và tự hỏi có thể tránh hoặc giảm bớt đi không ? Anh có để ý xem những người như Lan, Thúy và thím Tư có chịu tổ chức hẳn hoi đời sống gia đình cho hợp lý không ? Em cũng trông rõ như anh cảnh khổ của các bạn và của thím. Song em tin rằng nếu sắp đặt khéo, để liệu thời giờ và phương tiện của mình, thì vẫn có thể tránh được nhiều sự luộm thuộm bề bộn và nhọc nhằn : nhiều người Nhật đông con hơn mình, và chẳng giàu hơn mình như Âu Mỹ, song bao giờ nhà cửa cũng rất sạch sẽ tinh tươm, việc nội trợ vẫn đâu ra đấy : điều đó, ai đã qua Nhật cũng đều công nhận.

Một tỉ dụ để anh thấy rõ vì sao Thúy quá bận : sổ chợ có khi hai hôm mới tính, khi tính lại quên không rõ mua những gì, nên mất nhiều thời giờ và bực mình : ai mà nhớ được bao nhiêu thứ lặt vặt ? Em đã mách Thúy : chia sẵn từng mục các thứ thịt, các thứ rau đậu, các đồ gia vị, v.v... kẻ ô ra ; thường thường mỗi gia đình chỉ có đại khái ngần ấy thứ ăn quen hàng ngày : trông thấy tên mục, mới dễ nhớ ra món. Thúy đã làm thử, và rất hài lòng đã tính nhanh chóng. Vì các anh cũng như chúng em, ta hay tưởng rằng tâm trí chỉ cần đem vào việc quan trọng, còn sống hàng ngày thế nào xong thì thôi ; chớ nếu suy xét và tìm phương pháp cho mọi việc hay bị khinh thường, thì đời sống đỡ vất vả. Thôi, chẳng lẽ em thuyết cho anh cả một khoa nội trợ !

— Phương pháp gì thì phương pháp, nhưng đông con lúc nhúc, túng thiếu thì cũng hết cả phương với pháp. Vấn đề con là vấn đề cơm áo, chỗ ở, ấy là chưa kể thuốc men, dạy dỗ cho xuể... Đẻ con ra mà để chúng khổ, thì tội nghiệp chúng và tội cả mình.

— Anh nói thế, tức là : ai đủ tiền mới nên đẻ con. Và như vậy chỉ người giàu mới có quyền được hưởng sự yêu thương ? mới được biết tình mẫu tử ?

— Anh không nói hẳn thế. Cũng như một số khá đông, anh nghĩ rằng nên liệu thế nào, để đủ sức nuôi nấng dạy dỗ.

— Đó là một nguyện vọng chính đáng, nhưng là lý thuyết rất khó áp dụng. Vì khó áp dụng cho nên gần như vô ích. Trước hết, đã có nhà chuyên môn nào tính thử hộ xem phải có bao nhiêu tiền thì mới nên đẻ một đứa con ? Và nếu tính, thì có tính theo giai cấp không ? Có thể bảo như anh phải có 2.000 mỗi tháng dành cho một đứa con, còn ông Cai Ba chỉ phải có 500$? Nhà chuyên môn đó căn cứ vào lý thuyết gì, nguyên tắc gì, mà dám quả quyết như vậy ? Nói một cách khác, là tùy theo số lợi tức mà ấn định số con ? cũng như anh có năm triệu thì anh mua được 5 xe hơi, còn em có một triệu thì chỉ mua được một ? Nếu làm như vậy, không khác nào coi người như như hóa phẩm và sẽ loạn đảo cả tâm hồn em.

— Ấy thế mà đã có nước, vì đông dân quá, buộc phải lo kế hoạch hạn

chế sinh sản (family planning). Vì nhiều quá, dễ chết đói, hoặc mực sống quá thấp. (1)

— Những ông chuyên môn chủ trương thuyết đó, hoặc vạch ra kế hoạch đó, đứng ở lập trường kinh tế, xã hội. Vì sự thi hành còn mới được vài năm, chúng ta hiện nay chưa đủ tài liệu để kết luận rằng việc thành hay bại. Song anh hãy trả lời hộ, nếu bây giờ, đứng ở phạm vi tinh thần, trên lập trường tín ngưỡng, có nhiều người hỏi lại các nhà chuyên môn : con là của Trời ban cho ; Trời cho thì phải nhận, có phước mới được ; thành lập gia đình không phải có mục đích ích kỷ cho hai kẻ sung sướng về xác thịt hay tình cảm, nhưng để thuận lẽ trời mà nối dõi tông đường hoặc tiếp nối trên tình thương dòng giống nhân loại. Vậy thì sao có thể bắt hay khuyên hạn chế được ? Vả lại dù đồng ý hay không, đã là tín ngưỡng thì phải tôn trọng mới hợp tự do dân chủ. Song nếu kế hoạch không áp dụng cho những người thuộc hạng trên, thì theo lẽ công bằng cũng không thể thi hành cho những giới khác.

— Luận điệu của em hợp với tư tưởng nho học, và cả ý kiến của người công giáo (2). Song đối với đa số chỉ cần vật lộn với sự sống, phải có một giải pháp.

— Nếu anh đặt vấn đề như vậy, và nếu cần kiêng nể tín ngưỡng, thì phải để hoàn toàn tùy thuộc tự do cá nhân, chỉ cá nhân mới liệu được nên chăng như thế nào, có thể nuôi đủ được bao nhiêu con tới mực nào rồi nghỉ đẻ : thành ra mỗi trường hợp phải tùy cảnh, tùy sức khoẻ, tùy nhu cầu riêng, chớ không thể lập pháp hay lập thuyết. Chỉ có một điều nhất định phải tránh, vì trái nhân đạo : nếu đã trót thụ thai rồi, thì không thể tự ý phá thai, dù pháp luật không biết để trừng trị.

(1) Theo kế hoạch của Chánh phủ Ấn-độ, thì cần hạ mức tăng tối đa dân số (hiện nay là 40%) xuống 5%. Được coi như đẻ quá nhiều (improvident maternity) và cần được hãm bớt lại, khi nào đẻ quá 3 hoặc 4 con nếu ít ra có một đứa nuôi được.

(2) « Một trong những sự lầm lẫn tối nguy hiểm « của xã hội hiện thời, là ý kiến của những « người coi sự sinh đẻ nhiều như một bịnh có « hại cho nhân quần, mà những dân tộc mắc « phải, cần trừ tiệt bằng đủ mọi cách. Vì thế, « có phong trào hạn chế sinh sản...
« Người công giáo phải hân hoan thụ nhận với « lòng tri ân những món tặng phẩm vô giá, nghĩa « là những con cái mà Trời ban cho, nhiều bao « nhiêu cũng là do thiên ý...
« Nạn nhân mãn không phải là một lý do « chính đáng để phổ biến những phương pháp « trái đạo kiểm soát sinh đẻ, nhưng chỉ là một cớ « viện ra với dụng ý điều chỉnh hóa tính keo kiệt « và lòng ích kỷ. Giáo-Hoàng Pie XII. Bài huấn « từ về vấn đề gia đình đông con. « Les familles « nombreuses », đọc cho Tổng-Hội các gia đình « đông con — Allocution aux membres de la Fédé- « ration italienne des Associations des Familles « nombreuses 20-1-1958).
« Parmi les abberrations les plus dangeureuses de « la société moderne, on doit compter l'opinion de « ceux qui osent définir la fécondité des mariages, « une maladie sociale dont les nations qui en sont « frappées doivent s'efforcer de se guérir par tous « les moyens. D'où la propagande du contrôle « rationnel des naissances . . . . . .
. . . . . .
« Accepter avec joie et reconnaissance les ines- « timables dons de Dieu que sont les enfants, et « aussi nombreux qu'il lui plait . . . . . .
. . . . . .
« La surpopulation n'est donc pas une raison « valable pour répandre les pratiques illicites du « contrôle des naissances, mais plutôt le prétexte « pour légitimer l'avarice et l'égoïsme . . . . . .

— Muốn thiết thực hơn, em hãy xét như ở cảnh chúng ta, nên mong bao nhiêu con ?

— Lương anh, hiện nay hơn tám ngàn, độ ba bốn năm nữa, may ra lên tới chín ngàn. Phòng lớn của ta vẫn phải dùng để vừa ngồi ăn vừa tiếp khách, trừ phòng mình, còn phòng bên trong đủ kê hai giường nhỏ và một ghế bố, và có lẽ chưa biết đến kiếp nào chúng ta mới có được chỗ ở rộng rãi hơn, nhất là với mảnh vườn cho thoáng khí. Kể cả tiền nuôi thêm chị hai giúp việc, tiền thuốc men tẩm bổ, tiền học, tiền xe pháo, áo quần, sách vở, thỉnh thoảng phải cho đi coi hát bóng hay đi đổi gió ở Cấp độ một tuần... Có thể hai trai một gái, anh ạ.

— Bao giờ thì nên ?

Bích cười :

— Anh nên nhớ là đàn bà Việt - Nam không ai đòi hỏi gắt gao như cô đào trong phim « Con mèo cái trên mái nhà nóng cháy » (La Chatte sous le toit brûlant). Cô Nhi bảo : em 24, nếu đẻ luôn một chập thì 27 đã được nghỉ rồi, hy vọng trẻ lâu, sớm rảnh thân vì em chưa già con đã khá lớn ; nhưng còn tùy ở sức khỏe, sau khi đẻ lần thứ nhất, nếu mạnh mẽ thì có thể....

— Liền tù tì !

— Nếu yếu thì sẽ phải cách quãng ra hai ba năm một đứa. Em muốn cách quãng, nuôi đứa trước khá lớn rồi hãy sinh đứa sau, thì chúng sẽ được trông nom kỹ hơn. Nếu năm một, thì ba con nít nheo nhóc lắm.

— Tại sao một gái mà những hai trai ?

— Chẳng phải vì em trọng con trai hơn con gái như các cụ thời xưa đâu, nhưng con gái sẽ phải lìa khỏi gia đình để thuộc nhà chồng, còn con trai ở lâu hơn với mình.

— Rất có thể con gái mình « đại ế », còn con trai sẽ sớm ở riêng với vợ nó, và chỉ biết có vợ mà thôi.

— Nếu em nhiều con gái, chắc cũng sẽ phải sốt ruột về sự kiếm chồng cho nó, như má, như nhiều bà mẹ khác ; con trai thì chậm cũng chẳng sợ hết xuân. Nhưng nếu sinh được con gái đẹp, thì lại muốn sinh nhiều, vì không gì vui hơn là một vườn hoa nở nhiều bông.

★

Sau buổi đàm thoại với vợ, Câu thấy vấn đề có phần rạng tỏ hơn.

Điều chắc chắn mà Câu chịu nhận, là vợ sẵn thiên tính yêu thương không vị kỷ, muốn tình cảm đi đôi với sự hy sinh, nên mới tha thiết mong con hơn mình. Nhớ lại má xưa kia chăm nom quí mến mình như thế nào, Câu thấy cảm động và như được xác nhận rằng tình mẫu tử thiêng liêng quả đã được tạo hóa phú cho người đàn bà từ khi biết quấn quít con búp-bê, chớ không như mấy ông khoa học lập dị ở phương Tây dám quả quyết rằng tình đó là kết quả của sinh lý và sinh sản. Như vậy, thì đời sẽ giàu ý nghĩa hơn, khi có bọn nhỏ để thương yêu, khi máu huyết mình nhân thành ba thành bốn : điều đó, chính Bích đã dạy Câu, chớ chưa có thày có sách nào hết.

Theo đà ý nghĩ đó, Câu tự thú đã chủ quan mà suy xét một chiều, trông thấy phía dở mà bỏ qua mất trạng thái hay của những cảnh gia đình đông đúc.

Sợ nghèo mà không dám có nhiều con, tức là bi quan yên trí rằng không có cách gì khá hơn, và tình trạng hiện tại của mình chỉ xuống dốc khi số con tăng lên. Thiết thực, hay là thiếu tinh thần tranh đấu ?

Câu không ỷ lại để tin rằng trời sinh voi thì trời sinh cỏ, như ông cha Câu thường nói. Trời sinh cỏ thiệt, nhưng voi cần đi mà tìm. Vì bụng đói đầu gối phải bò, nên nhiều cơ nghiệp mới thành, nhiều miền hoang vu mới được khai khẩn ở nước nào thời nào cũng vậy.

Ông Sáu nghèo đi vì phải nuôi tám con. Song, Cụ Cử Hoàn mồ hôi nước mắt doanh nghiệp nuôi được chín con, và không có gì tưng bừng hơn là cảnh nhà cụ khi con cháu ba bốn chục người trai gái lớn nhỏ xum họp chúc thọ : chín con thì năm người khá giả, bốn người đủ ăn, ai nấy đều vui vẻ chung quanh hai cụ để nhớ công đức sinh thành gầy dựng, như vậy ai dám bảo đông con là khổ ? Sự thịnh suy của một gia đình, còn tùy nhiều yếu tố khác, như sự khéo dạy dỗ, tính cần kiệm, tài tháo vát của người gia trưởng, chớ không thể quả quyết rằng : đừng đẻ nhiều, sẽ khốn khó đấy. Những người lập thuyết như vậy, chưa bao quát hết thực tế, cũng như Câu khi trước, chỉ thấy sự thiệt hại ; vậy đúng như lời Bích, phải xét tùy trường hợp cá nhân,

✶

Đi xa một bước nữa, và đứng về phương diện dân tộc, Câu tin rằng sự hạn chế sinh sản, lợi ở đâu, chưa chánh quyền nào và chưa nhà chuyên môn nào rõ hẳn, nhưng sẽ nguy hại nếu đem áp dụng tại Việt-nam.

Những người ước mong chánh sách đó, đã vội vàng theo nhận xét của một vài nhà nghiên cứu phương Tây : họ tin rằng Việt-nam vẫn có nạn nhân mãn lâu nên dân nghèo ; hoặc lại nêu gương của mấy nước Á-châu, như Nhật-bổn, Ấn-độ v.v... là những xứ thiếu nhiều thực phẩm.

Song thực ra, tại Việt-nam, chỉ có sự tụ dân quá đông ở một vài tỉnh trung châu Bắc-phần, như Thái-bình. Nam-định (1) còn thì biết bao miền khác rộng rãi phì nhiêu chưa được khai khẩn : trung du Bắc-phần, Cao-nguyên và nhiều tỉnh miền Nam. Nếu dân ta thiếu ăn mà không chịu dời bỏ làng xóm để mưu sinh phương khác, là vì trước kia chánh quyền thuộc địa không chịu thành thực giúp đỡ phương tiện cần thiết.

Nhật-bản và Ấn-độ hạn chế sinh sản thực. Nhưng dân số Nhật hơn 89.427.000, hàng năm tăng gần 2 triệu, mà đất đai có hoa mầu đã canh tác gần hết rồi. Ấn-độ dân số 356.879.384, hàng năm tăng hơn 3 hay 4 triệu, mỗi năm phải nhập cảng 3 hoặc 4 triệu tấn lúa gạo (2).

Còn Việt-Nam, tổng số dân kể cả miền Bắc, chỉ được độ 19.479.000 mà còn hàng triệu mẫu tây chưa đủ người khai khẩn (3).

---

(1) Đã nhiều nhà học giả và cai trị xét vấn đề này : Gourou (Le paysan du Delta tonkinois) Robequain (l'Evolution économique de l'Indochine) Delsalle, Hồ-Đắc-Khải, G. Khérian (Revue Indochinoise économique et juridique 1936).

(2) Chitoshi Yanaga — Japanese People and Politics.

India 1958 (A reference Annual).

(3) Việt-Nam Niên-Giám Thống-Kê 1956.

Annuaire statistique de l'Indochine 1943/46-1941/42. Trong 19.479.000 người, thì 10.985 000 ở Trung và Nam Phần (1943). Năm 1943 tại Nam Phần và Trung Phần số sanh 194.382, số tử : 137.572.

Năm 1956 tại Nam Phần và Trung Phần số sanh : 374.651.

Hiện nay số khai tử còn thiếu sót nhiều ; song căn cứ vào số trung bình khai từ 1934 đến 1943, thì số tối đa cũng độ 150.000 là cùng.

Nghĩ về tương lai, Câu thấy sự bảo vệ đất nước đòi hỏi một dân số đông hơn. Chung quanh Việt-Nam, bao nước quá lớn: 600 triệu người Trung-hoa, nhất là Trung-hoa đỏ, ngót 400 triệu Ấn-độ, hơn 80 triệu Nam-dương, ngay Miến-điện, Thái-lan đều trên 20 triệu. Số tăng hàng năm của họ ước chừng 3% ; Nhật-bản dù phá hủy 1.170.000 cái thai, cũng còn 1.727.000 vụ sinh đẻ (1955). Nếu trong hoàn cảnh đó, mà dân Việt-Nam sinh sản mỗi ngày một kém đi, tất vấn đề quốc phòng sau này có thể gặp sự khó khăn ; quốc tế biết đâu sẽ không bị suy giảm một phần, vì ngoại quốc có thể coi ta như một « dân tộc thiểu số » trong khối 1.500 triệu người Á-Đông ? (1)

Vả chăng, nước ít dân như Do-thái, Bỉ hay Lào, nhiều dân như Đức hay Hồi-quốc, cũng vẫn phải lo việc mưu sinh và tiến bộ ; duy ở trường hợp sinh sản nhiều, thì cá nhân cũng như chánh quyền sẽ phải cố gắng hơn. Dù sao, khi đất đai chưa được canh tác hết, các nguồn lợi thiên nhiên chưa tận dụng, thì phải nỗ lực tăng sản xuất : vậy nếu không cần hay không nên khuyến khích, thì cũng chưa thấy lý do gì cấp bách để kìm hãm sức nảy nở của giống dòng Hồng-Lạc.

Đ. T.

(1) Theo R. Pressat — Les données démographiques du sous-développement La Documentation Française N° 574, 30-12-58. Và tài liệu của E. C.A.F.E. (Tổ chức viện trợ kinh tế Đông Nam Á) của F.A.O. (Cơ quan Lương-Nông Quốc-Tế, tờ trình tháng 9/1958).

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « **Lấy vợ lấy chồng** » của Ô. Đoàn-Thêm, B.K. số 56 trang 17, cột 2, dòng 27, xin các bạn vui lòng đọc: «... cả chuyện tình duyên ngang trái của mấy công chúa Âu-Châu hay của hoàng hậu Ba-Tư ; **xúi** Dung sốt sắng dự những đám cưới linh đình, hoặc để lộ những nỗi buồn man mác qua những bài thủ bút đề vào tập vở kỷ niệm cho bạn. »

★ Những điều bất ngờ không nhất thiết hoàn toàn là những điều không lường trước được. Hầu như bao giờ cũng có những dấu hiệu báo trước, chỉ những kẻ, đi sát với thực tế mà không chia trí, mới cảm thấy thôi.

★ Người ngu, việc đã xong, vẫn chưa biết ; người trí, việc chưa hiện, đã rõ rồi (Chiến-quốc-sách).

★ Hình ảnh tương lai mường tượng càng rõ rệt bao nhiêu thì hình ảnh ấy càng có hy vọng đúng với thực tế bấy nhiêu. Có ý chí không phải chỉ là nói lên điều mình muốn, mà còn là tưởng tượng mãnh liệt được cách thức phải hành động thế nào (Mangin).

★ Người khôn ngoan không đợi đau mới chữa, chữa khi chưa đau (Tô-Vấn).

Trần - Huyền - Trang

VÀ

chuyến thỉnh kinh lịch sử

✱ TRẦN-HÀ ✱

(Tiếp theo số 57)

Vào xứ Phật

Đề chân vào Ấn-độ, đầu tiên Huyền-Trang gặp tiểu quốc Kiện-Đà-La (Gandhara), hiện là tỉnh Peshawar, tây bắc Ấn-độ. Nước này nằm về phía tây sông Tín-Độ (Sindhu) hiện là Endus ; kinh đô là Bô-lô-sa-bố-la, có rất nhiều di tích xưa của Phật giáo, Huyền-Trang đã đi khắp thành Bô-lô-sa-bố-la quan sát các di tích ấy.

Từ Kiện-Đà-La, Huyền-Trang đi dần xuống hướng đông nam qua các nước Đãn-xoa-thủy-la (Taksasila), Na-kiết-la-khát (Nagrahra), rồi mới đến xứ Ca-tạp-di-la (Kâçmir). Nước này nằm trên triền phía tây núi Hi-mã-lạp-sơn, trên vùng thượng du hai chi nhánh sông Ấn-độ. Nơi đây vốn là chỗ phát nguyên của phái Đại-thừa, cho nên khi Huyền-Trang vừa đến biên cảnh, thì quốc vương đã bồn thân dẫn binh mã ra nghinh tiếp, thỉnh Huyền-Trang ngồi trên một thớt tượng lớn cùng song song vào kinh đô. Huyền-Trang, ngụ tại chùa Ám-da-nhân-đà, học thêm với pháp sư Xưng-Lão, là một bậc « trong

thông Tam-tạng, ngoài đạt ngũ minh » (1) Tại đây, có đến trên ba chục vạn tụng kinh, cọng đến chín mươi vạn chữ. Huyền-Trang lưu lại hai năm (từ tháng năm 631 đến tháng tư năm 633), học thuộc làu và thông hết nghĩa lý các kinh luận.

Rời Kâçmir, Huyền-Trang lại phải đi hơn ngàn dặm và qua mấy tiểu quốc nữa. Ngày kia, đi ngang qua một khu rừng rậm bị cướp hết vàng bạc, y phục. May nhờ có mấy người nông phu tiếp cứu nên khỏi nguy đến tánh mạng và lấy lại được một ít đồ vật. Dọc đường, Huyền-Trang nghe nói tại rừng Đại-am-la, có một vị đồ đệ của đại triết gia Ấn-độ Long-Mãnh, là lão Bà-La-Môn, nên hết sức mừng, bèn ngày đêm đến nơi cầu học. Hơn tháng sau, mới dời Đại-am-la lên đường.

Từ đấy, Huyền-Trang một người một ngựa, đi thêm mấy ngàn dặm đường nguy hiểm, kinh qua hơn chục nước nữa. Nơi nào có danh lam thắng cảnh hoặc di tích cổ xưa, ông đều ngừng lại khảo sát, học tập. Chỗ nào có người cao học, ông cũng đều đến khiêm tốn thỉnh giáo.

✱

Đất Trung-Ấn-độ, trong sách Phật, có tên là «đất giữa». Vì thời bấy giờ, địa-dư học chưa phát triển, thấy đức Phật Như-lai giáng sinh nơi đây, người ta cứ tưởng đó là trung tâm của thế giới Huyền-Trang vào trung Ấn-độ, lưu lại rất lâu, đi qua đến hơn ba mươi nước.

Cường thịnh nhất trong cõi Trung-Thiên-Trúc là nước Kiết-Nhược-Cúc-Ám (Kanyakubja) (hiện là thành Kananj, tỉnh Pradesh) ; quốc đô là Nữ-khúc-thành, nằm trên bờ phía tây sông Hằng, có đến trên một trăm ngôi chùa và một vạn tăng lữ. Huyền-Trang đến đấy, vào chùa Bạt-đạt-bĩ-ha-la học tập hơn ba tháng, mới đi theo sông Hằng qua hướng đông bắc. Dọc đường, ông đã đến làm lễ sáu nơi thánh địa của đạo Phật :

1— Thành Ba-nại-la (Bénarès), nước Bà-la-ni-tí (Varanasi), nơi mà xưa kia Phật Thích-Ca thành đạo.

2— Nước Phệ-xa-lý (Vaisali) (hiện là tỉnh Bihar).

3— Nước Ca-bi-la-vệ (Kapilavastu), nơi Phật Thích-Ca chào đời (hiện là tỉnh Gorakhpur).

4— Nước Thất-la-phục-tất-đế (Sravasti) (còn có tên là nước Xá-vệ), nơi mà xưa kia Phật Thích-Ca trú ngụ và truyền đạo lâu nhất.

5— Từ Xá-vệ, ông phải đi qua các thành Ca-da (Gaya). Vương-xá (Rajagha) và năm trăm dặm rừng rậm mới đến nước Câu-y-na-kiệt-la (Kusinagara) gần xứ Népal, nơi Đức Phật tịch diệt.

6— Chùa Đề-la-già và gốc bồ đề mà Đức Phật đã sáu năm khổ hạnh và đắc đạo.

Sau đó, ông mới đến chùa Na-lan-đà lưu học.

✱

Tại chùa Na-lan-đà

Chùa Na-lan-đà (Nârandhâ) còn có tên là Thi-vô-yếm-tự, nằm trong nước Ma-kiệt-đa (Magadha). Ấn-độ có đến mấy

(1) Tam-tạng là : kinh, luật và luận.
Ngũ minh là :
1— Học cho minh bạch chữ nghĩa.
2— — — công xảo, kỹ thuật, lịch số,
3— — — y khoa
4— — — những cách luận lý, tu trì.
5— — — vật lý muôn loài.

chục ngàn ngôi chùa, mà Na-lan-đà là lớn nhứt, tráng lệ nhứt và cũng là « trường đại học » xưa nhất. Chùa này cũng chính là trung tâm văn hóa của xứ Phật. Tất cả những kinh Đại-thừa, Tiểu-thừa, kinh Phệ-đà (Véda) cùng là sách thuốc, sách thiên văn, địa lý, kỹ thuật, v.v... đều tập trung nơi đây. Vị sư chủ trì là Giới-hiền pháp sư (Cîlabhadra), hiệu là Pháp-chánh-tăng, năm ấy đã đến 106 tuổi, là vị học giả uyên bác nhứt của Ấn-độ thời bấy giờ.

Lúc Huyền-Trang đi gần tới Na-lan-đà thì Giới-hiền pháp sư đã hay tin, nên phái bốn vị học giả trong chùa đi trước nghinh tiếp, đưa Huyền-Trang đến nghỉ tạm một thôn trang gần chùa, rồi sau đó, mới tổ chức một đoàn tiếp đón gồm hai trăm hòa thượng và hơn ngàn tăng chúng đến tận nơi rước Huyền-Trang vào chùa.

Nhà chùa tiếp đãi Huyền-Trang đặc biệt trọng hậu ; mỗi ngày cung cấp cho hai chục trái « đăm-bộ-la » (không rõ là trái gì), hai chục cau trái, một lượng long não hương và một thăng « cung đại nhơn mễ » (1) Ngoài ra, mỗi tháng còn thêm ba đấu dầu. Bánh sữa thì muốn dùng bao nhiêu tùy nghi, không hạn chế. Ra đường được ngồi tượng. Trong chùa Na-lan-đà có đến trên 10.000 sư đồ, nhưng được hưởng chế độ đó, nếu tính cả Huyền-Trang, thì chỉ độ hơn 10 người.(2)

★

(1) Cung đại nhơn mễ là một thứ gạo hột to bằng hột đậu, cơm rất thơm, dẻo. Chỉ xứ Ma-kiệt-đà mới có thứ gạo này, đặc biệt để dâng cho quốc vương và các đại pháp sư.

Chùa Na-lan-đà tàng trữ đến một trăm năm chục bộ kinh. Trong số mười ngàn tăng lữ thì chỉ lối một ngàn người thông hiểu hai chục bộ, năm trăm người thông ba mươi bộ. Còn thông từ năm lục bộ trở lên, nếu tính cả Huyền-Trang, cũng không quá mười người. Chỉ giới. Hiền pháp sư mới thông, được toàn bộ.

Từ lâu, vì đã quá già, nên Giới Hiền pháp sư không giảng kinh nữa. Nhưng, khi biết rõ mục đích « tây du » của Huyền-Trang, Pháp sư mới đặc biệt giảng bộ kinh trọng yếu nhất là bộ Du-già-luận. Ngày khai giảng, chẳng những toàn thể tăng lữ trong chùa tham gia, mà nhiều tín đồ các chúa khác mãng đua nhau kéo đến dự thính, Pháp sư phải giảng đến 15 tháng mới xong bộ Du-già-luận. Bấy giờ là năm Trinh-Quang thứ 8 (634 sau k.n), Huyền-Trang đã được 38 tuổi.

Ở tại Na-la-đà năm năm, Huyền-Trang đã nghe được :

— ba thiên của bộ Du-già-luận,

— một thiên của bộ Thuận - chánh - lý-luận,

— một thiên của bộ Hiền - dương và Đối-pháp.

(2) Về chua Na - lan - đà, theo Huyền - Trang được xây cất vào thế kỷ thứ nhất (sau k n.) (có chỗ chép là thế kỷ thứ 5). Khi Huyền-Trang đến đây, thì chùa đã được sáu đời Quốc vương tu sửa. Chùa chia làm tám viện, có Bửu đài, Quỳnh-lâu, Điện-vũ, Bửu-tháp-tức-xá học sinh có đến 4 từng lầu, rường cột đều trạm chỗ mỹ thuật, thềm toàn bằng bạch ngọc. Về sau, Phật giáo suy yếu, chùa lần lần hư sụp, và đã bị cát bụi phủ mất. Mãi đến mấy chục năm gần đây, các nhà khảo cổ tìm lên được, xem lại những điều đã ghi trong sách của Huyền-Trang đều đúng cả.

— hai thiên của các bộ Nhân minh, Thanh-minh, Tập-lượng,

— ba thiên của các bộ Trung luận, Bá-luận.

Ngoài ra, còn giải quyết được nhiều bí ẩn, nghi vấn trong kinh điển, và giáo lý của cả hai phái Đại-thừa và Tiểu-thừa.

★

Du lãm toàn Ấn-độ

Tuy đã nổi danh, nhưng Huyền-Trang vẫn chưa lấy thế làm thỏa mãn. Ông bèn xin với Giới hiền pháp sư xuống Nam Ấn-độ học tập thêm.

Trước tiên, Huyền-Trang đến xứ Y-lan-nỗ-bản-đa (hiện là một vùng của tỉnh Orissa), và ở lại đấy một năm, theo học với các vị pháp sư danh tiếng của nước này. Sau đó, ông lại vượt Ấn-độ vương, qua nước Tăng-già-la (hiện là Tích-lan) (1). Từ đấy, ông trở về nước Kiệt-lăng-già (Kalinga), đi về hướng tây thêm một ngàn tám trăm dặm nữa, vào miền nam nước Kiều-tát-la (Kosala) để tìm hiểu thuyết Nhân-Minh-Học » của Bà-la-môn. Kế đó, lại đến nước Lang-kiệt-la (hiện là miền Đông-Nam tỉnh Baloutchistan), rồi vòng trở lên nước Bản-phạt-đa-la (không rõ là tỉnh nào hiện nay). Huyền-Trang ở đây học tập hai năm, rồi vào Trượng-lâm-sơn, học thêm hai năm Duy-thức-học, kinh Phệ đà và thiên văn, địa lý...

(1) Theo Grousset thì Huyền-Trang dự định qua Tích-lan, nhưng đi không được, vì bấy giờ Tích-lan đang có nội loạn.

Chỉ trong vòng sáu năm, Huyền-Trang đã đi giáp Đông, Nam, Tây, Bắc, xứ Ấn-độ, trải qua trên 100 nước lớn nhỏ và xem qua rất nhiều kinh sách tàng trữ trong thơ viện các nước ấy. Sau đó, Huyền-Trang lại trở về chùa Na-lan-đà. Giới-hiền pháp sư khiến ông chủ trì cuộc diễn giảng về « Nhiếp-đại-thừa-luận ».

Bấy giờ, Sư-Tử-Quang, cũng một đệ tử hữu danh của Giới-hiền pháp sư, không phục sự chủ trì của Huyền-Trang..., nhưng khi Huyền-Trang viết ba ngàn tụng « Hội-Tông-Luận » thì cả chùa tăng chúng đều phục ; cả Giới-hiền pháp sư cũng khen nức nở. Sư-Tử-Quang thấy sức học của mình còn non kém, xấu hổ bỏ chùa ra đi, hơn năm sau mới trở lại.

Cũng lúc ấy, có một người Ba-la-môn viết bốn chục điều lý luận đem dán trước cửa chùa Na-lan-đà, thách rằng :

— Nếu ai bác được một điều của ta, ta sẽ tự cắt đầu tạ lỗi.

Mấy ngày sau, vẫn chưa ai dám biện bác. Huyền-Trang bèn thỉnh Giới-hiền pháp sư đến chứng kiến để ông tranh luận với người Bà-la-môn ấy. Rốt cuộc, người Bà-la-môn đuối lý và yêu cầu được làm theo lời hứa. Huyền-Trang đáp :

— Hòa-thượng không được sát sanh.

(Theo tục lệ của người Ấn-độ thời bấy giờ, nếu người tranh luận thua, không tự sát thì phải theo làm đồ đệ, hầu hạ kẻ thắng. Nhưng Huyền-Trang cũng không bắt người Bà-la-môn ấy theo phục dịch mình).

TRẦN-HÀ

KỲ TỚI : Tranh luận với Phái Tiểu thừa

BÁ-LINH,

NGÃ TƯ QUỐC-TẾ

★ — *SONG-AN CƯ-SĨ*

BA-LÊ vừa được giải phóng thì các cường quốc đoán biết ngày bại trận của Đức-quốc-xã không còn bao lâu nữa. Tức thời một ủy ban được thành lập giữa khối Đồng-minh (Mỹ-Anh-Nga) để trù liệu kế hoạch chiếm đóng Đức quốc và giải quyết nhiều vấn đề khác sau khi thắng trận Đại chiến thứ II. Ủy ban đó lấy tên là Ủy-Hội Âu-Châu (Eurcpean Adviser Committee). Ủy-hội ấy liền ký kết bản « Thỏa hiệp Luân-đôn », ngày 12-9-1944, qui định số phận Đức-quốc, và phân chia lãnh thổ Đức ra từng khu chiếm đóng. Riêng về kinh đô Bá-linh sẽ do một « Tổng hành dinh » (Kommandantura) cai trị. Tổng hành dinh ấy gồm những viên chỉ huy của mỗi khu vực trong Bá-linh do các vị Tổng tư lệnh quân đoàn các cường quốc liên hệ đề cử ra.

Hai tháng sau, thỏa hiệp Luân-đôn lại được sửa đổi và trù liệu một hệ thống kiểm soát chung cho toàn lãnh thổ Đức.

Hội nghị Yalta (3-2-1945) xác định kế hoạch của Ủy-hội và mời một cường quốc thứ tư tham gia vào việc chiếm đóng nước Đức: Đó là nước Pháp. Ngày 1-5-1945, thỏa hiệp Luân-đôn lại được sửa đổi một lần nữa và chỉ định nước Pháp vào việc kiểm soát nước Đức.

Ngày 8-5-1945, Đức-quốc-xã đầu hàng. Ngày 5-6-1945, Bốn vị Tổng-tư-lệnh cho ra một tuyên cáo chung trong đó đề cập đến quyền hạn của các vị Tư-lệnh các khu. Ngày 14 và 16-6 giữa Mỹ và Nga có những cuộc trao đổi văn kiện mà kết quả là cuối tháng ấy, quân đội Mỹ trước kia đã tiến sâu vào các xứ Saxe, Mecklembourg, Thuringe và Anhalt, nay lại rút lui nhường chỗ cho Hồng-Quân. Đồng thời quân đội chiếm đóng của các cường quốc đồng tiến vào Bá-linh.

Ngay sau đó, ngày 7-7 Chính-phủ Nga gởi thông điệp cho ba cường-quốc kia yêu cầu phải biệt lập hành chánh và tiếp tế

riêng từng khu một. Rồi kinh đô Bá-linh được chính thức chiếm đóng vào ngày 30-8-1945.

Khi ký kết những thỏa hiệp kể trên, các cường quốc Đồng-minh đã tỏ tinh thần đoàn kết, tín nhiệm lẫn nhau vì họ còn mải xua quân tiến tới. Không một ai đoán trước rằng Bá-linh lại lọt vào giữa khu vực do Nga-sô chiếm đóng. Ngay cả đến các vị chính khách đã ký kết những thỏa hiệp ấy cũng không để ý đến vấn đề địa lý. Đối với họ, sự chiếm đóng Bá-linh chỉ là một biểu tượng của chiến thắng, vì Bá-linh là kinh đô của một nước chiến bại.

Các cường quốc chiếm đóng từng khu riêng biệt : như Nga-sô thì ở « xóm » Karlshorst, còn Mỹ-quốc lại ngự trị khu Dahlem v..v... Mỗi ngày các nhân viên hữu trách đều nhóm tại một nơi gọi là Building, trung tâm của cơ quan kiểm soát Đồng-minh, hay tại tòa Kommandantura. (Tổng-Hành-Dinh). Cứ ba tháng các vị tư lệnh lại nhóm một lần gọi là Hội đồng Kiểm soát, ngoài ra còn có nhiều « ủy ban phối trị », « Nghị hội » « tiểu ban », v..v... Thành thử, cách tổ chức rất nặng về giấy tờ. Nhưng mỗi khu lần lần theo một cách sống riêng biệt, mỗi cường quốc có một cách cai trị, không ai giống ai, tùy theo tập quán và quyền lợi của riêng từng nước một. Càng ngày mầm chia rẽ càng đâm chồi nảy lộc...

Phe Nga thâu quá nhiều thuế lợi tức, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-lê và không chịu tiếp tế Tây-Đức trong khi Tây-Đức cần phải có mễ cốc nhập cảng từ Đông-Đức. Anh-Mỹ bèn quyết định tiếp tế vật thực cho Tây-Đức khi thấy rằng Đức-quốc đã có mòi rạn nứt làm hai khối riêng biệt. Danh từ « bức màn sắt » do đó mà ra. Đấy mới là mầm chia rẽ về kinh tế.

Trong lãnh vực chính trị, sự chia rẽ lại càng rõ rệt hơn. Tháng 7 năm 1946, bốn cường quốc hội nghị tại Ba-lê (Điện Lu-xembourg). Hội nghị ấy thất bại và không giải quyết được một vấn đề nào cả, kể cả Đức-quốc. Tiếp đến bài diễn văn của ông Byrnes, ở Stuttgart ngày 6-9-1946 vạch rõ định hướng của đường lối chính trị Mỹ-quốc, gieo một tiếng vang trên khắp lãnh thổ Đức-quốc. Rồi ông Churchill đọc ngày 19-9 một bài diễn văn tại Zurich, nêu lên vấn đề Liên-hiệp Âu-châu với mục đích chống Nga. Rồi đến bài diễn văn của ông Bevin ngày 24-10.

Không muốn kèn cựa quá lâu với Nga, phe Đồng-minh quyết định tự động phục hưng Đức-quốc và bắt đầu ngày 1-1-1947, sự chia cắt Đức-quốc làm hai, đã rõ rệt. Tình hình giữa hai « khối » có vẻ khẩn trương, và tiếp diễn suốt cả năm 1947 nhất là sau khi Hội nghị Mốt-cu (Tháng 3, 4-1947) thất bại. Tuy các cường quốc có tái nhóm tại Luân-đôn vào tháng 11-12 năm ấy, nhưng ngày 20-12-1947, Tướng Marshall đành phải từ giã Luân-đôn sau ba, bốn tuần thương thuyết vô hiệu quả.

Trong lúc đó thì nhân dân Bá-linh đã làm gì ?

Họ thành lập một Hội đồng Thành phố gồm có một cơ quan hành pháp gọi là « Magistrat ». Hội đồng ấy, lúc Nga mới đến Bá-linh đã đề cử ra. Tuy nhiên một bản hiến pháp tạm thời trù liệu một cuộc tuyển cử vào ngày 26-10-1946. Cuộc tranh cử thật là ráo riết. Phe Dân-xã hay là S.P.D. và phe Liên-hiệp Công-giáo Dân-

chủ (CDV) thắng. Trái lại phe Xã-hội Thống nhứt (SED) do Nga cầm đầu bị thất bại nặng nề.

Cuộc thất bại càng thêm sâu cay vì đúng vào lúc cuộc giao thiệp giữa hai « Khối » đang đi vào một khúc quẹo. (Nếu phe SED thắng, thì đâu còn vấn đề Bá-linh nữa !)

Nhưng khi Bá-linh đã có những đảng phái chính trị thì khối Nga và Tây-phương phải kiếm cách ủng hộ họ. Các đảng phái lại đối chọi lẫn nhau : hội nghị, biểu tình, báo chí, làn sóng điện đều được dùng để chống chọi nhau Mỗi khu xuất bản một tờ báo và kiếm cách tung báo qua các khu khác. Đài Phát-thanh Bá-linh - thân Nga - lại dùng cơ sở biến âm đặt tại khu vực Anh và «ăn-tên» lại trồng trên khu vực Pháp. Thật là một sự lộn xộn không thể tả được.

Tình hình đi lần đến ngày 20-3-1948, là ngày mà Nga bắt đầu phong tỏa Bá-linh, sau khi Tướng Sokovski và Loukianchenko rời bỏ phòng Hội-nghị của Ủy-ban Kiểm-soát, mà đi luôn không bao giờ trở lại !

Lý do sâu xa của cuộc phong tỏa ấy là : một bên Nga-sô không ngớt đòi thống nhất chính trị Đức-quốc, một bên Phe Tây-phương thì đề nghị thống nhất kinh tế các miền chiếm đóng cho đỡ kinh phí. Hai nữa là vì phe Tây-phương nhận thấy âm mưu cộng-sản-hóa Đông-Đức của Nga nên quyết định tổ chức Tây-Đức và thành lập Chính-phủ Cộng-hòa Liên-bang Tây-Đức tại Bonn.

Cầu « không-vận » được thiết lập. Đó là một cuộc thi gan hiếm có, mà phe Tây-phương buộc Nga-sô phải nhượng bộ vào tháng 5, 6 năm 1949, sau gần một năm tranh đấu cam go. Các phương tiện giao thông và quan hệ bình thường được thiết lập lại.

Thực ra không phe nào được thỏa mãn cả. Hai triệu dân Bá-linh tỏ vẻ công phẫn vì khó sống tự do trong một khoảnh đất bao vây bởi Nga-sô. Trái lại Nga-sô lấy làm chướng tai gai mắt khi Bá-linh trở nên một biểu tượng cho Tự-do và thịnh vượng ngay giữa khu vực chiếm đóng của mình. Vả lại phe Tây-Phương cũng hơi bối rối vì nhận lãnh trách nhiệm gìn giữ một đồn tiền tuyến xa vời và kém phòng thủ như Bá-linh. Tuy vậy không một ai đả động đến cái ly nước đầy ấy ! Nhưng bỗng nhiên ngày 10-11-1958, vị chúa tể của điện Kremlin, Nikita Khrouchtchev dám cả gan tuyên bố : « Anh-Pháp-Mỹ phải rời khỏi Bá-linh để trả kinh đô lại cho nước Cộng-hòa Dân-chủ Đức Nga sẽ trao trả tất cả quyền hành cho Chính phủ Đông-Đức. Anh-Pháp-Mỹ có muốn thương thuyết về vấn đề Bá-linh thì thương thuyết thẳng với chính phủ ấy ! »

Nhưng về sau, Krouchtchev lại đề nghị biến Bá-linh thành ra một thành phố tự do. Nhưng làm sao người dân Đức còn có thể tin vào danh từ tự do ở lời tuyên bố của vị Chúa Đỏ được nữa. Họ đã nếm mùi tự do trong chế độ Cộng-sản ở Đông-Đức đến nỗi không thể chịu đựng phải vùng lên nổi dậy ngày 17-6-53. Rồi những chiến xa Nga-sô đã nghiền nát cuộc cách mạng đòi tự do của họ trong máu lửa.

Không có sự phát biểu dân ý nào hùng hồn bằng những cuộc trốn tránh vùng

Cộng-sản : mỗi tuần lễ hàng ngàn người đã vượt sang Tây Bá-linh và Tây-Đức, đến nay con số người tị nạn, đã lên tới 2 triệu 900 ngàn.

Kỳ bầu cử Nghị viện tại Tây Bá-linh ngày 7-12-58 lại là một dịp để nhân dân Đức bộc lộ cảm tình, tín nhiệm lần nữa. Các đảng phái đều được hoàn toàn tự do vận động và dân chúng tự do chọn lựa. Kết quả là chỉ có 1,9% cử tri bỏ phiếu cho Cộng-sản (đảng S.E.D.) trong lúc 52,6% cử tri bỏ cho đảng Dân-xã và 37,7% bỏ cho đảng Dân-chủ Công-giáo.

Nhưng phe Tây-phương không muốn giao thiệp với Đông-Đức vì họ chỉ ký kết với Nga-sô. Hơn nữa nếu có điều gì xích mích giữa họ và chính-phủ Đông-Đức thì Nga-sô sẽ khởi hấn một cuộc chiến tranh ngay tức khắc, « vì ai cũng biết rằng Hồng-quân đang đóng tại Đông-Đức và không phải họ ở không vậy để đánh bi » (Lời của Khrouchtchev trong bức diễn văn ngày 17-2-1959 tại Tula).

Bá-linh tuy ở rất xa chúng ta nhưng lại rất gần chúng ta Ảnh hưởng của tình hình ở Bá-linh sẽ lan tràn khắp hoàn cầu. Vì thế chúng ta nên thông cảm với người dân Đức cũng như với người dân thành phố Bá-linh vậy.

SONG-AN CƯ-SĨ

★ Có năng đề phòng và chuẩn bị trước thì lúc việc xảy ra mới có thể đối phó kịp. Trái lại, nếu cứ đành để nước đến chân mới nhảy thì khó lòng tránh được thất bại.

★ Chim sẻ làm tổ đầu nhà, mẹ con, hú hí tự lấy làm yên ; nhà cháy mà chim vẫn như không, là tại không biết tai vạ sẽ đến. (Không-Tông-Tử).

Đức khiêm nhượng

Người công giáo không ai là không biết cuốn gương Chúa Giêsu Ki-tô (L'Imitation de Jésus Christ)— sách dẫn đường đạo đức viết bằng la-tinh, sách gối đầu giường của các tín đồ công giáo, sau Thánh Kinh, — nội dung chứa đựng một nhiệt khí bất tuyệt. Tác giả cuốn sách trứ danh ấy, khi viết, đã nguyện một câu : *da mihi nesciri* (xin đừng cho ai biết đến tôi) — Hình như thỉnh cầu của tác giả đã được chuẩn nhận vì từ bao thế kỷ nay, mặc dầu các nhà học giả đã tử công-phu tìm kiếm mà vẫn chưa khám phá ra được ai là tác giả.

BÀN QUA VỀ VẤN ĐỀ

« Thụ thai theo ý muốn »

• NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

- Sức sống của một tinh trùng có thể dài tới 14, 15 hôm. Nhưng năng lực sinh thai của nó nhiều lắm là trong vòng 48 tiếng. Trứng con lại chỉ sống được có hai giờ sau khi rụng.
- Vậy chỉ có thể thụ thai được trong thời gian nào ?

★

TRƯỚC khi đọc, chúng tôi xin lỗi độc giả vì đã chót dùng lầm đầu đề « Thụ thai theo ý muốn », hiện giờ chưa được hoàn toàn thích hợp với trình độ của khoa học và y học. Viết bài này, chúng tôi không ngoài mục đích phổ biến những điều thông thường và mới mẻ về vấn đề này. Chắc sẽ có một số bạn cho là vô ích, vì theo thuyết cổ truyền của ta, thì ngay đến « nhất ẩm nhất trác» cũng còn «giai do tiền định», nữa là việc lấy vợ lấy chồng để sinh con đẻ cái. Vả lại những vấn đề như chửa đẻ, trai gái, thường bị coi là tục tĩu, và có lẽ dâm đãng nữa, nên ít khi được bàn luận đến.

Nhưng sự thực đâu có phải thế. Ở thế kỷ trước, một nhà nho rất hào hoa của chúng ta đã chẳng ngại mà nói rằng « nếu không dâm sao nẩy ra hiền ! ». Đến nay vấn đề không còn phải là đề nẩy ra hiền mà trái lại là làm cách nào cho bớt chửa, bớt đẻ. Quả thật vậy ! Gần ta nhất, bên Trung-hoa, hiện giờ số người là 650 triệu. Mỗi năm dân số tăng lên từ 10 đến 15 triệu. Vấn đề nhân mãn bên đó vì thế thật là một vấn đề then chốt có ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình thế giới. Ta chỉ cần quay lại 20 năm về trước cũng đủ rõ ảnh hưởng tai hại của nạn nhân mãn bên Nhật. Chiến tranh vừa qua trên Á-châu, một phần lớn là do nước Nhật người nhiều mà đất hẹp, tuy thời ấy họ có cả Mãn-châu và Đài-loan để thu hút một phần lớn dân Nhật. Thiếu đất đai để sống, thiếu thị trường để bán hàng hóa, người Nhật vì thế bắt buộc phải gây ra chiến tranh, và muốn cho cuộc chiến tranh này có vẻ chính nghĩa để thu hút các dân tộc khác, họ đã không ngần ngại nêu lên thuyết Đại Đông-Á. Thuyết này tuy cơ sở là do một nhu cầu kinh tế, nhân sinh phát ra, mà đã có ảnh hưởng lớn lao về mặt chính trị ở Đông Nam Á-châu cho đến nay vẫn chưa hết. Chúng tôi xin lỗi đã nói ra ngoài đề quá xa, nhưng có thế ta mới thấy rằng một vấn đề rất « tục » như vấn đề chửa đẻ mà cũng là một động cơ chi phối các yếu tố khác như chính trị xã hội, vân, vân,... Sau đây,

chúng tôi sẽ xin trình bày cùng bạn đọc mọi chi tiết về sự thụ thai, về phương diện khoa học. Ở nước ta cũng đã nhiều báo bàn đến. Ngay đến những nước còn ít người như Mỹ, Pháp, Anh, họ cũng luôn luôn bàn tới vấn đề này. Không có một ngày nào hay một tuần nào mà không có một tờ báo hoặc một tạp chí đem vấn đề thai nghén ra để thảo luận. Một phần vì độc giả các báo ấy đòi hiểu nhiều về một vấn đề có quan hệ mật thiết đến hạnh phúc của họ, đến đời sống của họ. Một phần nữa là trong một thời gian gần đây, các ngành khoa học đều tiến rất nhanh chóng. Nền Y học cũng vì thế đi đến một mức rất cao... Các quan niệm về sự chữa bệnh, về cách phòng bệnh, các phương pháp để làm chửa đẻ, cũng thay đổi vô cùng. Một phát minh mới về Hóa học, có thể làm thay đổi hẳn một phương pháp hoặc một quan niệm cổ cựu về khoa chữa bệnh. Những chuyện như thế xảy ra luôn luôn. Vì thế ở bên Anh, Mỹ, cứ trong vòng 6 tháng đến 2 năm, các báo chí về khoa học, đều gần như là bắt buộc phải ra những đặc san để chỉnh lý một vấn đề.

Bài này vì thế cũng chỉ là một sự đặt lại vấn đề thụ thai với những tài liệu và quan niệm mới mẻ nhất. Rất có thể là trong vòng sáu tháng hay một năm nữa, lại có nhiều sự phát minh có thể làm đảo lộn hẳn lại các quan niệm hiện thời. Lúc đó tất nhiên lại sẽ có những bài tường trình khác nữa.

Trong bài này có một số danh từ về Y học. Cuối bài, một bản đối chiếu với các danh từ ngoại quốc sẽ giúp các bạn tiện việc tra cứu.

Nói về vấn đề thụ thai chửa đẻ, tất nhiên phải nói đến hai vai chủ động là trứng con (ovule) của đàn bà và tinh trùng của đàn ông. Sự giao hợp giữa hai người chẳng qua cũng chỉ là một cách tự nhiên để tinh trùng có dịp gặp gỡ trứng con. Chúng tôi xin miễn bàn về vấn đề giao hợp vì việc này là một việc trời phú bẩm cho con người ta mỗi khi đến tuổi dậy thì là tự khắc hiểu. Sự thực, về vấn đề này ta cũng nên biết đến một cách khoa học thì hơn, và hiện giờ ở bên Mỹ, Nhật, Pháp, đều có xuất bản nhiều sách rất đứng đắn và có giá trị dạy các cách giao hợp để gây nòi giống tốt. Trong phạm vi báo Bách-khoa, tôi thấy chưa đến lúc bàn đến vội. Xin hãy tạm gác đấy để nói về sự gặp gỡ giữa tinh trùng và trứng con.

Sự thụ thai (theo đông y còn gọi là nhâm thần) tức là sự phối hợp của hai tế bào đực và cái. (tiếng Anh, Pháp, gọi là Fécondation.) Nói đại cương tinh khí (sperme) là một chất lỏng trong có chứa nhiều tinh trùng (spermatozoide). Mỗi một tinh trùng có một cái đầu hình bồ dục, một thân và một cái đuôi rất dài. Nhờ có đuôi ấy luôn luôn cử động, mà tinh trùng bơi được trong tinh khí. Mỗi một lần người ta tiết ra tinh khí, thì có tới mấy chục triệu tinh trùng được thả ra. Trong khi giao hợp, tinh khí thấm nhuần bộ phận sinh dục đàn bà và các tinh trùng nhờ chất nước ấy mà chui vào dạ con (tử cung) để gặp gỡ tế bào cái, tức là trứng con. Lúc xuất ra, tinh khí chịu một sức đẩy rất mạnh, và các tinh trùng cũng nhờ sức mạnh ấy mà có thể gọi là bị bắn vào trong dạ con. Vào đó, chúng thi nhau mà bơi theo đường trong của dạ con mà lên 2 ống dẫn trứng với một tốc lực, nếu so với người, là 7 cây số

một giờ. Thật là một cuộc thi bơi vô cùng náo nhiệt, mạnh ai nấy được, vì theo luật tự nhiên của tạo hóa, trong mấy mươi triệu tinh trùng « rắp danh bắn sẻ » chỉ có một con sẽ được « diễm phúc » phối hợp cùng với tế bào cái mà thôi. Sau khi đầu của tinh trùng may mắn ấy, đã vào lọt được trong trứng con rồi, thì có một phản ứng làm cho không một tinh trùng nào khác có thể chui vào được nữa. Mấy chục triệu tinh trùng vô dụng kia đành đứng ngoài chịu chết (chết thực sự). Rút cục lại cũng như truyện Sơn tinh Thủy tinh ngày xưa mà thôi, chỉ khác ở chỗ là đây có hàng mấy chục triệu Thủy tinh bị loại. Nói cho rõ ràng hơn, thì mỗi một người đàn ông khỏe mạnh muốn có con, thì trong mỗi phân khối tinh khí (1 cm3) phải có ít ra từ 60 đến 120 triệu tinh trùng. Tuy chỉ cần có một tinh trùng là đủ để làm cho thụ thai, thế mà con số 60 triệu tinh trùng là con số ít nhất mà một người đàn ông khỏe mạnh như thường, phải có. Tinh trùng nhiều, thế mà vẫn chưa đủ. Sau một giờ đồng hồ tiết ra, chín mươi phần trăm các tinh trùng ấy vẫn cần phải còn có đủ sức sống để vẫy vùng thì mới được coi là tốt. Tính ra mỗi một lần giao hợp, tinh khí cần phải chứa một số tinh trùng vào khoảng 300 đến 400 triệu. Sở dĩ phải cần nhiều như vậy là vì người ta vừa khám phá ra, là có nhiều như thế, mới đủ để tinh trùng tiết ra một chất tên là Hyaluronidase (Trung-hoa dịch là « Thấu minh chất toan môi »). Nhờ có chất này mà các tinh trùng mới dễ lan rộng trong bộ phận sinh dục đàn bà. Ngoài ra các nhà khảo cứu lại còn cho ta biết thêm rằng một tinh trùng có thể thọ được đến 14, 15 hôm. Nhưng ta phải biết phân biệt tuổi sống với sức sống và năng lực sinh thai (pouvoir fécondant) của tinh trùng. Tuy tinh trùng có thể sống được ngần ấy ngày, nhưng sức sống của nó, tức là cái năng lực sinh thai của nó rất ngắn, chỉ được vài giờ, cùng lắm là 48 tiếng. Về phần đàn bà, trứng con (ovule) chỉ sống có hai giờ mà thôi. Cho nên nói tóm lại muốn có chửa, phải đủ hai điều kiện :

1) Tinh trùng gặp trứng con.

2) Hai tế bào ấy phải gặp nhau trong lúc cả hai bên đều dồi dào sức sống.

Cũng vì những điều kiện kể trên mà có một số bạn trai lấy làm thắc mắc tại sao tinh trùng của mình sống 5, 6 hôm mà mình vẫn không tài nào có con ? Các bạn ấy nên nghĩ lại là tuổi thọ của tinh trùng không quan hệ bằng sức sống của nó. Dựa vào những nguyên nhân ấy, các thầy thuốc Âu Mỹ đã tìm được nhiều biện pháp để thay đổi tính chất của tinh khí và đã cứu vãn được nhiều gia đình từ lâu vẫn mong mỏi một mụn con mà chưa được toại nguyện. Nếu có dịp, tôi sẽ nói đến những phương pháp ấy.

Hiện giờ ta hãy nói đến sự gặp gỡ của tinh trùng và trứng con. Tôi không cần nói đến sự sản xuất tinh trùng ở đây. Ta chỉ nên nhớ là cơ thể đàn ông chúng ta lúc nào cũng dự trữ một số tinh khí, sẵn sàng để cung ứng một khi động dụng. Trái lại về phần đàn bà, sự sản xuất trứng con có tính cách tuần hoàn, mỗi một tháng chỉ có một quả ra mà thôi. Trong suốt đời một người đàn bà, từ lúc dậy thì cho đến lúc sạch kinh, tính ra có độ chừng 400 quả trứng

con, cứ tuần tự theo nhau ra, mỗi tháng một quả và trong mỗi tháng ấy, trứng cọn chỉ sống có mấy tiếng đồng hồ mà thôi, thời gian rất ngắn ngủi đủ để gặp tinh trùng. Sở dĩ chúng ta nay được biết tường tận về đời sống quả trứng, đó cũng nhờ công của hai nhà bác học *Ogino*, người Nhật và *Knaus*, người Áo, trong năm 1927-1928. Hai ông tuy ở cách nhau hàng vạn dặm, mà đã cùng đi đến một lý thuyết, cho rằng trứng con sau khi rụng khỏi túi trứng, chỉ có thể sống trong vòng vài giờ để đợi tinh trùng ; Ngoài mấy giờ ấy, nếu tinh trùng có gặp chăng nữa thì cũng chỉ vô ích mà thôi, vì trứng đã chết mất rồi. Đó là tóm tắt lý thuyết mà nay ai cũng gọi là lý thuyết Ogino-Knaus. Theo lý thuyết ấy, ta có thể tạm đoán là trừ vài giờ ấy ra, thì sự giao hợp sẽ không bao giờ có thể làm cho chửa được. Đối với những cặp vợ chồng đã đông con, lý thuyết ấy quả đã là một giải pháp tốt đẹp nhất để giữ vững hòa khí trong gia đình, hai vợ chồng vẫn có thể thỏa mãn nhu cầu sinh lý mà không còn thấp thỏm lo có con nữa. Ta nên nhớ rằng có thỏa mãn được nhu cầu sinh lý thì trong gia đình mới có hòa khí, và câu « thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn » của ta xưa, phải nên hiểu rõ là cả hai vợ chồng hòa thuận với nhau về đủ mọi phương diện, và đặc biệt là về phương diện vật chất và sinh lý !

Muốn hiểu rõ thuyết Ogino, ta phải biết qua về kinh nguyệt đàn bà và nhất là cách hành kinh. Biết được hành kinh của đàn bà, tức là nắm được then chốt của đời sống sinh lý của họ. Nay ta lấy thí dụ Bà X. vừa mới thấy kinh từ tháng trước trở đi. Ngay từ lúc bà ta thấy kinh, thì trong óc có một hạch, ta tạm gọi là hạch

> *« Người ta có thể được miễn*
> *« không phải có con, trong một thời*
> *« hạn lâu dài, hoặc trọn đời, nếu*
> *« hai vợ chồng có những nguyên do*
> *« đứng đắn, như bị tật bệnh, hoặc*
> *« vì hoàn cảnh kinh-tế, xã-hội không*
> *« thuận tiện. Vì thế trong những*
> *« trường hợp kể trên sự tuân thủ*
> *« thời-kỳ không thụ thai rất là*
> *« chính đáng và không có gì trái với*
> *« luân thường cả...»*
>
> (Lời của Đức Giáo Tông Pie XII)

I-pô-phi. (Hypophyse). Hạch này hiện giờ được coi như là một nội tuyến quan trọng vào bực nhất vì nó chi phối đời sống của con người, tuy nó chỉ to bằng một hạt đỗ, nằm gọn trong một chỗ lõm hình như cái yên ngựa trong đáy sọ ; nó nặng không đầy nửa gờ-ram (0,gr 40.) Bắc đầu từ lúc Bà X. thấy kinh, hạch I-pô-phi tiết ra một chất « oóc-môn » (Hormone) loại A. Ta nên biết chất oóc-môn nào phần đông, cũng có tính chất kích thích các bộ phận khác trong người. Trong trường hợp này, hạch I-pô-phi bắt đầu tiết ra oóc-môn A. Oóc-môn này sẽ ảnh hưởng đến buồng trứng bằng cách làm cho nầy nở một lỗ hổng trong có chứa một trứng con. (ovule). Lỗ hổng này cùng với quả trứng con từ bấy đến nay, vẫn nằm im lìm trong buồng trứng, không hoạt động gì. Từ lúc bị ảnh hưởng của oóc-môn A, thì bỗng nhiên như sống lại và tiến hóa như một trái quả từ lúc còn xanh cho đến lúc chín mùi. Đơn vị lỗ hổng và quả trứng con, giới Y học Âu-Mỹ gọi là Follicule de De Graaf, ta tạm dịch là túi trứng, (do nhà bác học

người Hòa-lan tìm ra và khoảng giữa thế kỷ thứ 17.) Trong khi túi trứng này sinh trưởng và nở nang thì các túi trứng khác ở trong buồng trứng vẫn ngừng sống để chờ đến lượt mình. Cùng một lúc ấy, oóc-môn A lại làm cho túi trứng sản xuất ra một chất gọi là Folli uline. Chất Phô-li-cuy-lin này rất cần để làm cho niêm mạc của dạ con phát triển một cách dễ dàng. Niêm mạc (muqueuse) là lần da lót trong cùng dạ con. Nếu có thai thì thai sẽ nằm trên niêm mạc và sẽ nhờ niêm mạc mà sinh trưởng. Niêm mạc nhờ chất phô-li-cuy-lin mà nảy nở, chứa đầy những máu và sẵn sàng để chờ đón trứng con một khi trứng thành thai.

Mười bốn hôm sau, túi trứng đã đến kỳ nảy nở một cách triệt để, như một trái quả đến lúc chín ; đến lúc ấy túi trứng nứt và để lọt trứng con, rơi ra ngoài. Lúc trứng rơi ra ngoài, chính là lúc trứng dễ thụ thai nhất, nếu trứng con gặp ngay tinh trùng ấy ở ngoài vào. Thời kỳ trứng con rơi ra ngoài ta gọi là thời rụng trứng (ovulation.).

Trong trường hợp hai tế bào gặp nhau, tinh trùng sẽ phối hợp cùng với trứng con và Bà X đã thụ thai. Lúc ấy trứng đã nhận tinh (oeuf fécondé) và cứ lần lần theo ống dẫn trứng mà xuống dạ con, nằm trong niêm mạc. Hạch I-pô-phi lúc ấy lại tiết ra một oóc-môn thứ hai, oóc-môn loại B, và nhờ có oóc-môn này mà niêm mạc sẽ nuôi sống trứng đã thụ tinh, cho đến lúc trứng thành cái thai rõ ràng. Nhưng đây lại là một truyện khác, cũng khá phiền phức, nếu có dịp tôi sẽ nói đến sau.

Nay ta lại nói đến trường hợp thứ hai, trứng con không gặp tinh trùng. Sau khi đã lọt ra khỏi túi trứng, trứng con cứ thế mà theo ống dẫn trứng mà xuống dạ con, không gặp tinh trùng nào hết. Trong khi ấy ; hạch I-pô-phi, thôi không tiết chất oóc-môn A nữa. Niêm mạc của tử cung, sau khi đã nở nang và sưng tấy vì nhiều máu để sẵn sàng đợi trứng một khi trứng thụ tinh, nhưng rồi đợi mãi mà không có trứng, đành phải vỡ ra, bao nhiêu máu chứa đựng bấy lâu, đành theo miệng dạ con mà thoát ra khỏi cửa mình. Máu chảy ra ngoài ấy, tức là kinh nguyệt. Thường thường đại đa số đàn bà cứ 28 ngày lại thấy kinh một lần. Ta mượn tiếng Trung-hoa mà gọi là kinh nguyệt, thực ra muốn theo đúng sách thuốc Tầu, ta phải gọi là Nguyệt kinh mới phải. Kinh nguyệt có nghĩa là cái gì thông thường vẫn có hàng tháng một. Nó cũng giống nghĩa như tiếng Pháp Menstrues. Đối với Bà X hành kinh 28 hôm một lần, thì thời kỳ rụng trứng, theo sự tìm tòi của Bác sĩ Ogino, sẽ vào quãng ngày thứ 14 sau ngày thấy kinh kỳ trước.

Vậy thời kỳ hành kinh của Bà X có thể chia làm hai giai đoạn :

1'— Giai đoạn thứ nhất, từ lúc có kinh kỳ trước đến ngày thứ 14 ; ngày này tức là ngày trứng con rụng. Ta đã gọi nó là thời kỳ rụng trứng.

2'— Giai đoạn thứ hai, từ ngày 15 đến ngày 28, tức là ngày lại thấy kinh lần sau.

Theo thí dụ kể trên thì ngày thứ 14 tức là ngày rụng trứng. Hai nhà bác học Ogino và Knaus đã cho ta biết là một khi trứng lọt ra khỏi túi thì chỉ sống được hai giờ đồng hồ là cùng. Vì thế muốn có chửa, tinh trùng phải gặp trứng con trong

hai giờ này. Không những thế, nếu ta chia ống dẫn trứng ra làm 3 phần, phần ngoài, phần giữa, và phần trong nối liền với dạ con, thì sự phối hợp của hai tế bào phải được thực hiện ở phần ngoài của ống dẫn trứng. Theo nguyên tắc trên, nếu một tinh trùng gặp trứng con, 5 giờ sau khi trứng rụng, và nếu sự gặp gỡ lại sảy ra ở quãng gần dạ con, thì khó lòng mà tinh trùng được trứng con « chấp nhận » vì một lẽ rất giản dị là trứng đã già mất rồi, và phần trcng của ống dẫn trứng lại không phải là nơi thuận tiện cho sự tao phùng !

Vậy theo lý thuyết của Ogino-Knaus, Bà X muốn có con thì chỉ có thể giao hợp trong 2 giờ sau khi trứng rụng mà thôi. Và nếu Bà X không muốn có con mà vẫn muốn được hưởng những lạc thú về sinh lý thì hai ông bà chỉ cần tránh hai giờ tối kỵ ấy mà thôi.

Đọc đến đây tôi cũng đoán trước là có nhiều độc giả cả bên nam lẫn bên nữ, sẽ ngừng lại để phản đối. Vì thế tôi sẽ xin phép phân trần thêm ở số sau.

KỲ SAU : Cách tính ngày có thể thụ thai trong tháng.

B S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Người chỉ huy nào mà không tỉnh táo dự phòng các khó khăn, và trực giác các biến cố ; không vận dụng được ý chí để khám phá tương lai hầu xác định bước đi của mình ; không biết tưởng tượng để ra những kế hoạch, chương trình và lượng trước những nước tiến nước lui cho sát với thực tế, chỉ là một người « thừa ủy » trì độn, trù trừ, lạc hậu không làm chủ được cuộc đời và rút cuộc sẽ bị cuộc đời làm chủ, đánh bại.

★ Biết phòng xa thì cai quản người ; không biết phòng xa thì người cai quản. (Diễm-thiết luận)

Tham vàng

Crassus là nhà chánh trị La-mã, sinh năm 115 trước Thiên-Chúa và bị giết năm 53 trước Thiên-Chúa. Ông cùng với Pompée và César tạo lập chế độ tam đầu chính trị trước nhất ở thời cộng hòa La-mã. Vốn là nhà chính trị tầm thường mà vụ lợi, ông sở dĩ gây được địa vị là nhờ ở thế lực kim tiền nên người ta thường mệnh danh ông là lão tổng tài trọc phú Crassus. Vua dân Parthes là Orodès bắt được ông, ra lệnh chặt đầu ông, nấu vàng cho chảy ra rồi đổ vào mồm ông mà nói : « *Trọn đời ngươi đã tham vàng như vậy thì nay ta cho ngươi uống vàng cho thỏa thích nhé !* »

150 NĂM SAU KHI NHẠC-SĨ

Joseph HAYDN

(Jô-zefơ - Hai-đơn)

TỪ TRẦN

★

• Ngày **31 tháng 5 năm 1809**, đến nay đã 150 năm, vào lúc 12 giờ khuya, Nhạc-sĩ Joseph Haydn (Lô-zêfơ-Hai-đơn) bắt đầu một giấc ngủ ngàn thu.

TRẦN-VĂN-KHÊ

NHẮC đến Joseph Haydn (Jô-zê-fơ. Hai-đơn), người nhạc sĩ Tây phương nhớ ngay đến người cha của loại giao hưởng khúc (Symphonie), người nhạc sĩ đồng thời với Mozart (Mô-txạt) đã để lại cho hậu thế 104 giao hưởng khúc (1), 83 tứ tấu khúc (quatuor) (2), 30 tam tấu khúc cho đàn vĩ cầm, 35 tam tấu khúc cho đàn dương cầm (loại clavecin : cờ-la-vơ-xanh) và vĩ cầm, 52 mô phạm khúc(Sonate) cho đàn cờ-la-vơ-xanh và đàn dương cầm piano, 16 khúc giáo đầu đại nhạc kịch (ouvertures d'opéras), 20 đối tấu khúc (concerto) cho đàn cờ-la-vơ-xanh, 9 đối tấu khúc cho đàn vĩ cầm, 6 đối tấu khúc cho đàn đại vĩ cầm (violoncelles), nhiều bài hát loại tình ca hay thánh ca, đại nhạc kịch và ba tôn giáo nhạc kịch (oratorio) : Le Retour de Tobie (3) (khi Tobie, trở về), La Création (khai thiên lập địa), Les saisons (Bốn mùa).

Nhạc sĩ Haydn (Hai-đơn) — xin đừng lộn với Haendel (hăn đơl) mà chúng tôi đã nhắc đến trong tháng vừa qua nhân kỳ kỷ niệm đệ nhị bách châu niên ngày

(1) Có thể là 103 giao hưởng khúc vì có một giao hưởng khúc mà các nhà khảo nhạc không kể là của Haydn.

(2) Từ tấu khúc là một loại nhạc viết cho 4 thứ vĩ cầm : *vĩ cầm thứ nhất* (1er violon) *vĩ cầm thứ nhì* (2em violon) *trung vĩ cầm* (alto) và *đại vĩ cầm* (violoncelle).

Trong thời kỳ cổ điển một tứ tấu khúc thường là một *mô phạm khúc* (Sonate) cho 4 nhạc khí.

(3) Tobie là một người Do-thái mộ đạo lúc già bị mù, nhờ con trai chữa cho sáng mắt, theo lời chỉ dạy của Thánh Raphael (Ra-fa-en)

Haendel từ trần — nhạc sĩ Haydn sanh ngày mồng 1 tháng tư, năm 1732 tại Rohau (Rô-hao) nước Áo, ở vùng Saxe giáp ranh với nước Hung gia-lợi. Vì ngày mồng một tháng tư bên nầy có tục phỉnh gạt nhau để phá chơi gọi là « poisson d'Avril » (con cá tháng tư), nhạc sĩ không muốn mình chào đời ngày thiên hạ phỉnh đùa nhau, nên thường bảo rằng mình sanh ngày 31 tháng 3. Cha vừa làm nghề đóng xe, vừa làm toà tạp tụng, rất thích nhạc và biết đàn *viole* (một loại với vĩ cầm có 4, 5, 6 hay 7 dây). Thuở nhỏ Haydn có giọng hát trong, được ở trong ban hợp xướng của nhà thờ Saint-Etienne (Xanh-Ê-chen-nơ) tại thành Vienne. Haydn học hát và đàn vĩ cầm (violon) tại đó với nhạc sĩ Reuter (Roi-tơ). Nhưng lúc bể tiếng vì đến tuổi dậy thì Haydn không còn hát được nữa nên sống cực khổ. Sau khi đi đàn hát dạo ngoài đường trong một thời gian, Haydn được vào ở đợ với nhạc sĩ Ý Porpora (Po-rơ-pô-ra) và học thêm nguyên tắc sáng tác ca khúc Ý và luật hòa âm. Thuở ấy, đêm đêm tại thành Vienne, những nhạc công hay đàn hát những dạ khúc dưới cửa sổ những nhà khá giả hoặc những người có tên tuổi để xin tiền. Haydn đã sáng tác cho các nhạc công ấy nhiều đoản khúc và dạ khúc. Có khi Haydn vừa sáng tác xong, là các nhạc công đem ra đàn ngay. Đến năm 1758, Haydn được bổ làm nhạc trưởng cho bá tước Von Morzin (Fôn-Moo-txin), người được Haydn đề tặng giao hưởng khúc đầu tiên. Nhưng gia tài bá tước bị sa sút, Haydn mất việc và năm 1760 mới được làm phó nhạc trưởng tại Eisenstadt. (Ai-zơn-shta-đơ) cho ông hoàng Esterhazy (Ê-xơ-te-rha-txi). Đến khi nhạc trưởng Werner (Vec-ne) từ trần Haydn điều khiển giàn nhạc của ông hoàng Esterhazy trong gần 30 năm trời. Điều kiện sanh sống được bảo đảm, nhưng nhạc sĩ phải ẩn mặc như kẻ ăn người ở, mỗi ngày phải lo sáng tác, tập dượt và tùy ý thích của chủ phải hòa nhạc đôi ba lần.

Xuất thân trong một gia đình bình dân, Haydn không được đẹp trai, mặt rỗ, mũi to, bộ tịch lại nặng nề. Đến năm 30 tuổi mà nhạc sĩ chưa lọt vào mắt xanh của ai cả. Đến lúc bắt đầu biết yêu, gặp phải cô gái út của ông Keller (Ke-lơ) ; làm nghề bán tóc giả. Cô ấy tên là Anna-Aloysia (A-na - A-loi-zia) lớn hơn Haydn 4 tuổi vốn người hay cau có, gây gổ làm cho đời nhạc sĩ không được yên ổn chút nào cả. Không gợi được hứng cho chồng, bà lại thường lấy bản thảo mấy bài nhạc của chồng sáng tác để gói tóc giả hoặc đựng mứt. Nhạc sĩ bực mình đến đỗi phải gọi vợ bằng tiếng Ý là « bestia infernale » (loại quỉ sứ hay là quỉ đầu trâu mặt ngựa). Trong đời của người chỉ có hai bóng hồng làm ấm lòng nhạc sĩ và gợi được nguồn hứng. Một người là vợ của nhạc công Luigia Polzelli (Luy-jia-Pôl- zè-li), một nữ danh ca Ý lúc nàng vừa được 19 tuổi và một người là Maria Sabina von Genzinger (Ma-ria Sa-bi-na fôn Ghen-txin-gơ) lúc nhạc sĩ đã gần 60 tuổi.

Trong lúc làm nhạc trưởng cho ông hoàng Esterhazy, tuy Haydn chưa đi ra nước ngoài mà tiếng tăm đã vang dội đi xa. Đến lúc quá lục tuần, nhạc sĩ, hai lần sang Anh quốc, đi ngang thành

Bonn gặp Beethoven (Bết-thô-fân) và sau nầy Beethoven đến học nhạc với Haydn tại Vienne.

Trong mấy năm cuối cùng, đời nhạc sĩ vẫn bình thản ; nhạc sĩ ở trong vùng ngoại ô của thành Vienne và đến năm 1809, lúc quân đội của hoàng đế Nã-phá-luân (Napoléon) chiếm thành Vienne lần thứ hai, nhạc sĩ bị xúc động thái quá vì yêu nước nồng nàn, nên 3 tuần sau người trút hơi thở cuối cùng.

Thường các nhạc sĩ đều gọi Joseph Haydn là «cha đẻ loại giao hưởng khúc». Thật ra, loại giao hưởng khúc (Symphonie) đã có từ giữa thế kỷ thứ 18. Cùng một lúc, bên Ý các nhạc sĩ Vivaldi, Sam Martini, bên Đức Stamitz bên Pháp Gossec bên Anh, Sohanh-Christian Bach (Yô-han Cơ-rixơ-chan Ba-khơ con của Johann Sbastian Bach (Yô-han-xê-bát-xian Ba-khơ) đã viết giao hưởng khúc. Nhưng Joseph Haydn cùng với Mozart là hai bực thầy đã làm cho loại giao hưởng khúc phong phú hơn. Lúc đầu Joseph Haydn cũng theo truyền thống các bực tiền bối. Nhưng đến năm 1772, các đoạn trong giao hưởng khúc thay đổi hình thức đôi chút và khoa đối điểm (contrepoint) đã bắt đầu xuất hiện trong các phần. So với số 10 giao hưởng khúc của Beethoven (Bết-tô-fân) và 49 giao hưởng khúc của Mozart (Mô-txạt) thì số 104 giao hưởng khúc rất to. Joseph Haydn lại đặt tên cho nhiều giao hưởng khúc : số 22 tên « Nhà triết học » (Le philosophe) số 85 « Hoàng hậu » (La Reine) số 82, 83 tên « Con gấu và Con gà mái » : số 45 « Ra đi » Symphonie ; du départ, số 94 « Giựt mình » (La Surprise). Đặt biệc rong hai giao hưởng khúc « Ra đi » và « Giựt mình » nhạc sĩ sáng tác một cách thật lạ lùng trong giao hưởng khúc « *Ra đi* » đến đoạn thứ tư là đoạn cuối cùng, mỗi nhạc sĩ độc tấu phần của mình rồi đứng dậy thổi tắt ngọn đèn cầy (nến) rồi xách đàn ra đi. Đến cuối bài chỉ còn người vĩ cầm thứ nhất. (1er violon) và bản nhạc không thể kết thúc được. Có nhiều giả thuyết về giao hưởng khúc ấy. Nhưng theo giả thuyết thông thường nhất thì ông hoàng Esterhazy từ lâu không cho các nhạc công nghỉ lễ. Ai nấy đều bất bình nhưng chẳng dám hở môi. Joseph Haydn trình bày giao hưởng khúc ấy xong, ông hoàng Esterhazy hiểu dụng ý của nhạc sĩ và cho nhạc công nghỉ lễ.

Trong giao hưởng khúc « Giựt mình » giữa một đoạn nhạc thật êm và du dương thình lình có một tiếng trống thật to chen vào làm thính giả phải giựt mình. Nhạc sĩ Haydn để ý rằng trong mấy buổi hòa nhạc, có nhiều người không nghe nhạc mà ngủ ngon lành trong khi nhạc trỗi du dương. Nên nhạc sĩ muốn kêu gọi họ và luôn dịp đánh thức họ dậy, nên cho đệm thình lình một tiếng trống chát tai.

Joseph Haydn ít sáng tác về thanh nhạc (musiquevocale) chỉ thiên về khế nhạc (musique instrumentale). Sự nghiệp nghệ thuật của người rất to tát. Trong các nhạc phẩm của Haydn, người ta tìm thấy dấu vết của dân ca Hung, dân ca xứ Croatie (một phần của nước Nam-tư-lạp-phu Yougoslavie ngày nay). Suốt đời, chỉ sáng tác âm nhạc, không có dính dáng chi đến các vấn đề chánh trị. Nhưng khi hoàng đế Nã-phá-luân ra lịnh đội bom thành Vienne đến 11 tháng 5 năm

1809, sau khi dân chúng Áo nổi lên chống ngoại xâm, Joseph Haydn bảo người nhà khiêng mình từ giường bịnh đến cây đàn dương cầm, và tuy sức đã kiệt, tiếng đã tắt nhạc sĩ vừa cố hát: « Gott erhalte der Kaiser...» (Cầu trời cứu hoàng đế nước tôi). Thấy nước biến, già cả yếu đuối, không làm gì được khác hơn hát bài ca ái quốc, vì thuở ấy Hoàng-đế là tượng trưng cho nước Áo, nhạc sĩ Haydn xúc động vì nước nhà bị xâm chiếm, từ giã cõi trần ngày 31 tháng 5 năm 1809 nhưng qua các nhạc phẩm để lại Người vẫn còn sống mãi đến ngày nay.

TRẦN-VĂN-KHÊ

★ Có những trường hợp người khác cho là bất ngờ mà tôi ứng phó kịp, đó không phải là bởi có thần thánh vào mách trước cho tôi, mà bởi tôi đã suy tư, ngẫm nghĩ trước. (Napoléon).

★ Tâm phải trầm tiềm để xét lý trong thiên hạ. (Lã-Khôn).

★ Vai trò của chúng ta là phải nghĩ tới ngày mai, nên việc ngày hôm nay của chúng ta, phải là việc chúng ta đã sửa soạn từ bữa hôm qua.

Hạnh phúc người đời

Crésus là vị quân vương cuối cùng của xứ Lydie. Ông nổi tiếng giầu có một thời nhờ đất cát của con sông Pactole chảy qua Lydie có hàm chất vàng. Tên ông trở thành một ngạn ngữ chỉ người được trời ban cho đủ thứ phỉ nguyện. Một hôm ông hỏi nhà hiền triết Solon còn có thấy ai là người hạnh phúc hơn ông nữa chăng, thì nhà hiền triết lại đáp : « Chỉ khi nào nhà vua nhắm mắt nằm xuống rồi thì nhà vua mới có thể chắc mình đã thật được sung sướng hay chưa. » Vào khoảng quá nửa đời, vua Crésus mới có dịp cảm thấy câu nói của ông Solon là một chân lý, vì sau khi hạ được Tiểu-Á, ông bị vua Cyrus đánh bại, bắt được đưa về giam tại kinh đô Sardes, rồi truyền đem thiêu sống. Trên dàn lửa, Crésus chợt nhớ lại lời của Solon, hô tên nhà hiền triết tới ba lần. Cyrus hỏi lý do, Crésus thuật lại tự sự và không quên khen ngợi nhà hiền triết Solon là người đạt lý. Câu chuyện có lẽ cũng làm cho Cyrus suy nghĩ về những thăng trầm của sự thế, nên nhà vua ra lệnh tha ngay Crésus.

Truyện ngắn Việt và ngoại-quốc

mà bạn cho là hay nhất hoặc ưa thích nhất từ xưa đến nay

★ *do* NGUIỄN-NGU-Í *phụ trách* ★

1.— *Từ xưa đến nay, trong những truyện ngắn Việt bạn đã đọc, truyện ngắn nào bạn cho là hay nhất, hoặc ưa thích nhất?*

2 — *Lý do chọn lựa.*

3.— *Từ trước đến nay trong những truyện ngắn ngoại-quốc bạn đã đọc truyện ngắn nào bạn cho là hay nhất, hoặc ưa thích nhất?*

4.— *Lý do chọn lựa.*

★

Lời nói đầu.— Những câu phỏng vấn trên đây, chúng tôi đã lần lượt gởi hoặc trao từ lúc « Bách-Khoa » dự bị ra số Kỷ niệm đệ nhị chu niên — nghĩa là có trên sáu tháng.

Bắt đầu thực hiện trên sáu tháng, nhưng chúng tôi đã nghĩ đến trên sáu năm.

Nguyên năm 1952, do sáng kiến báo « New-York Herald Tribune », hai mươi ba tờ báo của hai mươi ba nước chung nhau tổ chức một giải thưởng văn chương quốc tế, lấy tên là « *Giải tân truyện* (1) *hay nhất*

(1) Tiếng Pháp là : *nouvelle*. Người Tàu dịch là : trung thiên tiểu thuyết. Người Việt ta, có người dịch : truyện vừa vừa, có người dịch : truyện lớ, có người dịch tân truyện. Bạn Bình-Nguyên-Lộc sẽ có bài nói về thể và tên loại truyện này.

thế giới ». Qua năm sau, lại tổ chức giải truyện ngắn (2) ; có 18 nước dự, đặc biệt là kỳ này có nước Việt chúng ta, do tuần báo « Mới » đứng ra đảm nhiệm việc tổ chức. Ban giám khảo (3) không chọn được truyện ngắn nào xứng đáng đại diện cho nước Việt (4).

Vài anh em chúng tôi nhân đấy mới bàn với nhau : ví phỏng có người ngoại quốc nào nhờ mình giới thiệu một số truyện ngắn mình cho là hay, là tiêu biểu của nước Việt mình, thì chắc là mình phải lúng túng lắm. Vì đó mà chúng tôi nảy ý thử chọn, lựa, để mong gặp dịp, làm cho thế giới hiểu dân tộc Việt mình rõ hơn, đúng hơn : phong tục, nếp sống, tâm hồn, tư tưởng, nỗi khổ, niềm vui, băn khoăn, ước nguyện...

★

Nên chi đã có lần chúng tôi bàn, xét với một số bạn hoặc chuyên sáng tác, hoặc chuyên biên khảo, để cùng nhau thử kết... một bó hoa nho nhỏ, mà nhiều sắc, nhiều hương. Công việc gần xong, thì lại được biết nhóm «Bút Việt» có ý định giới thiệu một số truyện ngắn Việt với ngoại-quốc khiến hứng khởi xưa càng thêm sôi nổi. Chúng tôi liền cùng anh em trong tòa soạn « Bách-Khoa », hoạch định một chương trình phỏng vấn khá sâu rộng, ước mong rằng những ý-kiến, cảm nghĩ, nhận xét thâu thập được biết đâu chẳng gián tiếp trả lời câu hỏi đặt từ lâu :

« *Người làm văn nghệ của dân tộc Việt, bạn định đi về đâu ?* »

Bởi lẽ trên đây, đã sáu tháng nay, chúng tôi « làm rộn » nhiều vị, nhiều bạn trong văn giới, giáo giới, học giới : nào những nhà phê bình, viết văn học sử, viết sách bàn nghệ thuật viết văn, soạn sách dạy giảng văn, nào những nhà văn sáng tác hoặc có riêng một sở trường : trinh thám, tâm tình, nhi đồng, xã hội, truyền kỳ hoặc chẳng chuyên hẳn một ngành, một lối : có bạn vừa biên khảo, vừa dịch thuật, vừa phê bình, có bạn vừa học giả, vừa thi nhân, có bạn viết báo mà còn làm thơ, có bạn từng sống dưới ánh đèn sân khấu và ở phim trường, hoặc ở chiến trường, có nhà giáo lại soạn kịch, xuất bản sách, có nhà cầm bút mà còn ở trong gia đình kiến trúc, ở trong ngành họa, ở trong giới nhạc, những bạn hiện ở trong nước và những bạn còn đang xa đất Tổ Chúng tôi đã « làm phiền » từ những bực đàn anh nổi tiếng đạo « Nam-phong », qua những bạn đồng lứa thời 39-45, đến những bạn mới trước bạ tên mình vào làng văn làng báo sau khi một tờ giấy cắt hai tỉnh Sông Núi. Và làm sao chúng tôi bỏ qua bên được những nhóm này, nhóm nọ trong vòng non nửa thế kỷ nay.

(2) Tiếng Pháp là : *conte*.

(3) Gồm có 15 người : Đông-Hồ, Đỗ-Đức-Thu, Lê-Văn-Siêu, Mộng-Sơn, Ngọc-Giao, Nguyễn-Duy-Cần, Nhất-Linh, Nguyễn-Hiến-Lê, Tam-Ích, Thê-Húc, Thiên-Giang, Thụy-An, Triều-Sơn, Trọng-Miên, Vũ-Bằng.

(4) Nhưng sau vì ban tổ chức quốc tế tha thiết yêu cầu nên vào giờ chót, « *Con thằn lằn chọn nghiệp* » của Hồ-Hữu-Tường và « *Chiếc cầu khỉ* » của Thụy-An-Hoàng-Dân đã được lựa chọn và gởi đi. Hai truyện ngắn này không được giải, nhưng được ban chấm thi quốc tế chú ý và được nhà Gallimard (Pháp) xuất bản trong loại « L'air du temps » (Không khí của thời đại), năm 1955, chung với các truyện ngắn được chú ý và được thưởng, dưới cái nhan : « Les 54 meilleurs contes du monde » (54 truyện ngắn hay nhất thế giới).

Những nhà văn chúng tôi đã phỏng vấn xin đăng danh sách sau đây ; và hiện nay, chúng tôi còn tiếp tục. . Trong số các vị, các bạn còn lại, phần đông đã nhận lời, đôi vị khước từ vì bận, vì mệt, vài bạn làm thinh.

DANH SÁCH CÁC HỌC GIẢ, CÁC NHÀ VĂN NGHỆ-SĨ, NHÀ GIÁO, NHÀ BÁO CHÚNG TÔI ĐÃ PHỎNG-VẤN

Thiếu-Sơn, Bùi-Xuân-Uyên, Lưu-Nghi, Thiên-Giang, Thẩm-Thệ-Hà, Hồ-Nam, Tam-Ích, Quốc-Ấn, Triều-Đẩu, Nghiêm-Toản, Phạm-Văn-Diêu, Nguyễn-Văn-Cổn, Nguyễn-Hiến-Lê, Thanh-Lãng, Phạm-Công-Thiện, Lê-Văn-Siêu, Hoàng-Trọng-Miên, Thế-Phong, Phan-Ngô, Phạm-Việt-Tuyền, Vũ-Ký, *Pierre-Kèn* Dariville, Giản-Chi, *Yã-Hạc* Nguyễn-Văn-Trung, Đông-Hồ, Vũ-Bằng, TchyA, Bình-Nguyên-Lộc, Doãn-Quốc-Sỹ, Hư-Chu, Mai-Thảo, Võ-Phiến, Bà Tùng-Long, Bà Xuân Nhã, Cô Linh-Bảo, Nhất-Linh, Đỗ-Đức-Thu, Lê-Văn-Trương, Cung-Giũ-Nguyên, Vũ-Khắc-Khoan, Mặc-Thu, Trang-Thế-Hy, Tô-Kiều-Ngân, Bà Ái-Lan, Bà Vân-Trang, Cô Hợp-Phố, Nguyễn-Vỹ, Phạm-Cao-Củng, Nguyễn-Đức-Quỳnh, Nguyễn-Văn-Xuân, Mặc-Đỗ, Vũ-Hạnh, Nguyễn-Phúc, Sơn-Nam, Bà Nguyễn-Thị-Vinh, Cô Tú-Anh, Cô Trúc-Liên, Võ-Đức-Diên, Phạm-Tăng, Trần-Văn-Khê...

Chúng tôi mong rằng nỗi bận, cơn mệt của đôi vị đã khước từ — từ ba tháng nay — đã qua hẳn, cùng vài bạn còn làm thinh, giờ thấu rõ nguyên nhân và mục đích việc làm của chúng tôi mà vui lòng cầm bút, mở lời. Đề cuộc phỏng vấn này được kết quả mong chờ : tất cả những nhà văn đều trả lời, cặn kẽ, thành thật, th chúng tôi tin rằng :

Những ý kiến, cảm nghĩ, nhận xét của các vị, các bạn, đứng tuổi hay trẻ trung, chuyên một lối đi, hay hoạt động trong nhiều ngành, những điều phát biểu giống nhau, khác nhau, chống nhau, bổ túc cho nhau ấy, sẽ giúp nhiều cho những ai lo âu về hiện tình văn nghệ nước nhà được thấy trong ngôi vườn — mà ngàn hoa chẳng che sắc giấu hương — một nguồn tin tưởng ở Ngài mai, một hướng đi lên của văn nghệ nước nhà mà dường như còn đang tìm ngõ...

★

Một mực tôn trọng ý kiến của các vị, các bạn đã sẵn lòng hưởng ứng, chúng tôi xin đăng nguyên văn bài nhận được, chỉ bỏ lại những đoạn xét có tánh cách riêng tư (vì lắm bạn đã dùng hình thức thư từ). Có gì cần góp ý hoặc làm sáng, tỏ, rõ thêm, chúng tôi sẽ có lời chú thích. Gặp trường hợp phải ghi lại, chúng tôi đều nhờ « đương sự » xem lại, sửa chữa nếu thấy cần, nghĩa là chúng tôi luôn luôn tôn trọng ý kiến thâu thập được. Song tôn trọng không hẳn là đồng ý. Vì thế, sau khi đăng hết loạt bài nhận được, chúng tôi sẽ có ít lời khép cuộc phỏng vấn văn nghệ này, trong đó, chúng tôi sẽ làm một bảng ghi tên các truyện được cho là hay, được ưa thích với tên các vị, các bạn đã chọn những truyện ấy, cùng ý kiến, cảm nghĩ, nhận xét của chúng tôi.

★

Giờ đây xin mời các bạn của « Bách-Khoa » chờ... 15 hôm nữa, để được biết ý kiến của hai nhà văn đã trả lời trước nhất : *Thiếu-Sơn và Vũ-Bằng*.

NGUIỄN-NGU.Í

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHAT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

ĐIỂM SÁCH

Tác phẩm : Đò Dọc

Tác giả : Bình-Nguyên-Lộc

Nhà xuất bản : Bến-Nghé

★ *NGUYỄN-VĂN-XUÂN*

Một « lối chơi » chân thực

QUYỂN « *Đò dọc* » đi vào các hàng sách giữa lúc đa số tác giả có tuổi, có mối ưu tư đối với thời cuộc, tự thấy phải phát biểu những tiếng nói ít nhiều có trách nhiệm của những thái độ muốn sòng phẳng với cuộc đời.

Nhưng cũng những ai yêu nghệ thuật một cách chân thành, rộng rãi, không khỏi ngạc nhiên và bằng lòng khi đọc câu đề tặng của ông Bình-Nguyên-Lộc in ngay ở những trang đầu : « *Kính tặng* **J. J. Bernard**, *người sáng tạo* « Kịch thuyết ít lời » *mà vở kịch danh tiếng* « Con đường Quốc gia số 6 » *đã gợi hứng cho tôi* ».

Chừng ấy thôi cũng đủ để chúng ta thấy cái khía cạnh liêm khiết nghệ sĩ nơi ông, nó phân biệt hẳn ông với biết bao kẻ mô phỏng vô điều kiện tác phẩm của người, rồi cứ vênh váo thản nhiên cho nó là sáng tác phẩm của mình, và cũng chừng ấy thôi cũng đủ để những ai chọn món hàng khỏi phải lầm lẫn, băn khoăn : vì nếu bạn thích loại truyện xã hội, tranh đấu, lý tưởng cao xa, phiêu lưu mạo hiểm thì bạn đừng mó đến « *Đò dọc* » làm gì ! Đây sẽ chỉ là câu chuyện như chuyện một cô con gái nào, chuyên chú tựa cửa sổ nhìn những chuyến xe xuôi ngược trên quốc lộ số sáu, những chuyến xe từ các nẻo chân trời đi qua, không bao giờ dừng lại. Để đến ngày kia, một tai nạn ô-tô xảy ra, rồi một già một trẻ bước vào...

Hình như thế. Tôi không dám tin ở trí nhớ vào một câu chuyện quá nhẹ nhàng đọc đã đến vài mươi năm. Nhưng cái giản dị, êm đềm im lặng thì vẫn còn phảng phất trong trí não và từng trang của « *Đò dọc* » lại khéo léo, duyên dáng gợi lại trong tâm hồn tôi.

Không, tôi không muốn nói « *Đò dọc* » là một phóng tác. Hoàn toàn là một sáng tác phẩm. Và là một sáng tác phẩm giá trị của một nghệ sĩ có nhiều lương tâm, tha

thiết với nghệ thuật, yêu cuộc đời tự nhiên chân thành, vừa nghiêm trang, vừa trào phúng một cách lành mạnh, vô tư. Xin mời các bạn bước lên Đò dọc.

Một cái trang giữa thế-kỷ XX, một chuyến đò nên nghĩa

« Tay ông Nam-Thành cầm một cái « quai dây kẽm, treo một tấm tôn hình « chữ nhựt.

« Cô Quá chạy lại giựt bảng trên tay « cha, lật ngửa ra cho mọi người xem. « Bảng nền đen, trên viết nét trắng ba « chữ sau đây : *Thái-huyên-trang*.

« — Huyền-Trang ? Bộ ông là Huyền-« Trang đi thỉnh kinh ở Tây-trúc đó « à ? Bà Nam-Thành hỏi.

« — Huyên - trang chớ không phải « Huyền-Trang.

« — Mà sao ông lại họ Thái ?

« — Dốt ơi là dốt. Trang là cái trại « trong ấy có nếp nhà tranh. Trang ấy « tên là trang Thái-huyên, hiểu chưa ?

« — Chưa, cô Hoa đáp hớt mẹ. Thái-« huyên là gì ba ?

« — Thái là hái. Còn huyên là một « thứ thảo mộc tượng trưng cho sự thanh « nhàn, không lo nghĩ. Thái-huyên-trang « là cái trại mà nơi đó ta hái được, « hưởng được sự thanh nhàn.

« — Ông già chữ Nho quá sá ta ! « Cô Quá khen mỉa. Nhưng cỏ huyên « nói nôm na là cây gì, ba ?

« — Là cây kim châm. Mẹ con bây « xào lăn thịt gà mỗi bữa bằng bún « Tàu, nấm mèo, kim châm, quên rồi « sao ?

« — Ba bây sắp thành đồ gàn rồi đó, « bà Nam-Thành pha trò... »

Đó là tất cả câu chuyện về cái *trang* của gia đình ông Nam-Thành và qua đó, ta có thể biết phần nào cái « không khí » của gia đình này. Trước khi đến *trang*, ông Nam-Thành xuất thân là ông giáo, trở nên anh chủ hiệu bán va li cho lính Tây ở Sài-gòn trong thời kỳ chiến tranh. Đến khi va li bán đắt hơn bao giờ hết, tức là chiến tranh vừa chấm dứt thì ông Nam-Thành, cũng như đa số thương nhân ký sinh, phải chịu cảnh thất nghiệp. Khác họ, ông không xoay sở tìm cách ở lại thành mà lại đi tìm đất lập một cái trang trên đường Sàigòn — Thủ-đức, khỏi Thủ-đức bốn cây số ngàn, để chăn nuôi, trồng trọt.

Rồi ở đây, bốn cô gái chưa chồng, trên 20 dưới 30, bắt đầu thấy lẻ loi, luôn luôn dán mắt vào những chiếc xe từ các nẻo đường đất nước vượt qua. Cho đến một đêm, một chiếc xe tư nhân ung dung cất bốn vó lên trời mà vào sân Thái-huyên-trang. Người ta phải phá cửa mới mang được anh chàng họa sĩ Long ngất ngư từ trong ấy ra. « Thế là một chiếc đò dọc đã ghé bến trên dòng Thiên-lý ». Và cậu Long mới được dịp biết hết bốn cô con gái của ông Nam-Thành khi họ tuần tự chia phiên nhau đến săn sóc cho cậu : cô Hương, lớn tuổi nhất, chu đáo, tận tụy đối với con bệnh, nhưng cũng không dám đặt hy vọng vào anh chàng họa sĩ xinh trai, tài hoa son trẻ hơn mình ; cô Hồng « anh hoa phát tiết ra ngoài » xinh đẹp nhất, quyến rũ nhất, đau khổ vì một mối tình tan vỡ, tuy vậy cũng nghe lòng xao xuyến khi gặp « chàng » ; cô Hoa, tự phụ có bản lĩnh, làm ra lãnh đạm, và chế giễu ; cô Quá, trẻ nhất, chưa yêu bao giờ nên bị

xúc động mãnh liệt ; cô yêu ngập ngừng và yêu ngay.

Bắt đầu từ đây, Thái-huyên-trang mất hẳn cái lặng lẽ, tĩnh mịch. Các cô gái khỏi gắng công chờ đợi cái *anh Bằng*, người bà con duy nhất, lâu lâu lại mang sinh khí Sàigòn đến cho họ. Rồi tình yêu giữa Long và các « đương sự » càng ngày càng nảy nở rõ rệt hơn.

Cô Hồng là người được Họa-sĩ chú ý nhất, cũng là người hiểu được mối tình của chàng. Cô Quá thì yêu chàng sôi nổi « quá », mặc dầu chàng cố giữ gìn để cô khỏi hiểu lầm cái thâm ý chỉ muốn làm anh rể của mình. Nhưng càng giữ gìn, chàng lại càng làm cho cô Út hiểu lầm...

Thế rồi một điều bất ngờ xảy ra : Thái-huyên-trang lần đầu tiên được tiếp người đi dạm mặt cô Quá. Người rất tử tế, do Bằng « khám phá » ra. Nhưng cô Quá cũng đã nói thẳng vào mặt chàng rể hờ là cô không muốn lấy y. Một cơn sóng gió trong gia đình nổi lên. Bằng đến. Long tự thấy trách nhiệm của mình nên hứa sẽ ra đi.

Chàng lại phải tiếp tục vẽ chân dung cho Hoa. Bất ngờ, trong dám bù-xít, Hoa kể hết câu chuyện tình đau đớn của Hồng cho chàng nghe. Chàng cũng hiểu ngay lòng dạ nham hiểm của Hoa : cô gái làm ra vẻ có bản lĩnh nhất đã ngầm hiểu là chị được yêu, muốn lột trần sự thật về chị để chiếm trái tim của Long. Hồng cũng bất ngờ nghe được câu chuyện ấy, nên liền tối lại, lúc vắng Long, hai cô gái nề nếp nhảy lên võ đài : kết quả là thương tích, máu me bê bết. Long hiểu nên càng nhất quyết phải ra đi.

Trước đêm từ giã, Long còn phải cứu Hồng, lúc cô này sắp nhảy xuống giếng tự tử. Chàng hẹn sẽ trở lại cưới cô. Khi chàng ra đi rồi, chàng không ngờ còn để lại sau mình một cảnh gia biến khác ở Thái-huyên-trang : cô Quá, tuyệt vọng, cũng uống thuốc ngủ để quyên sinh. May sao Quá lại được cứu sống.

Long và Bằng ở Sàigòn lại gặp nhau. Chàng bàn cùng Bằng việc cưới Hồng. Muốn làm dịu mối tình nảy lửa của các cô em, hai chàng phải đem tâm trí ra « phát minh » cho được hai chàng rể. Và khi đám cưới của hai cô em xong thì đến cặp Long-Hồng — suýt tan vỡ lần nữa — cũng tiếp tục cử hành hôn lễ.

Một quyển tiểu-thuyết về tình tiết khá hấp dẫn

Có nhiều loại tiểu thuyết : tâm lý, phong tục, xã hội... Quyển « *Đò dọc* » thuộc loại phân tích tâm lý, tình cảm, về nội dung và hình thức xây dựng theo lối tình tiết (1). Các tình tiết luôn luôn được sắp xếp để dẫn dắt câu chuyện một cách hợp lý và thú vị. Lối viết loại truyện này vì thế có thiên về trào phúng. Bởi lẽ nếu thiếu phần hài hước, trào phúng, câu chuyện sẽ hóa nên cầu kỳ, vô lý. Cả cuốn truyện là một sự hòa hợp cái lâm li, bi đát, sầu não, u buồn, mơ mộng với đủ tiếng cười theo đủ cách điệu ; tiếng cười trong lời nói của nhân vật, trong sự diễn tả tính tình của họ cũng như của các éo le do tình tiết gây nên. Câu chuyện vì thế vừa buồn, vừa vui — nói đúng hơn, không

(1) Tôi muốn mượn tên một thể kịch thuộc loại hài kịch : thể tình tiết đối với các thể tính tình hay phong tục.

buồn, cũng không vui, vì buồn ảm đạm hay vui ầm ĩ cũng đều không phải mục đích của tác giả.

Điều tác giả muốn trước hết là xây dựng những nhân vật có cá tính rõ rệt, nhất là bốn chị em con ông Nam-Thành, để gây sự mâu thuẫn làm nồng cốt cho câu chuyện. Động tác, đúng như thế, phải gọi là động tác của tấn kịch xảy ra và tiến triển cùng lúc họa sĩ Long vào nhà. Bốn cá tính kia sẽ có dịp bị khêu gợi để phát biểu những cảm nghĩ của mình, đi hoạt động thúc đẩy động tác tiến tới, qua các tình tiết khá ngộ nghĩnh, qua những *miếng kịch* bất ngờ — việc Hoa thổ lộ câu chuyện của chị, việc Quá mắng Long, để giải bày mối tình thầm kín — những *gút mắc* nan giải — Hồng, Hoa đánh nhau ; Hồng, Quá tự tử—để đi đến những cách giải quyết đầy đủ, trọn vẹn cho tất cả vai trò đã được đầy ra sân khấu.

Phải nói ông Bình-Nguyên-Lộc đã chịu ảnh hưởng rất nhiều ở các loại hài kịch mới hay loại kịch không vui, không buồn của Pháp. Tôi muốn nói đáng lẽ ông đã viết một quyển kịch mới phải ! Nếu ông viết một vở kịch, thật khó mà thấy ông sơ hở điểm nào về mặt kết cấu. Bởi thế, ai không quen đọc loại kịch nói trên có lẽ đôi lúc sẽ khó chịu vì lối cấu tạo cốt truyện của tác giả ; người ta sẽ thấy nhiều chỗ có vẻ sắp xếp quá, bất ngờ quá, ít phù hợp với các loại tiểu thuyết tâm lý, tình cảm. Nhất là những đoạn tả cuộc hội kiến lần đầu giữa bốn cô gái của ông Nam-Thành với Long, khi họ tuần tự xuống thang để săn sóc chàng — hệt như... kịch ! Đoạn tả việc hai chị em cô Hồng và cô Quá cùng nối nhau tự tử trong một đêm và cùng được cứu sống dễ dàng — thật là kịch nữa.

Rồi đến việc các cô con gái nhà Nam-Thành lại nối đuôi nhau đi lấy chồng, gần như cùng một lúc. Đúng là sự sắp xếp ở màn cuối một vở kịch !

Nhưng như tôi đã trình bày, những điểm đó trong loại sách này vẫn có thể tha thứ được vì chính tác giả đã khéo léo giới thiệu nó từ đầu, bằng giọng văn, bằng nhân vật, bằng chi tiết, bằng cả một « không khí » để cho người đọc biết trước mình sắp lạc vào một thế giới nào rồi.

Một bút pháp

Loại văn vừa tình cảm vừa trào phúng, có xu hướng phân tích tâm lý không phải hoàn toàn mới mẻ. Nhưng văn ông Bình-Nguyên-Lộc khác với hầu hết tác giả khác — về loại này — ở chỗ ấy không có giọng hằn học, chua cay ; loại trào phúng của ông — người Âu-châu gọi là trào phúng hồng (humour rose)—thường ít khi tàn nhẫn. Ông nhìn đời bằng con mắt hơi triết lý một tí tì, như một thứ trang sức tinh thần, nhiều tin tưởng hơn hoài nghi, lạc quan hơn bi quan. Nhân vật của ông ở tầng lớp tiểu tư sản, tiểu trí thức, đều là hạng người đơn giản, trung hậu, đặc biệt có nhiều lương tri. Nếu họ có lỡ lầm, đó chỉ là các biến cố hãn hữu. Ông Nam-Thành là người hình như chỉ có hai cái lỗi : một là sinh toàn con gái và hai là đã chọn về ở thôn quê giữa lúc các cô này đang cần lấy chồng ở thị thành. Cô Hương quá biết thủ phận, gần như một bộ máy của lý trí, cô Hồng, cô Hoa, cho đến cả cô Quá — cái lò yêu — cũng chỉ là những con người thừa trong sạch giữa cái xã hội đầy rẫy me Tây, tiệm kem và rạp xi nê. Phải thấy ông Bình-Nguyên-Lộc thương yêu và rộng lượng đối với bầy

con của ông — tôi quên, con của ông Nam-Thành — đến đâu ! Cái khẩu khí của họ (như ở đoạn trích về Thái-huyên-trang) có thể làm chướng tai một người Bắc, hay Trung chuộng kiểu cách bề ngoài, đã được ông diễn tả một cách giản dị, tự nhiên, như thể chính họ vừa thở khí trời, vừa nói, như thể nó phát ra tự phong tục, tự truyền thống. Mà thật thế, người miền Nam không phải vô lễ khi họ ăn nói một cách « *bồng chảng* » như thế. Ta phải nghe cả cái giọng của họ, cả cái cuối mắt đầu mày của họ, cả cái cử chỉ trong khi họ nói mới thấy sự thành thật, thản nhiên, ít kiểu cách, đầy lạc quan, độ lượng và khoan hòa của họ. Nhất là phải nghe cái giọng ấy dưới ngọn bút tài tình, phóng khoáng của Bình-Nguyên-Lộc, ta mới thấy gần gũi thêm họ và biết tác giả thật đã sống và yêu nhiều những đứa con của Đất Mới này !

Tôi đã nói nhân vật của ông nhiều lương tri đôi khi trở thành lý trí quá. Cả cái chàng Long, họa sĩ, sao mà cũng dằn đo, cân nhắc, có ý thức trách nhiệm đến thế. Còn nói chi cái « anh Bằng ». Anh ấy thật hoàn toàn là người chỉ biết lo cho các cô em họ một cách thiết thực và chu toàn hơn ai !

Mấy mẫu hàng

Đây, chúng ta hãy nghe ông tả lại một cách hóm hỉnh cậu công tử ở nhà quê, chuyên bận bi-da-ma xanh đỏ :

« Từ ngày xóm tiếp nhận nữ khách mới
« thì cậu xức nước hoa chế tạo ở Chợ-
« lớn và nhét mù xoa nhỏ có thêu chéo
« xanh xanh đỏ đỏ trên miệng túi bi-da-ma.

« Cậu diện thêm một cây đàn băng
« cầm, cứ chiều chiều xách nó ra đường,
« không phải vì chưa biết chơi, nhưng cắt
« nghĩa lu bù về nhạc cụ ấy, với đám trẻ
« con bu quanh cậu ».

Ông nhận xét tinh tế một cử chỉ nó bao hàm cả một thái độ :

« Bà Nam-Thành cười hơi rung rinh cái
« xây. Bà cố cười cái cười thú tội, làm
« bộ như mặc nhận lời đoán của chồng là
« đúng, hầu lên gác tự nhiên cho con khỏi
« băn khoăn về câu chuyện mà bà muốn
« giữ kín. »

Bằng lời nói, ông có thể giới thiệu với ta cả tâm trạng con người. Ta hãy nghe cô Hương tự nhiên, thành thật, cảm động đến đâu, khi trách mắng cô em út đã vụng dại xua đuổi một cuộc cầu hôn cả nhà mong đợi như nắng hạn mong mưa :

« — « Em còn thơ dại, không hiểu
« được nỗi khổ của ba má. Nhà có con
« gái đông vầy mà không gả được đứa
« nào hết, thiên hạ cười chê ba má dữ
« lắm đó. Họ nói : « Đẻ làm chi cả bầy
« con gái cho chúng ế chồng lên, ế chồng
« xuống như vậy ?...

« Mình không thấy đó là xấu hổ, nên
« mình bất kể được. Nhưng ba má lại
« nghĩ khác mình, nghĩ như họ, nên ba má
« buồn phiền lắm ».

Và đây, sự nổi khùng của một tâm hồn sóng gió, của cô Quá, khi chính cô đã từ chối cái đám xứng đáng kia vì *ai*, mà *ai* đó lại làm ra vẻ thản nhiên hỏi :

« — Thế nào cô Út, chưa muốn lấy
« chồng thật à ? Bữa nay thì tôi tin cô
« rồi đó. Nhưng vẫn không hiểu tại sao.

« — Đồ ngốc !..

« Quá như điên lên, mắng càng một
« tiếng. Tiếng mắng vọt ra khỏi miệng nàng

« là nàng hả giận được ngay và tỉnh hồn lại « rồi hoảng sợ vô cùng. Hoảng sợ lại làm « cho nàng tức nghẹn lên nên Quá òa lên « khóc ».

Tôi không hiểu đã gặp tâm trạng và thái độ này ở đâu rồi. Nhưng dẫu đâu — phương Tây hay phương Đông, kịch hay tiểu thuyết — nó vẫn đúng và vẫn diễn tả được cái « mãnh lực cuồng loạn » của một tâm hồn trong trắng.

Nếu ông thành công về phương diện diễn tả tình cảm bằng lời nói thì cũng bằng lời nói, ông có tài pha trò để làm vui, làm hoạt động mọi hoàn cảnh — đoạn văn sau đây thật đủ ý vị ngộ nghĩnh, hóm hỉnh hàn gắn một vết thương lấp bằng một cái hố sâu đáng lẽ chỉ có thể sâu thêm :

« — Đâu, anh tả chứng đau tương tư « nghe coi, Hoa yêu cầu.

« — Nè, đau tương tư là như thế này : « tim kẻ tương tư thì hoặc là khô lại, « hoặc tan thành nước. Nếu nó khô thì hễ « kẻ đau mà đi đứng thì ta nghe tim hắn « kêu lốc cốc, lộc cộc trong lòng ngực « hắn, nếu tim tan thành nước thì hắn đi, « ta nghe kêu lọc ọc, lọc ọc như trái dừa « khô mà nước đã cạn nửa chừng.

« Hoa cười ngả nghiêng mà Bằng lại « nói thêm cho cô cười đến sặc :

« — Những tiếng lốc cốc ấy đánh nhịp « cho sáu câu vọng cổ mà hắn ca suốt ngày.

« — Sao hắn lại không ca trường tương « tư ?

« — Vì đời nay người ta chỉ đau tương « tư có vài tháng ngắn ngủi thôi, rồi người « ta tìm vợ khác, còn trường làm sao « được mà trường ».

Văn tả cảnh của ông không nhiều lắm. Ông cũng ít thích tả những cảnh đã thành tân ước lệ : trời mây, cảnh đồng quê... Mỗi cảnh của ông muốn đạt đến một vẻ riêng biệt, gọn gàng (Rừng cần vọt, lửa kênh kênh, các trái sao trái dầu có cánh bay...)

★

Một quyển tiểu thuyết trên 300 trang, in chữ nhỏ, không thể thiếu khuyết điểm. Trước hết, toàn bộ quyển truyện, sự sắp đặt ít cân đối, có vẻ gì hơi tùy hứng, mặc dầu chính ở chỗ này, cái tài của tác giả phô bày dễ dàng, bén nhậy.

Về phía nhân vật, người ta thấy Bà Nam-Thành chìm mất, Mà đáng lẽ, như tác giả trình bày từ đầu, bà hơi lấn hiếp ông thì càng phải thấy rõ bà hơn trong các việc gả con, dung nạp khách lạ trong nhà. Đằng này bà có vẻ là « kẻ sống bên cạnh cuộc đời » của chồng con. Ở vai cô Hương, thì nếu tác giả tỏ ra rất tế nhị khi nhận xét tâm lý nhiều khê của các vai khác, ông đã quên « *phần người* » nơi cô. Tôi ngạc nhiên là tại sao ông khám phá được nỗi đau khổ ấm thầm, câm lặng của Hồng, sự lập dị bất đắc dĩ để rồi bùng nổ ở Hoa, tình yêu phừng phừng ở Quá, ông đã tài giỏi khám phá được chữ « élégante » nơi Long, nó bao hàm tâm trạng của một số thanh niên thành thị ngày nay, thì ông lại quên Hương !

Trong truyện Kiều, khi Kim-Trọng tàn nhẫn bảo với Kiều về Thúy-Vân, con người có những nét tâm lý của Hương :

— Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan xẻ gánh chung tình làm hai.

Thi hào Nguyễn-Du đã mượn lời Kiều để bày tỏ một ý kiến tôi tưởng phải là chân lý muôn đời — và nó phải là châm ngôn của tất cả nhà văn muốn nói tới tình yêu :

— *Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.*

. . . . . .

Ngoài ra, tôi cũng trách ông Bình-Nguyên-Lộc lạm dụng cái tài biết lắm chuyện cũng như cái tài nhớ câu ca, câu hát và tài hài hước của mình. Nhiều chỗ ông đã kéo dài một cách khá vô ích những chuyện như chính ông đã hạ lời phê : cà, kê, dê, ngỗng. (tr. 39-40-41-62-63). Những câu nói đôi lúc không chỉ dài dòng mà còn văn hoa một cách không hợp thời, khó chịu (lời Quá tr. 22, lời ông Nam-Thành tr. 23-53)

Về cách dùng từ ngữ, phải nhận tác giả là người yêu tiếng Việt Miền Nam đến thế nào và thật xứng đáng là người đang viết quyển Danh từ địa phương Miền Nam (1). Ông không cố ý dùng danh từ vì sự hiểu biết mà chính vì cần thiết ; cái cần thiết cần diễn đạt của một văn sĩ Miền Nam, sống với nhân dân Miền Nam, muốn viết một tác phẩm phát ra từ mối rung cảm chân thành sâu xa của mình. Chính ở cái đống vô tận về từ ngữ địa phương ông cung cấp cho nền Văn chương Việt-Nam, có một số không ít, nhờ sự bạo dạn này, sẽ biến thành tiếng Văn-chương chính thức.

Tuy nhiên, tôi tưởng ông Bình-Nguyên-Lộc cũng nên cân nhắc một chút trong việc này. Đây là tôi bàn thêm để cho quyển sách phổ biến rộng rãi hơn, được độc giả ba kỳ yêu thích — vì có hiểu mới thích — theo phép viết tiểu thuyết chung, các danh từ địa phương nên dùng nhiều trong lời nói — đối thoại, độc thoại — hơn trong văn thuật sự, miêu tả. Những từ ngữ xét thấy có vẻ thổ âm quá nên dùng càng ít càng hay để gây một ấn tượng đặc biệt, khiến người ta phải chú ý ghi nhớ. Các danh từ đã có trong văn chương từ trước đến nay mà địa phương phát âm sai, nên ghi theo chính tả chính thức. Như tôi thấy ông dùng : « *ngốc lên* » thay vì ngóc lên, « *súl miệng* » thay vì súc miệng) ; « *cắc chú* » thế cho các chú (hay khách trú, (1) tiếng này đã có lâu ở Trung-Việt, nơi người Tàu đến đây sớm và được yêu trọng) « *mồ hôi múi* » thay cho mồ hôi muối (mồ hôi theo tôi biết có 3 loại : *muối* : trắng, ít hôi, *dầu* : trỉn trỉn như chất dầu mỡ, *rượu* : có mùi chua chua)...

Nhưng thôi, tôi tưởng câu chuyện hình thức có thể tạm dừng ở đây.

★

Kết luận

Quyển « *Đò dọc* » là một quyển tiểu thuyết giá trị, viết công phu. Ông Bình-Nguyên-Lộc tự giới thiệu một tâm hồn của Văn Nghệ sĩ Miền Nam với gia đình lớn. Ông hé cho ta một cánh cửa để ta sống hẳn với cuộc sống của người Miền Nam, cùng hoạt động, ngôn ngữ, tình cảm chân thật của họ. Điều mà thường ta chỉ gặp từng mảnh trong các truyện ngắn của ông

(1) Với Nguiễn-Ngu-Í, hiện đăng ở Bách-Khoa.

(1) Có người cho các chú là biến âm của khách trú. Người Bắc đọc khách trú và người Trung diễn ra là các chú.

hoặc của các tác giả khác, hoặc có gặp được trong truyện dài thì nó lại ít tự nhiên, ít thành thật. Ông cũng cho ta thấy rõ sự đứng dậy của nhân sĩ Miền Nam trong việc chưa chịu công nhận *Văn chương chính qui* phải phát biểu hoàn toàn theo lối Trung, Bắc, mà nó phải là sự hòa hợp cả lối cảm nghĩ lối diễn tả, cũng như của sự đóng góp bằng kho Danh từ vô tận của Ba miền, mà « *Đò dọc* » minh chứng hùng hồn Miền Nam không thiếu phần phong phú, uyển chuyển, khá ái.

Tôi mong « *Đò dọc* » không chỉ được đông đảo độc giả đón nhận, mà còn được các giáo sư ghi thêm một cái tên của tác giả Văn xuôi người Miền Nam — việc ít thấy và thật là bất công, vô lý — vào chương trình Việt ngữ. Tôi cũng mong, một thời gian sóng êm bề lặng, ta lại vui vẻ và cảm động được nhìn gia đình ông Nam-Thành trên sân khấu hay trên màn bạc nữa, để thử xem tiền thân của nó thật là đâu.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Có tập quen tính hay đề phòng và sống trong tương lai thì mới tính được lanh và quyết được mau. Napoléon nói : « *Sở dĩ lúc nào tôi cũng sẵn sàng là bởi trước khi làm việc gì tôi cũng suy nghĩ cẩn thận. Tôi sống trước hai năm và tôi đã chuẩn bị trước những việc có thể xảy ra.* »

★ Tâm niệm trầm tiềm mãi mãi, thì có lẽ gì mà không nghĩ ra.
(Lã-Khôn)

Cầm vật nóng mà không chịu giội nước

Mạnh-tử nói : « Kẻ bất nhân có chịu nghe lời phải chăng ? Lấy nguy làm an, lấy tai ương làm tiện lợi, họ thích những sự làm cho họ phải diệt vong. Nếu kẻ bất nhân mà chịu nghe lời phải, thì làm gì có chuyện vong quốc, bại gia ?

Hiện nay các vị quốc quân muốn là thiên hạ vô địch mà lại không chịu làm điều nhân thì cũng như kẻ cầm vật nóng mà không chịu giội nước vậy. Kinh Thi có chép : « Có ai cầm vật nóng, mà không chịu giội nước chăng ? »

MẠNH-TỬ
(Ly-lâu chương cú thượng, Tiết VIII)

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG

NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS
PRODUITS CHIMIQUES
FILMS AMATEURS
FILMS AVIATION
FILMS ARTS GRAPHIQUES
FILMS RADIOGRAPHIQUES
FILMS CINEMA PROFESSIONNELS
FILMS POUR DOCUMENTS
PAPIERS POUR DOCUMENTS
BANDES MAGNETIQUES

INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — Tai-nạn
INCENDIE — Hỏa-Hoạn
TRANSPORTS — Hàng-Hải
RISQUES DIVERS — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

« TÔI ĐÓNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

(tiếp theo B. K. số 56)

★ *TRẦN-NGUYỄN ANH-CA*

ĐÓNG TUỒNG THẬT SỰ

HÔM nay, tôi đến Luân-đôn vào lúc 10 giờ sáng. Ông H. người trung gian giữa hãng A. Rank và tôi có mặt tại phi thường.

— Chào ông Ca, ông đi đường bình yên chứ ?

— Chào Ông H. Cám ơn ông. Cuộc hành trình chẳng chi lạ.

— Ông và tôi đi ngay vào Pinewood Studio (phim trường Pinewood) để mặc thử nhung phục họ may sẵn cho ông và để người đạo diễn chỉ cách đặm mặt ông, vì ngày mai, 8 giờ sáng là đến phiên ông.

Cũng con đường từ phi trường Luân-đôn vào phim trường Pinewood (Pai nơ-u-đơ), nhưng hôm nay tôi không phải học tuồng trên xe. Lần trước chỉ đi quay thử, chẳng khác học trò đi thi. Lần này như người đã trúng tuyển đi làm việc.

Cánh cổng phim trường mở rộng. Lần nầy chúng tôi không đến sân khấu E như trước.

— Họ đang quay ngoài trời. Ông H. nói. Tôi đưa ông đến gặp ông đạo diễn để ông ấy định cách hóa trang cho ông.

Xe chạy một quãng đến một vùng to gần bằng một làng bên ta, Tôi giựt mình vì thấy một hàng dừa về gần đấy một nhà canh (nhà hờ) lợp rơm. Trên ấy một anh lính Nhật cầm súng đứng gác. Lá dừa cũng phất phơ theo gió. Dãy nhà lá cất dọc theo hàng rào dây kẽm gai, ngoài sân la liệt xe cam nhông màu xám có cờ Nhật, hai kho hàng hóa có chữ Nhật đầy lương thực và chiến cụ, đây đó mấy anh lính Nhật cầm súng đứng gác, làm tôi có cảm giác đi lạc đến một làng nào ở Viễn-đông bị quân Nhật chiếm đóng trong trận chiến tranh thứ hai. Ông H. dẫn tôi lại ngõ vào trại, vì đây là chỗ đóng binh của quân đội Nhật mà cũng là trại giam tù binh Anh, Đồng-minh. Trong góc trại một cảnh tượng khác diễn ra. Đèn điện rọi sáng cả hàng rào dây kẽm gai. Hai máy quay phim đặt trên hai đường rầy con đang chĩa ống kiếng về phía con đường mòn cạnh hàng rào. Cạnh đó, một cô thư ký, cổ đeo đồng

hồ, tay cầm bút, ghi lại những cảnh đang quay. Cạnh một máy quay phim, ông đạo diễn Lee đang chỉ cho cô đào Virginia Mc Kenna và kép Peter Finch phải đóng như thế nào. Vừa thấy ông H. và tôi đến, ông ân cần chạy đến, niềm nở « chào ông Ca ông đi đường bình yên chớ ! Đây là đại bản dinh của ông đấy. Ngày mai ông sẽ đến mà xem trại giam của ông. Xin giới thiệu ông mấy người tù binh của ông. Hiện giờ phiên ông đi thử nhung phục và ủng và ông đến phòng hóa trang để họ dặm mặt cho ông. Cám ơn ông, chào ông Ca ».

Bộ nhung phục thì vừa, nhưng đôi ủng hơi chật một chút. Người hóa trang tìm cách làm cho mặt tôi đen sậm như người thường giãi nắng dầm mưa ngoài trận địa. Ông đạo diễn có ý muốn họ gắn cho tôi hàm râu mép. Hóa trang xong, tôi đội kết vào mang kiếng lên nhìn vào gương, gương phản chiếu hình ảnh một sĩ quan Nhật lối ngoại tứ tuần, nét mặt có vẻ hung dữ. Mình đấy sao ? Lòng mình không hung tợn sao mặt mình trông khắc nghiệt thế. Người khán giả nhìn mình trên màn ảnh sẽ nghĩ sao về mình ?

— A ! chào Đại-úy Sugaya ! Khi nãy là ông Ca bây giờ đã trở nên đại úy Sugaya, giám đốc trại giam Kuala Lumpur, người hung tợn, ác nghiệt, coi thường sinh mạng con người. Ông Lee vừa nói vừa cười.

— Nhưng nét mặt ông Ca trông còn hiền lành quá. Một bà bên cạnh cho ý kiến.

— Bà chưa thấy lúc ông đóng tuồng. Lúc đó ông dữ hơn thập phần. Xin ông cho phép tôi gỡ râu mép ông ra, tôi xem có hơn chăng. Các ông nghĩ sao ? Các bà nghĩ sao ? Đại - úy Sugaya có râu hay không râu ?

— Theo tôi thấy, có râu hơn. Mặt ông Ca không râu thì trông hiền lành quá.

— Phải, có râu hơn.

Đại úy Sugaya, chỉ huy quân đội Phù tang trong vùng Kuala Lumpur, coi mạng người như cỏ rác mà có râu hay không râu, tùy sự định đoạt của mấy người nầy. Mình thấy tức cười quá. Bao nhiêu cặp mắt đè nặng trên mặt tôi, tôi hơi khó chịu.

— Thôi cám ơn ông Ca lắm. Ngày mai phiền ông đến đây vào lúc 8 giờ rưỡi và hóa trang y như thế nầy. Chào ông.

Ông Lee trở lại quay nốt cảnh tù binh đàn bà mới đến Kuala Lampur.

Người hóa trang vẽ mặt tôi trên một tờ giấy và biên : Trán : phấn số 3, mặt phấn số 2, gò má : phấn số 4, râu mép v.v... để phòng khi ông ta vắng mặt, người khác biết mà dặm mặt cho đúng.

Xe ô tô ông H. đưa tôi đến khách sạn Morent Royal (Vương Sơn).

— Tôi giữ cho ông phòng tại đây. Không mắc lắm, nhưng phòng tốt. Có cả buồng tắm và ăn sáng mà chỉ độ hơn 3 Anh-kim một ngày (lối hơn 600 đồng bạc). Ông phải ở đây vì mỗi ngày họ có ô tô riêng cho ông. Ông chẳng phải trả tiền chi cả. Chỉ cho tài xế một ít tiền nước thôi. Sáng mai ông nhớ thức dậy sớm để đi vào phim trường cho đúng giờ. Ông cứ bảo họ đánh thức ông. Sáng mai đúng 7 giờ xe ô tô của hãng A. Rank sẽ đợi ông tại cửa khách sạn. Chào ông chúc ông ngủ ngon.

— Cám ơn ông. Chào ông.

Người bồi phòng dẫn tôi đi thang máy lên từng thứ tư. Mở cửa buồng ra, tôi giựt mình. Chắc là tôi đang nằm chiêm bao. Từ ngày sang Pháp, tôi cũng đi du lịch khắp nơi. Nhưng du lịch với tánh cách và điều kiện của một sinh viên nghèo. Hôm nay thì khác. Dầu sao cũng là một kịch sĩ nhà nghề rồi. Một buồng ngủ xinh xắn, tường màu xanh dợt. Cạnh bên chiếc giường nhỏ vừa một người nằm có một bàn con trên đó có một điện thoại màu trắng và một đồ gạt tàn thuốc bằng pha lê. Gần bên có phòng tiếp khách : một cái bàn con, ba cái ghế bành và một bàn viết. Và bên cạnh, một buồng tắm lót gạch trắng và một buồng con để rửa mặt. Anh bồi phòng sắp quấn áo tôi vào tủ xong hỏi :

— Thưa ông, ông muốn tắm bây giờ chăng ?

— Có.

Tắm, thay đồ xong, tôi đi ăn chiều tại một hiệu Trung-hoa. Rồi về sớm, để xem lại bồn tuồng, học mấy câu đối thoại. Hồi chiều họ có phát cho tôi một tờ giấy biên rõ việc làm ngày mai (tờ giấy ấy họ gọi là « call sheet »). Tôi biết ngày mai tôi sẽ phải có mặt tại phim trường vào lúc 8 giờ để hóa trang rồi đúng 8 giờ rưỡi phải đến « block 4 » tại chỗ họ lập một làng Mã-lai có kho chứa hàng hóa. Phòng thay đồ của tôi số 91.

Đang xem tờ giấy phân công mà tôi ngủ lúc nào chẳng biết — Tại đi đường mệt, hay vì thay đổi không khí mà tôi ngủ say thế ?

Reeng... Reeng...

Chuông điện thoại reo trong lúc tôi còn yên giấc. Vừa cất điện thoại trắng lên, tai tôi nghe một giọng nói dịu dàng.

— Good morning Sir-It is seven o'clock. (Chào ông. Thưa ông 7 giờ rồi ạ).

— Cám ơn cô.

— Thưa ông có muốn ăn sáng trên phòng chăng ?

— Nhờ cô cho dọn trên phòng tôi, vì tôi phải đi ngay.

Trong lúc tôi đang tắm, chị bồi gõ cửa bưng vào một mâm thức ăn sáng. Người Anh có tục ăn điểm tâm rất nhiều. Có khi là buổi ăn quan hệ nhất trong ngày. Có cá phơi khói, lúa mì chiên, có bánh mì nướng, bơ, sữa, mứt, cam, cà phê. Đang ăn, chuông điện thoại reo. Người tài xế của hãng A. Rank cho tôi hay xe đã đến...

Bảy giờ rưỡi. Tôi đi xuống nhà. Anh bồi mở cửa ngõ. Anh tài xế mở cửa xe. Ai ngờ hôm qua vẫn còn là một sinh viên nghèo đi bộ tại xóm La tinh, mà hôm nay đi không cần mở cửa, có xe tư, có tài xế, kẻ hầu người hạ trên sân khấu của cuộc đời, mình đang đóng vai gì đây ? Ra khỏi vùng ngoại ô, xe chạy mau. Khi cồng phim trường mở, tai tôi nghe đồng hồ trước ngõ gõ 8 tiếng.

Đến người gác cửa lấy chìa khóa phòng số 91, tôi thay những phục sĩ quan Nhật xong, đến cho họ hóa trang. Hôm trước, người đạo diễn có ý muốn tôi phải cạo đầu như những sĩ quan Nhật trong lúc hành quân. Nhưng người trung gian — có thể nói là người đầu nậu ! — bảo rằng nếu cần tôi cạo đầu, thì phải chịu thêm tiền lương để tôi có thể ngồi không mà ăn, đợi tóc dài mới đi đóng tuồng hay làm việc khác được. Số tiền thiệt hại đó, lẽ tất nhiên, nếu được

BA SẮC HOA

Hôm nay, năm nao, em chào đời.
Giờ, em đứng giữa đường đời.
Anh nhè nhẹ tặng em bông tươi ba sắc.

*

Tình anh đến, khi không còn Nước...
(Người ta giành hết cả, em nhớ không ?)
Sắc Vàng này, mộng giống Tiền Rừng...
Tình anh đậm như Tình dâng Đất, Nước.

*

Tình anh ở, khi với em, hi vọng
(Em nhớ chăng, lời hứa hẹn, một đường tơ ?)
Sắc Hường này, phương Đông trời mở...
Tình anh tươi như Lí tưởng dệt bằng Thơ...

*

Và này, em ơi, người mà anh làm khổ !
Tình anh đi, lúc môi má em sơn son.
(Em đã quên lời anh xin khi tính cuộc vuông tròn.)
Màu Trắng này, trinh nguyên còn giữ vẹn...
Tình anh giờ là Tình chạy đến Vô biên...

*

Em, em ơi ! Tình anh giờ là một thứ Tình điên.

Đất thánh Chà, năm thứ VII,
sáng ngày 5-VI-1956.

NGUIỄN-NGU-Í
(Có những bài thơ)

là nhờ ông ta và 10 phần trăm số đó sẽ vào túi ông ta. Nhưng các ông ấy hỏi thăm lại về kỷ luật quân đội Nhật, họ thấy binh sĩ thì phải cạo đầu, còn sĩ quan có quyền không cạo đầu. Thế thì Đại-úy Sugaya không chịu cạo đầu. Như thế, hãng sản xuất sẽ đỡ một số tiền tốn và khỏi phải thêm một điều lệ trong tờ giao kèo về chuyện cạo đầu người đóng vai đại úy.

Người hóa trang chánh đang ngồi hút thuốc, thấy tôi đến đứng dậy chào: « Chào đại úy Sugaya ! »

— Chào ông !

Phòng hóa trang không to hơn một hiệu hớt tóc. Có hai cái ghế bành như loại ghế tại phòng nha y sĩ, một chỗ rửa mặt, một cái bàn dài trên đó la liệt các thứ phấn, son. Trong một tủ kiếng, tóc giả và râu giả. Trên bàn phấn, họ để tờ giấy có vẽ mặt tôi với các thứ phấn, họ thử hôm nọ. Người hóa trang tìm các thứ phấn, đánh một lớp «kem » trên mặt tôi rồi nói : « Phiền ông ngửa mặt ra. Phấn số 1, số 2, số 3 lần lượt nằm trên mặt tôi. Nét nhăn trên trán, cạnh môi, mí mắt nhờ cây viết chì đen mà rõ thêm. Đến lúc gắn hàm râu mép mùi cô-lô-đi-ông collodion) (1) nồng nực.

— Xong rồi đấy. Mời đại úy nhìn vào trong gương.

Đội kết vào, tôi thấy mình giống Nhật lạ.

— Cám ơn ông. Tôi chào người hóa trang rồi đi đến chỗ quay phim.

(1) Collodion là chất dùng để gắn râu.

8 giờ rưỡi. Người ta đã tề tựu đông đủ tại « làng Mã-lai ». Làng Mã-lai là chỗ quay phim hôm nay. Tuy là ở trong vòng phim trường Pinewood, nhưng « làng Mã-lai » ở trên một miếng đất trống thật to. Trong mùa hè năm 1955 ông đạo diễn đã đi đến Kuala Lumpur, quay một đoạn rồi chụp ảnh. Về đây họ lập lại vùng Kuala Lumpur trên miếng đất trống trong phim trường. Thân cây dừa làm bằng giấy bồi, nhưng lá dừa họ mua lá thật ở các xứ nóng. Họ cột lá và thân cây rất khéo. Khi gió thổi, lá dừa cũng lay động như thật. Gần « làng Mã-lai », có một tỉnh thành Âu-châu, nhưng hai dãy nhà bên đường chỉ có mặt tiền làm bằng ván gỗ còn phía sau trống trơn. Trong phim, người xem sẽ thấy một con đường với hai dãy nhà thật. Nhưng. Thật đâu ? Hư đâu ?

Người Anh làm việc đúng giờ. Mới 8 giờ rưỡi, mà ông đạo diễn, các kịch sĩ, các nhà chuyên môn kỹ thuật đều có mặt tại chỗ quay. Quân Nhật đóng binh tại một làng Mã-lai. Trong trại thùng dầu săng, thùng lương thực chồng chất. Ngoài sân, 4,5 chiếc xe cam nhông của quân đội Nhật đỗ cạnh một đống vỏ xe (lốp xe) chung quanh một hàng rào kẽm gai chạy dài theo con đường đá và bọc cả phía sau trại. Hôm nay phải quay ngoài trời. Ông David phụ tá đạo diễn chạy lại phía mấy người đóng vai lính Nhật và tù binh hỏi : « Các anh đến đông đủ cả chưa ? »

— Đủ rồi.

— Phiền anh leo lên trên nhà hờ đứng gác. Còn anh đứng gác tại cổng vô. Anh gác kho lương thực. Mấy anh tù binh đứng ngoài sân. Hay ba anh rửa xe cam nhông nầy. Ông Lee sẽ nói cho các anh biết sẽ làm gì.

Ông Lee đến. Nét mặt tươi cười.

— Chào các ông ! Chào ông Ca Hôm nay chúng tôi sẽ quay đến cảnh kho Kuala Lumpur, chỗ ông đóng đại bản dinh và nhốt tù binh. Lần đầu tiên khán giả sẽ gặp ông trong phim. Đứng dắn nhưng nghiêm khắc. Ông đi vào phía cổng rồi đi thẳng phía giữa hai chiếc xe cam nhông. Khi ông đi ngang kho lương thực, anh lính gác đứng ngay lại chào Còn mấy tù binh phải cúi đầu thật sâu để chào — ông Ca — hay đúng hơn đại úy Sugaya — đi đến đâu các ông sẽ cúi đầu chào cả. Máy ảnh sẽ thụt lùi trên đường rầy theo bước ông đi. Các ông sẵn sàng cả đấy chớ ? Chúng ta chỉ chờ trời rựng nắng là quay ngay....»

(còn tiếp)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

CÁO LỖI

Cùng các bạn đã ghi tên đặt mua hai cuốn :

« THI NHÂN VIỆT-NAM » và
« VĂN ĐÀN BẢO GIÁM »

Vì một lý do ngoài ý muốn của chúng tôi, việc in Ronéo 2 cuốn « Thi nhân Việt-Nam » và « Văn đàn bảo giám » không thể thực hiện được. Chúng tôi trân trọng cáo lỗi cùng các bạn đã viết thư hoặc đến ghi tên tại tòa soạn Bách-Khoa (tổng số lên tới 300). Riêng những bạn nào đã gửi bưu phiếu tới, chúng tôi sẽ xin hoàn lại chu tất.

B. K.

MÀU VÀNG

Thuở chưa gặp mình, tôi yêu người ấy :
cô học trò mười bảy đảm, ngoan, xinh.
Tôi yêu say mê như kẻ rất chung tình,
và cũng biết : bội nguyền thì xấu hổ !
Nàng vẫn khen tôi : một người hiếm có,
giữa cuộc đời đen đỏ, vẫn băng trinh.
Như ngày xưa mùa xuân có hội đình,
gái thêu thùa, trai thư sinh thề ước,
tình xuôi giữa đường lan, rừng mai, đêm lượt,
cho rất nhiều, không tính thiệt, xuy hơn.
Ba năm chiêm bao hoa bướm chập chờn,
tìm nhau cả trong nét đờn, thi tứ.
Cho đến khi gặp mình rực rỡ,
tôi còn yêu người đó chỉ nhu mì,
những kẻ say mình, tôi cười họ cuồng xi,
mắt xa, môi kín, ít ai bì tôi được !
Nhưng muôn đời tình yêu không báo trước
từ băn khoăn khi đếm bước bên mình
— ánh mắt Điêu-thuyền xô xát đao binh,
làm tôi chán nét nhìn con chiên nhỏ !
có phải rằng những nhịp cười xé lụa

vẫn tộn ràng hơn suối thở, đàn ngân ? —
tôi đã hoang mang buồn đến tần ngần
những lần khuya, lòng tiệc tàn, về lẻ...
Tôi sợ đêm đêm dáng mình nhè nhẹ
mà uy quyền lấn bóng kẻ tôi yêu !
Tôi đã cân đo xuy tính đủ điều,
bao nhiêu lần, bấy nhiêu lần tôi bạc !
Tôi thích đi trong áo trời bát ngát
hơn ngồi nghe tóc dạt bên vai.
Chuyện ngày xưa : vua ban mũ rộng, áo dài,
gả công chúa, mà có người từ chối
để trọn tình cô nàng đồng nội ?
chỉ là thơ ca ngợi cái hoang đường !
Tôi tìm cổ nhân, giảng nghĩa yêu đương,
nàng đã khóc. Tôi thương mà không sót,
vì trọn ba năm mối tình hời hợt,
tôi hiền lành làm hoen vết gì đâu ?
thì thời gian là phương thuốc nhiệm mầu,
mà tình cũ chưa thâm sâu gì mấy !
Tôi chả sợ ai khinh tôi non dại
bởi tình trường đã mấy kẻ tinh khôn ?
Tôi đổi cái chưa bằng những cái còn
không cần biết lãi lời hay thua thiệt.
Tôi yêu mình ! chưa xin, mình cũng biết
— chắc mình nhìn ánh mắt tôi xi ? —
thường nhắc xa : tôi thú thật lòng đi,
tôi sẽ thú vào khi mình sẽ nhận.
Tôi không tiếc vô tận lời cầu khẩn
nhưng muốn là người xứng đáng được yêu,
không muốn là con số cộng bài kiêu,
mình chưa nhận, chưa bao giờ tôi thú.
Sắc đào phai về mùa xuân quá khứ,
đến cho tôi mầu rực rỡ hoa vàng !

LAN - ĐÌNH *12-58*

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ

Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon *Đ.T.: 23529*

HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thinh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện, máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

AIR 52

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp

Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại

VIỆT-NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ-NGHỆ

ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sàigòn

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyên-Huê et Lê-Loi — SAIGON

Adresse Tél. LOSSEIC

Tél N 0 20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions
SIMCA
STUDEBAKER
Motos et Scooters
BIANCHI
RUMI
DEPARTEMENT FROID
Installation
Réparations
Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)
Tracteurs forestiers
Tracteurs agricoles
Bulldozers
Groupes électrogènes
Groupes marins
Moteurs hors-bord

Atelier de réparations
Station Service
Pièces détachées d'origine
Pneumatiques «MICHELIN»
Moteurs marins
Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

Bà mẹ già

PEARL S. BUCK

NGUYỄN (dịch)

Pearl S. Buck đến Trung-hoa từ hồi còn ẵm ngửa (4 tháng). Khi lớn lên nữ sĩ biết nói tiếng Trung-hoa trước tiếng mẹ đẻ. Sống trong lòng xã hội Trung-hoa, bà chứng kiến đầy đủ những biến chuyển của quê hương thứ 2, từ cuộc xung đột giữa cũ mới đến cuộc Cách-mạng Tân-Hợi và cuộc Quốc-Cộng tương tranh... Bà là một nhân chứng vừa có cái hiểu biết thấu suốt của một người dân bản địa, vừa có cái nhìn vô tư của người ngoại quốc. Do đó những khung cảnh hoặc những nhân vật trong những truyện của bà đều gần gụi và linh động. Nhà phê bình Richard J. Walsh đã phải nhận xét rằng :

« Hầu như không có người Trung-hoa nào, dù viết bằng Anh ngữ đi nữa, có thể viết về chính dân tộc của mình như bà P.S. Buck đã viết về họ. »

Truyện ngắn « Bà mẹ già » sau đây là một trong những truyện ngắn với luận đề xung đột giữa Tân Cựu, giữa truyền thống bền vững của Á-đông và những lý tưởng khẩn thiết của Tây-phương.

Trong những truyện ngắn thuộc luận đề này ta có thể kể đến :

Người vợ cũ (The first wife) : *diễn tả tình trạng tủi cực của một người vợ hiền đã có hai mặt con mà rồi sau 7 năm chờ đợi, đã bị người chồng du học về thẳng tay ly dị vì lạc hậu — Người đàn bà xấu số đã phải tìm đường giải thoát bằng giải lụa bạch.*

Hồi hương (Repatriated) *mô tả sự tan vỡ của mối tình Âu-Á, sau những va chạm người vợ Pháp đã phải bỏ quê chồng về với dân tộc mình.*

Cái cổ xếp (The Frill) *cực tả thái độ bắt chẹt, áp bức dân bản địa của một vài kiều dân da trắng ở Trung-hoa.*

Ngày mưa (The Rainy day) *mô tả tâm trạng ưu uất, chán nản của một sinh viên đầy nhiệt tâm vừa du học trở về, trước những bức tường lễ giáo, thành kiến của gia đình và xã hội.*

BÀ CỤ ngồi cùng bàn với con trai con dâu và 2 đứa cháu. Mụ đầu bếp đang dọn bữa cơm trưa. Bà cụ ngồi yên hai tay khoanh trước ngực, cố nén vẻ bồn chồn trước những món ăn đang lần lượt dọn ra. Có một món thật hợp ý, nhưng cụ không nói gì. Cụ biết rằng đấy chẳng qua chỉ là tình cờ chứ chẳng phải món đó làm cho cụ. Con trai, con dâu thường bảo cụ là chúng nó không nuốt được những món cụ ưa vì vị nó nồng và quê quá. Thành thử hôm nay không có món đậu xào ớt vì ớt vốn là món sở thích đối với cụ.

Nhìn các món ăn mà cụ rỏ cả dãi. Cụ đã đói ngấu. Cụ thường hay cầm đũa chối ngay vào đĩa ớt xào gắp cho thật hậu hĩ chất ngay lên bát cơm mà đứa a-hoàn đã bày trước mặt. Nhưng cụ biết là không nên có cử chỉ như thế. Đúng vậy, suốt bốn năm trời ròng rã sống với con trai con dâu cụ học được lắm thứ lắm. Thành thử cụ đành kiên tâm ngồi đợi

đến lúc cơm dọn tươm tất, nàng dâu lên tiếng mời cụ :

« Mời me xơi cơm ».

Dẫu vậy, mỗi lúc chuyền bát cơm tới cụ là nàng dâu lại nhấn mạnh về khoản mỗi bát có một đôi đũa phụ và cứ lăm le canh chừng e cụ có đãng trí mà nhúng đũa của cụ vào các món ăn chăng. Quả thật phải lâu lắm cụ mới bỏ được tật đó. Vốn là con một trại chủ nên từ nhỏ đến lớn cụ không hề cho việc nhúng đũa mình vào món ăn là trái. Cụ chỉ mới thấy con trai, con dâu cụ là nghĩ vậy thôi. Hai vợ chồng chúng nó ở ngoại quốc về, có lẽ ở đấy dân chúng dã man và bẩn thỉu lắm, nên ngay ngày đầu khi thấy cụ cần thận liếm đũa cho sạch trước khi gắp thức ăn cả hai vợ chồng nó lộ vẻ kinh tởm kêu ầm lên.

Nghe thấy chúng kêu cụ ngừng đũa, trợn mắt ngạc nhiên : « Sao ? Sao ? ». Cụ tưởng là món ăn làm sao, có vương sợi tóc, sợi chỉ hay mẩu que hoặc một thứ gì đó mà ngay những đầu bếp giỏi vẫn thường vô ý để rơi lẫn vào thức ăn. Nhưng con cụ quát :

« Me phải dùng đôi đũa phụ chứ. Me đừng có dùng đôi đũa đã đút vào mồm vào lưỡi ấy mà gắp thức ăn. »

Cụ tức nổ ruột, giận dữ bảo con :

« Anh cho là tôi thối mồm thối miệng hay sao mà anh sợ ? »

Khi hai vợ chồng cố giảng giải cho cụ biết là có những con trùng nhỏ li ti, nhỏ đến nỗi mắt ta không thể thấy được, nhưng nó mang bệnh truyền từ người nọ sang người kia, cụ ngồi thừ ra, không tin, cụ cứ nhắc đi nhắc lại :

« Tôi không tin là tôi có những thứ trùng ấy. Từ nhỏ đến giờ đến con run con sán tôi cũng không có nữa là. »

Đến lúc hai vợ chồng giải thích :

« Ồ, nhưng mà nó nhỏ lắm trông thấy thế nào được ! »

Thì cụ được thể nói với một giọng đắc thắng :

« Ờ, đã không thấy được, thì sao anh chị dám bảo là tôi có cơ chứ ! »

Cụ đã tưởng thế là 2 vợ chồng nó chịu, nhưng ông con lên giọng hách dịch làm như bố cụ ấy không bằng :

« Tôi không có hoài hơi cãi vớ vẩn, tôi không muốn có những cử chỉ thiếu vệ sinh như thế trong nhà tôi, tôi không bằng lòng. »

Bị xúc phạm cụ giận tím ruột ngồi lặng ăn cơm không, nhất định không đụng đũa đến các món ăn, mặc dầu làm như vậy cụ khổ sở lắm vì xưa nay cụ vốn là người thưởng thức các món ăn rất mực nhất là bây giờ già cả bữa ăn đối với cụ là cả một lạc thú.

Dẫu vậy, rồi cụ cũng phải chịu. Đã có lần cụ thấy con dâu cụ hành động đến như thế này. Một tối con ở bưng vào một bát canh bí nóng nghi ngút, vốn là món ưa thích của cụ nên vừa trông thấy cụ thích quá, quên cả giữ ý, cầm ngay chiếc thìa sứ múc một thìa sì sụp húp một cách ngon lành, rồi lại múc luôn một thìa nữa. Đứa con dâu đứng ngay dậy, cầm bát canh đổ toẹt xuống vườn. Thế là mất toi cả bát canh ngon !

Trong lúc cụ còn bàng hoàng kinh ngạc, lắp bắp : « Nhưng sao — sao — »,

con dâu cụ mím chặt đôi môi mỏng lạnh lùng đáp :

« Chúng con không ăn thừa ! »

Thế là cụ bừng bừng nổi giận. Phải cái hồi đầu ấy cụ còn dám nổi giận. Cụ chu chéo lên :

« Này, tôi bảo thực cho cái mặt chị biết, tôi không đầu độc chị đâu mà sợ ! » Nhưng con dâu cụ càng thản nhiên, trả lời mát :

« Me thì có biết đến đánh răng súc miệng bao giờ ».

Nghe con dâu nói vậy cụ trả lời dõng dạc :

« Từ bé đến giờ, lúc nào tôi chẳng súc miệng như các cụ xưa. Sáng nào cũng như sau bữa ăn nào tôi chẳng súc miệng, thời chúng tôi thế là sạch sẽ nhất rồi đây ».

Ông con cất giọng khinh khỉnh :

« Thời các cụ ! Xin cụ đừng có nhắc đến cái thời ấy nữa. Chính vì cái thời đó mà chúng tôi hiện phải tìm phương cải cách nếu không muốn xứ sở bị thế giới coi là dã man, lạc hậu ».

Cụ chẳng hiểu con cụ định nói gì. Mới đầu thấy anh ta nói như vậy cụ cười ha hả, cụ cho rằng con cụ chẳng khác nào một đứa trẻ nói những câu đại cà sa mà chẳng hiểu mô tê gì hết.

Nhưng rồi — thấy vẻ nhẫn nhịn của anh ta đối với cụ, vẻ mặt nghiêm nghị của anh ta khi cụ cười ; nhất là vẻ kính trọng của khách khứa với con cụ và dễ dãi với cụ chỉ vì anh ta, cụ bỏ lối cười ấy đi lúc nào không biết. Với lại, kể cũng khó mà có thể cười một mình khi chung quanh toàn là những bộ mặt nghiêm trang lạnh như tiền.

Phải, cụ đã học được lối ăn một cách lặng lẽ và chờ các con tiếp. Bây giờ cụ theo đúng như vậy, sau khi đã dùng xong một chén cơm cụ lặng lẽ đứng dậy trở về tư phòng ngay bên phòng ăn. Sự thực cụ hãy còn đói. Vì quen sống ở trại cụ phải ăn ít nhất là ba bát, dùng vồn vẹn có một chén cơm cụ thấy lòng trống rỗng và lao đao thế nào ấy ! Ở trại họ lại còn dùng những chiếc bát sành lớn tráng men xanh hay trắng nữa cơ chứ, còn con cụ thì chỉ dùng những chiếc chén nhỏ xinh xinh của dân thị thành. Quả thật cụ hãy còn đói lắm. Nhưng cụ không dám ăn thêm vì sợ con cụ nói chẳng khác nào tát nước vào mặt như mấy lần trước :

« Gớm me ăn như là lực điền ấy ! Thật con chưa tìm thấy người đàn bà nào mà lại phàm ăn đến như thế ! Me làm gì mà phải ăn lắm thế ? »

Cụ vẫn biết con cụ không hạn chế thức ăn. Với lại anh ta làm thế coi sao tiện khi lương dạy học hàng tháng của anh ta gấp mấy lần hoa lợi hàng năm của hai cụ. Chẳng qua anh ta xấu hổ vì cụ. Cụ biết là anh ta xấu hổ vì mình. Mỗi lần mời khách khứa đến dự tiệc là vợ chồng anh ta lại xin lỗi để cụ dùng cơm riêng trong phòng khách. Thế cũng chẳng sao, cụ lại càng dễ chịu, muốn ăn thế nào thì ăn.

Nhưng hiện giờ cụ vẫn còn đói. Cụ rón rén ra phòng khách, theo lối cửa sau, lẻn qua sân xuống bếp. Cụ bước vào bếp bẽn lẽn cười với lũ a hoàn, cụ lấy bát xới ít cơm thừa trong nồi, đoạn cụ đến bàn bầy thức ăn dành cho đầy tớ. Dĩa ớt xào có đấy, nhưng chẳng còn bao nhiêu nên cụ không dám gắp vì sợ chúng không bằng lòng. Thành thử cụ chỉ dám gắp ít rau cải

vì đĩa đó còn thừa khá nhiều. Rồi cụ trở về phòng, không dám nhìn lũ đầy tớ, những lo nơm nớp e gặp phải con trai hay con dâu. Về phần lũ đầy tớ, cụ biết rằng chúng nó không ưa bị bớt thức ăn như thế nhưng chúng nó cũng còn thương hại cụ, mặc dầu chúng nó cần nhằn nhưng rất dễ dãi với cụ và thường về hùa với cụ chống lại bà chủ khắc nghiệt.

Về đến phòng, cụ khe khẽ khép cửa và cài then lại. Xong đâu vào đấy cụ mới ngồi xuống ăn một cách ngon lành. Cụ ăn ngấu nghiến đến tận hạt cơm cuối cùng, rồi mới đứng dậy rửa bát đũa trong chậu rửa mặt để khỏi làm phiền lũ a hoàn.

Ăn xong cụ mở một chiếc hộp sắt để lẫn với những chiếc khác trên bàn và lấy ra một ít cơm nguội. Chỗ cơm ấy cụ để dành từ hôm qua. Bây giờ cụ đem ra ăn nốt, nhấm nháp từng tí một. Có được tí cơm hay thức ăn thừa nào là cụ cho vào hộp phòng khi trống dạ trước bữa. Nhấm nháp xong cụ ngồi xuống dùng chiếc trâm bạc gài đầu xỉa răng.

Ngồi như vậy một lát, cụ đứng dậy hé cửa, ngó ra ngoài. Cụ tìm xem có thấy 2 đứa cháu quanh quẩn ở đấy không. Cụ không dám gọi chúng nó vì nàng dâu không bằng lòng cho chúng lui tới phòng cụ. Cụ trách con dâu về chuyện đó thì chị ta bảo :

« Phòng me chẳng bao giờ mở cửa, bí hơi lắm, có hại cho các cháu. Đã thế me lại còn chất chứa mãi những bộ quần áo cũ rích, hôi xì từ thuở nào ấy ; chuột bọ thì cứ đầy ra vì những món ăn để dành của me ».

Bà cụ đáp :

« Áo sống này là của bà cụ thân sinh ra tôi để lại, nó hãy còn tốt chán, vứt đi thế nào được. Có đời thuở nhà ai mà lại vứt áo lành cơm tốt đi không. Bao giờ chị đến tuổi tôi chị mới biết là giàu dâu hôm nghèo sớm mai, khó mà lường được, chị ơi. »

Nàng dâu chỉ đáp lại bằng cái cười nửa miệng. Mỗi lúc thấy lũ trẻ sang phòng bà nó là chị ta kiếm cớ gọi về cho bằng được. Thành thử cái thú của cụ là hé cửa xem có thấy đứa cháu nào, hòng dỗ dành nó vào phòng để bà cháu thủ thỉ với nhau. Chúng nó mới khấu khỉnh làm sao chứ, đứa nào đứa ấy bụ bẫm, thơm tho. Cụ thích cọ làn má răn reo của mình vào cái nách có ngấn xinh xinh của lũ trẻ làm chúng nó cười lên sặc sụa.

Lúc chúng nó vừa mới sinh cụ mừng

lắm. Tính cụ xưa nay vốn mến trẻ, hồi còn con gái mặc dầu lấy phải ông chồng nghèo xác nghèo xơ, làm vã mồ hôi trán ra mới có được miếng ăn, mà mỗi lần có con là cụ sung sướng khôn tả. Kể cả con gái cụ cúng mừng chả kém. Chỉ trừ có một đứa sinh vào năm đói kém mất mùa mọi người không biết chết ngày nào, cụ đành phải tuân lệnh mẹ chồng mà bỏ nó. Mà năm ấy quả có lắm người chết thật, ai nấy đều sống giờ chết giờ cả một lũ.

Nhưng mãi đến ngày nay, mỗi lần nghĩ tới đứa con gái mà cụ chỉ trông thấy khi mới sinh đẻ rồi không còn bao giờ gặp, là cụ lại buồn. Thế là cụ mất 4 đứa tất cả, cụ tính cả nó vào số những đứa không may bị trời bắt mất.

Trong 3 đứa con còn sống đến lúc trưởng thành, anh giáo đây là đứa con nối dõi tông đường độc nhất, anh con cả chết vì bệnh dịch tả đã 8 năm, trong lúc đang độ thành nhân. Đứa thứ ba là con gái mà cụ chẳng còn mong có dịp gặp nữa, vì nó đã đi lấy 1 thằng chồng nghèo ở một làng khác, mà con rể thì chẳng mong gì nó vui lòng đón cụ về, nhất là cụ lại còn con trai phụng dưỡng.

Thành thử cụ chỉ còn có mỗi anh giáo, cả cụ lẫn cụ ông thường vẫn cho anh ấy là khá hơn cả. Thật thế, hồi anh ấy còn bé anh ấy thông minh khéo léo nhất nhà. Ngay hồi đó các cụ đã bàn nhau là phải lo cho anh ấy đầy đủ hơn cả, cho anh ấy ăn học để sau này thành bậc học giả. Vì vậy mà lúc anh ấy chừng hơn mười tuổi, cụ ông gửi anh ấy ra tỉnh nhà, xin học trường ngoại quốc và để anh ấy theo đuổi sách đèn suốt 10 năm. Sở dĩ vậy là vì ở đấy họ dậy khá tốt, hơn nữa các cụ không như người khác sợ anh ta phải học đạo ngoại lai hay những điều xì xằng trong sách vở ngoại quốc, vì học phí rất hạ, và nhất là độ chừng hơn một năm sau anh ta học hành xuất sắc, thì hai cụ chẳng còn phải trả xu nào nữa. Những người ngoại quốc chu cấp cho anh ta đủ cả. Hồi đầu anh ta còn về thăm nhà vào dịp Tết, dịp Hè, nhưng vào năm sau anh ấy chẳng buồn về nữa, vì bấy giờ anh ấy đã là một nhà học thức nho nhã rồi, mái tranh vách đất đối với anh ấy chẳng còn thỏa mãn như xưa. Thế rồi bọn người ngoại quốc xui dại xui khôn thế nào đến nỗi anh ta đi tuốt ra ngoại quốc học thêm nữa, họ giúp tiền cho anh ta đi, nhưng dĩ nhiên là chẳng đủ nào. Cụ còn nhớ hôm hai cụ đang cấy lúa thì anh ta bất thần ở tỉnh về, bảo với hai cụ :

« Thưa me, con xin ra ngoại quốc học nữa. Các ông ngoại quốc đã giúp con ít tiền nhưng chưa đủ, con mong thầy me cố sức giúp con, sau này thày me già yếu con xin hết lòng phụng dưỡng. »

Mới đầu các cụ cho chuyện ấy là điên, nhưng rồi cụ và cụ ông kể chuyện với làng trên xóm dưới, ai nấy đều bảo các cụ rằng :

« Chúng tôi có nghe thầy nói rằng người nào đã đi ra ngoại quốc thì lúc về giỏi đến nỗi mỗi tháng kiếm không biết cơ man nào là tiền mà kể. Nếu hai ông bà để cậu ấy đi thì đến lúc già cứ việc ngồi mà hưởng. »

Nghe bùi tai, hai cụ bằng lòng cho anh ấy đi, và lại hồi đó các cụ còn thằng con trai lớn có một cửa hàng nhỏ ở chợ tỉnh,

nó buôn bán cũng khấm khá đủ nuôi thân, nuôi vợ. Hai cụ để cho anh ấy đi mà chẳng kịp đính hôn gì hết, ngay đến hồi anh ấy còn ở nhà cụ cũng chẳng dám ngỏ ý vì anh ta là người nghiêm nghị, cương quyết, học nhiều hiểu rộng mà hai cụ thì lại quê mùa dốt nát quá thành thử các cụ không biết làm cách nào mà ép anh ấy ; chả cần nói xa đến ngay những lời lẽ văn vẻ chữ nghĩa của anh ấy, hai cụ cũng còn chẳng biết trả lời sao nữa là.

Thế rồi anh ta tự tiện cưới vợ theo lối mới như thời bây giờ, chẳng thèm hỏi cha mẹ lấy một câu. Anh ta lấy vợ ở nước ngoài, vợ anh ấy tuy không phải là người ngoại quốc nhưng người thiếu phụ trắng trẻo khó tính khó nết ấy cũng chẳng khác gì họ, nào giải thảm trên sàn, treo màn nơi cửa sổ, rồi hôm nào cũng lôi con ra tắm táp kỳ cọ làm như chúng nó bẩn ghê lắm !

Anh giáo về quê lần cuối chưa quá hai năm thì cụ ông mất. Ông cụ tốt bụng yêu đời thế mà chết một cách đột ngột vào một ngày đông giá. Ông cụ đau ngực lên cơn sốt, bà cụ cứ tưởng là cơn bệnh chỉ qua loa rồi đâu lại vào đấy, còn cụ ông thì lại ngại tốn kém, nên chưa kịp gọi thầy thuốc đến thì cụ ông đã mất. Cụ ông nằm xuống, cụ phải bán một ít đất đi để mua quan tài và lo việc ma chay vì các cụ phải bóp mồm bóp miệng dành dụm tiền gửi ra ngoại quốc cho con.

Nhưng nghĩ đi nghĩ lại rồi ra chỉ còn mình cụ, phận đàn bà chân yếu tay mềm làm sao quán xuyến được cả ruộng nương, cụ bán luôn một miếng đất lớn nhờ vậy mà ông cụ được cỗ ván tốt ; cụ bà cũng lấy làm mát lòng hả dạ vì mua được bộ quần áo xanh mới để thay cho cụ ông, lúc sinh thời ông cụ cũng chưa hề có được bộ cánh nào tươm đến như thế.

Đúng vào mùa thu năm đó anh con lớn của cụ cũng lại thở hơi cuối cùng, vì không có con cái nên con vợ anh ta lại về nhà cha mẹ, thành thử cụ chỉ còn được có mỗi mụn con trai ở ngoại quốc nữa thôi. Cho nên khi anh ấy viết thư về xin thêm tiền vì anh ấy cần nhiều hơn nữa, cụ bán nốt những thửa đất cuối cùng được bao nhiêu tiền dốc cho lão ngoại quốc gửi hết cho anh ta. Có lần một người hàng xóm già bảo cụ :

« Chớ có bán hết ruộng nương đi cụ ơi, con cái thì con cái chứ chúng nó cũng chẳng ưa gì cái bà mẹ già chẳng còn giúp ích sinh lợi gì cho nó nữa đâu ».

Nhưng cụ không sợ, cụ đáp :

« Cháu nhà tôi nó hiếu thảo lắm, và lại ruộng đất bây giờ cũng là của nó, nếu nó cần thì để nó lấy, còn phần tôi, tôi chả sợ cụ ạ. Nó đã hứa là nó sẽ hết lòng phụng dưỡng tôi, tôi chẳng lo nó không chứa tôi ».

Cụ vừa nói vừa cười, cụ tin lòng con lắm.

Nhưng giờ đây nghĩ đến câu trả lời của con mà cụ bất giác thở dài. Phải cụ ở với con cụ thật. Căn nhà đến là đẹp. Khách khứa là cứ hết lời khen ngợi sao mà có căn nhà tây đẹp đến thế. Nhà có gác, có cầu thang dẫn lên, nhưng hai vợ chồng nó để cụ ở dưới nhà viện lẽ cụ già cả lên xuống bất tiện, hoặc giả có lần nào cụ được phép lên là chúng lại dẫn cụ xuống ngay. Lúc nào muốn khuất mặt cụ, chúng nó lôi cả bầu đoàn thê tử lên lầu để cụ ngồi trơ vơ một mình

ở dưới nhà. Cụ biết bụng dạ hai vợ chồng nó lắm ! Chúng nó tưởng là cụ già cụ lẫn chứ cụ là cứ trông thấu gan thấu phổi chúng nó.

Bỗng nhiên hai đứa trẻ từ ở đâu đi lại, chúng vừa ngủ dậy trông hồng hào tươi tỉnh, chúng nó đi ngang qua chiếc cửa ngỏ vào phòng khách. Cụ thấy chúng nó ngồi xuống bầy đồ chơi. Cả hai đứa đều là gái cả. Lúc đứa con thứ sắp sinh, cụ lớn tiếng bảo con trai :

« Lần này chắc phải là con trai ! »

Nhưng anh con buông thõng một câu :

« Thời này chúng con không nghĩ thế nữa. Trai gái cũng thế thôi. »

Nghe thấy nói thế, cụ cười ầm lên lấp liếm cho đỡ ngượng. Ờ nhưng giả sử ai cũng đẻ con gái cả, thì lấy đâu ra người nối dõi tông đường ? Phải có cả trai cả gái chứ. Đến là ngu !

Khi cụ quay lại, cụ thấy đứa cháu nhỏ nhìn cụ mỉm cười. Sao mà chúng nó kháu thế, trong hai chị em nó cụ yêu đứa bé hơn. Bỗng nhiên cụ ước muốn được ôm ấp cái thân hình bụ bẫm kia. Cụ sẽ áp khuôn mặt răn reo vào phần da thịt mịn màng dưới cằm đứa trẻ. Cụ tắc lưỡi gọi đứa bé, nó dương cặp mắt ngây ngô ra mà nhìn cụ. Rồi cụ chợt nhớ ra điều gì. Cụ đứng dậy đến bàn lấy một chiếc hộp sắt nhỏ. Cụ mở ra lấy 1 cái bánh ngọt làm bằng hạt dẻ mà cụ cất chừng 10 bữa trước. Cụ bóc lần vỏ sáp bọc ngoài, lấy tay lau cho sạch. Rồi cụ lẳng lặng đưa cho đứa cháu.

Đứa bé nhìn chiếc bánh — nó mới biết đi được ít lâu — lẩy bẩy nhỏm dậy chập chững tiến đến phía bà nó, giơ tay ra lấy bánh. Bà cụ ôm cháu vào lòng đưa cho nó, đứa bé nhai tóp tép. Cụ đóng cửa lại, bế cháu ngồi lên giường, cụ ấp khuôn mặt răn reo vào chiếc cổ xinh xắn ấm áp của đứa bé. Cụ đút miếng bánh cho cháu. Chao ôi — cháu của bà — cháu của bà.

Nhưng lũ con cụ đã huấn luyện lũ trẻ ghét cụ. Đúng thế, đứa cháu lớn bị bỏ lại một mình, lên mách mẹ, và bất thình lình cửa bật mở, đứa con dâu thoăn thoắt tiến vào nói một cách lễ phép, nhưng là một thứ lễ phép khiên cưỡng, nhạt nhẽo :

« Xin me thứ lỗi cho, giờ này là giờ các cháu ra vườn chơi. »

Nhưng khi thấy vụn bánh trên đôi môi hồng của đứa nhỏ, chị ta quên cả lễ phép, kêu lên :

« Me cho nó ăn gì thế ? »

Bà cụ cố trả lời một cách thản nhiên, vì dẫu sao, một cái bánh nhỏ thì hại gì cơ chứ ?

— « À, cái bánh nhỏ xíu của tôi đấy mà ».

Nàng dâu giật lấy đứa trẻ, vành môi ra xem. Chị ta giận dữ kêu lên :

« Hạt dẻ ! », rồi chị ta mím môi không nói nửa lời, xốc đứa bé lên đem đi mặc cho nó khóc thét lên vì sợ hãi.

Bà cụ hết sức giận dữ ngồi xuống ; cụ tự nhủ lòng là mình chẳng làm gì nên tội, có gì trái đâu cơ chứ ! Dẫu vậy vì nép mình vào khuôn khổ ròng rã bốn năm trời rồi nên cụ vẫn cảm thấy như có gì tội lỗi. Cụ ngồi lẩm bẩm một mình trong phòng. Hừ, chỉ có một cái bánh ngọt nhỏ là món mà trẻ con vẫn hằng ưa thích, mà dám cho là tội ! Tội nghiệp con bé, mẹ nó chỉ cho ăn toàn bột là bột thôi.

Đang lúc ngồi lẩm bẩm thì cụ nghe thấy có tiếng động. Con chị lớn đứng ở cửa. Bà cụ quên cả chuyện cái bánh và những nỗi bực mình, cụ mỉm cười dang tay ra đón cháu. Nhưng con bé lắc đầu lùi lại, bà cụ buông tay xuống, nói trong hơi thở :

« À ra chúng nó lại dậy mày thế nữa hả ? »

Cụ mỉm cười chua xót.

Nhưng đứa bé chỉ dương đôi mắt sợ sệt nhìn cụ, rồi ngồi xây lưng lại chơi như cũ. Thỉnh thoảng nó lại lấm lét liếc bà cụ.

Thế nào tối hôm ấy đứa bé lại khó chịu. Chẳng hiểu là vì cái bánh hay vì sao mà nó vang mình sốt mầy. Mẹ nó phải phục dịch suốt đêm, cả con trai cụ cũng mất ngủ, nhưng đến sáng đứa bé dễ chịu ngủ yên. Bà cụ được đứa đầy tớ đi ngang cho biết vậy mới yên dạ, thấy lục đục suốt đêm cụ lo quá. Vì vậy lúc ra ăn điểm tâm, thấy có mỗi cậu con trai ngồi đấy, cụ vừa ngồi vào bàn vừa nói dóng :

« Thôi thế là yên chí rồi ! Trẻ con bao giờ chẳng có lúc trái gió trở trời. Tôi còn nhớ hồi anh còn nhỏ cũng thế. »

Nhưng đứa con ngắt lời cụ. Bà cụ biết ngay là anh ta có điều gì muốn nói, anh ta trông tái ngắt và có vẻ giận dữ. Cụ buông đũa xuống, cụ không nuốt được nữa. Cụ nhìn con. Cụ cố nhớ lại rằng anh ta là đứa con bé bỏng của cụ, cụ cố nhớ lại hình rằng anh ta hồi nhỏ khóc lóc chạy đến đòi bú. Nhưng không thể được. Với cụ hình như anh ta lúc nào cũng vẫn là một nhà trí thức, oai vệ trong bộ âu phục, với cặp kính gọng vàng trên sống mũi như lúc này. Anh ta vốn là người khắc nghiệt, lạnh lùng, cụ sợ anh ta lắm. Đến nỗi cụ cần cả đến sự có mặt của con dâu trong lúc này, vì thường khi thấy chồng quá lời với cụ, chị ta can ngăn ngay. Nhưng giờ đây, chỉ có hai mẹ con. Anh ta đuổi cả đầy tớ ra khỏi phòng... Liệu anh ta có giết cụ — giết con mẹ già này không ?... Đứa con lên tiếng :

« Con không muốn xử tệ với mẹ. Con biết phận con và địa vị của mẹ trong nhà này. Nhưng, đã ở đây, mẹ phải theo lời con dặn. Mẹ không được làm hư các cháu. Con có bổn phận phải nuôi nấng dậy dỗ nó. Hôm qua, mặc dầu chúng con đã khuyên van mẹ từ trước là chớ có cho chúng nó ăn uống gì, nhất là những thứ thiu thối mà mẹ đã giấu giếm ở trong phòng, làm như chúng con để mẹ phải nhịn đói nhịn khát.

Anh ta ngừng lại một lát để nén giận, rồi lại lạnh lùng nói tiếp : « Mặc dầu chúng con đã muốn vậy mà mẹ vẫn cho đứa cháu nhỏ ăn uống cái của qui ấy. Để đến nỗi tối hôm qua nó lên cơn sốt. »

Bà cụ cố tìm cách chống chế, lắp bắp :

« Cái bánh bằng tí, hãy còn tốt mà. »

Người con dằn giọng :

« Nhưng chúng con đã bảo mẹ đừng cho nó ăn gì cả ! »

Bỗng nhiên cụ chịu đựng không nổi nữa, cụ oà lên khóc, mếu máo nói qua nước mắt :

« Để tôi đi ! Thôi để tôi đi đi cho rảnh nợ ! Đây chẳng phải là nhà cửa của tôi mà tôi ở — Nhất định là tôi phải đi ! »

Đứa con kiên nhẫn chờ cụ nguôi nguôi, mới bảo cụ :

« Mẹ nên biết điều một chút. Con thử hỏi mẹ đi thế nào được cơ chứ ? Mà mẹ định đi đâu ? »

Bà cụ chu chéo lên : « Tôi đi đến nhà con gái tôi ! Phải tôi đi làm đầy tớ cho vợ chồng nó. Tôi còn khoẻ chán, tôi sẽ đi cắt cỏ lượm phân, trông nom con cái, quét nhà nhóm bếp cho nó. Tôi chỉ cần có miếng ăn là được rồi. »

Nhưng đứa con mỉm cười chua chát. Hắn bảo bà cụ :

« Mẹ tưởng con không nghĩ đến chuyện ấy chắc ? Năm ngoái con đã viết thư khẩn khoản chú thím ấy mời mẹ về ở chung, tháng tháng con sẽ gửi tiền. Vì nhà con xem ra có vẻ khó chịu khi thấy mẹ không chịu uốn nắn cho hợp với nếp sống của gia đình. Thế mà chú thím ấy trả lời rằng chú thím ấy xin chịu, điều đó quá sức đảm đương của chú thím ấy, vì nhà chú thím ấy con cái đã đầy đàn đầy đống ra rồi. »

Nghe vậy bà cụ im bặt. Quả thật cụ cũng biết rằng chúng nó chẳng thể rước cụ về ở với chúng nó. Nhưng chuyện ra ở với con gái vẫn là cái cớ cụ thường vin vào để nói cho hả trong suốt mấy năm trường. Đúng vậy, mỗi lần giận con giận dâu là cụ lại rêu rao với lũ đầy tớ, với khách khứa hoặc cả đến chị hàng rau hàng cá ở cửa bếp rằng :

« Tôi còn đứa con gái nó có ruộng có nương, nếu chẳng muốn ở đây, thì tôi ra ở với nó. »

Nhưng từ giờ trở đi cụ chẳng còn nói thế được nữa. Vì nếu còn rêu rao như vậy, cụ sẽ gặp cái nhìn chua chát của đứa con đã rõ sự thực. Nó đã định dùng tiền để tống khứ mẹ nó ra khỏi cái nhà này, thế mà hai vợ chồng đứa con gái của cụ không nhận mặc dầu trong trường hợp ấy chúng nó sẽ được cấp dưỡng. Cụ cúi gầm mặt lắng nghe đứa con nói tiếp :

MAI ANH VỀ

Mưa nghiêng lòng phố nhỏ
Ngõ buồn hút trăng sao
Trở chăn nằm nghe gió
Lòng rộng chừng nao nao.

Mưa buồn giăng thương nhớ
Hoa cũ chắc phai màu
Cố hương chừ cách trở
Hồn mộng gởi về đâu ?

Đôi bờ hoang lá đỗ
Chắc đầy thêm nghẹn ngào.
Thềm sương sầu mấy độ,
Buồn hút nẻo trăng sao

Ở đây nhiều son phấn,
Ai đếm được vàng thau !
Những môi cười cay đắng,
Những trán gầy thương đau !

Mưa giăng màu thương nhớ
Nhà chắc mấy hàng cau
Xác xơ đìu hiu lá
Run rẩy chiếc thân cầu.

Ôi đàn em bé nhỏ
Bốn mùa trắng gian lao
Hai thân gầy mưa nắng
Sương nhuốm nửa mái đầu.

Mưa giăng mờ quê cũ
Lối mòn lạnh chiêm bao
Biển thùy xa xôi lắm
Kinh kỳ loạn trăng sao.

Mai anh về em nhé
Quê mình hết thương đau !
Tháng năm dù cách trở
Tháng năm dù bể dâu.

Quê ơi sầu mấy độ
Ta đi xây nhịp cầu
Hỡi đàn em bé nhỏ
Mai về ta thương nhau.

VÕ-THÙY-LAM

« Chắc mẹ cũng biết nhà con là người học thức, còn mẹ thì quê mùa dốt nát. Lúc này có hai mẹ con, con mới dám nói. Con cái chúng con phải được nuôi nấng theo lối mới. Đó cũng chính là điều con hằng mong muốn. Nhà cửa của con không thể nào lại để như căn nhà của mẹ ở trước. Chúng con không bao giờ khạc nhổ xuống sàn, để chuột bọ tự do chạy ra chạy vào, và lũ cháu nhỏ không được ăn bậy bạ như lũ con của mẹ. »

Đến đây đốm lửa chống đối cuối cùng trong tim người mẹ già bùng lên, bà cụ nghẹn ngào hỏi :

« Thế anh chẳng phải là con tôi đấy phỏng ? »

Đứa con dằn giọng, nói đốp vào mặt mẹ :

« Con không muốn bảy đứa để chết mất bốn như mẹ ! »

Nghe vậy bà cụ run run nhổm dậy nhìn vào mặt đứa con, chu chéo :

« À, anh kết tội cái con già rày là đã giết con giết cái đấy phải không ? »

Đứa con quát lại, hầu như sự kiên nhẫn đã hết, hắn ta không còn giữ được giọng bình tĩnh nữa :

« Tôi chỉ kết tội sự ngu xuẩn, bướng bỉnh không chịu cầu tiến của bà thôi ! »

Nói vậy, hắn đứng lên. Hắn nói đã cạn lời. Hắn bước ra bỏ bà cụ lại một mình với những lời đau đớn ấy. Dù sao cụ cũng phải kìm chân hắn lại. Cụ cất giọng già nua run run gào lên theo đứa con :

« Được. Tao chết cho mà xem. Ít nhất tao còn có quyền chết ! Tao thất cổ — »

Nghe thấy câu ấy, đứa con quay ngoắt lại. Hắn giận run lên nhìn bà cụ và hắn thấy vẻ cương quyết cuối cùng hòa lẫn với niềm tuyệt vọng phẳng phất trên khuôn mặt già nua thật quen thuộc với hắn kia.

Giận đến cực điểm, hắn quát lên đột ngột:

« Bà dám nói thế với tôi hả ! Bà định bôi gio trát chấu vào mặt tôi, hả, bà muốn để cho thiên hạ dị nghị rằng mẹ tôi tự tử ngay ở trong nhà tôi hả ! »

Hắn nhấn mạnh nút chuông trên tường, một đứa a hoàn bước vào. Hắn cố lấy giọng bình thản, lạnh lùng và cương quyết truyền :

« Cụ cần có một người hầu riêng... Cụ có vẻ hơi quẫn trí. Chị mướn một người tớ gái ngày đêm túc trực bên cụ. Tôi trao trách nhiệm này cho chị ».

Đứa a hoàn cúi chào hắn, đi ra.

Đây chẳng phải là lần đầu mà lũ a hoàn thấy to tiếng trong nhà, chả cần phải ghé tai vào lỗ khóa chúng nó cũng nghe thấy. Chúng biết rõ hôm nay có chuyện gì. Nhưng con a hoàn lấy làm sung sướng mà thấy câu chuyện xoay chiều như vậy. Nó vẫn thường than phiền với ông bà chủ là hầu hạ bà cụ thật vất vả hơn cả con nít, cần phải có một con hầu riêng cho bà cụ như lũ trẻ. Thành thử lúc này nó vui thích lắm, nó nghĩ thầm chị nó hẳn sướng mê vì có việc làm. Bà cụ run rẩy, thút thít quay lại phía con a hoàn :

« Chúng nó cấm đoán cả tôi chết nữa ! Tôi muốn chết mà cũng chẳng xong. »

Bà cụ mếu máo, loạng choạng bước về phía đứa a hoàn như một đứa trẻ trong lúc tủi cực cần tìm đến người an ủi vỗ về.

Nhưng con a hoàn dìu cụ ngồi xuống, nói vội vã xuê xoa cho xong chuyện để còn đi :

« Thôi — thôi cụ ! Cụ không biết người biết của. Ông ấy cho cụ ở, cho cụ ăn, cho cụ mặc, cụ phải cố sao cho xứng đáng một chút chứ. — Thật thế, thật thế, ông ấy đến là tử tế, đúng là hiếu tử. Ai cũng phải khen ! »

NGUYỄN

14-3-59

Dịch theo « The old Mother »

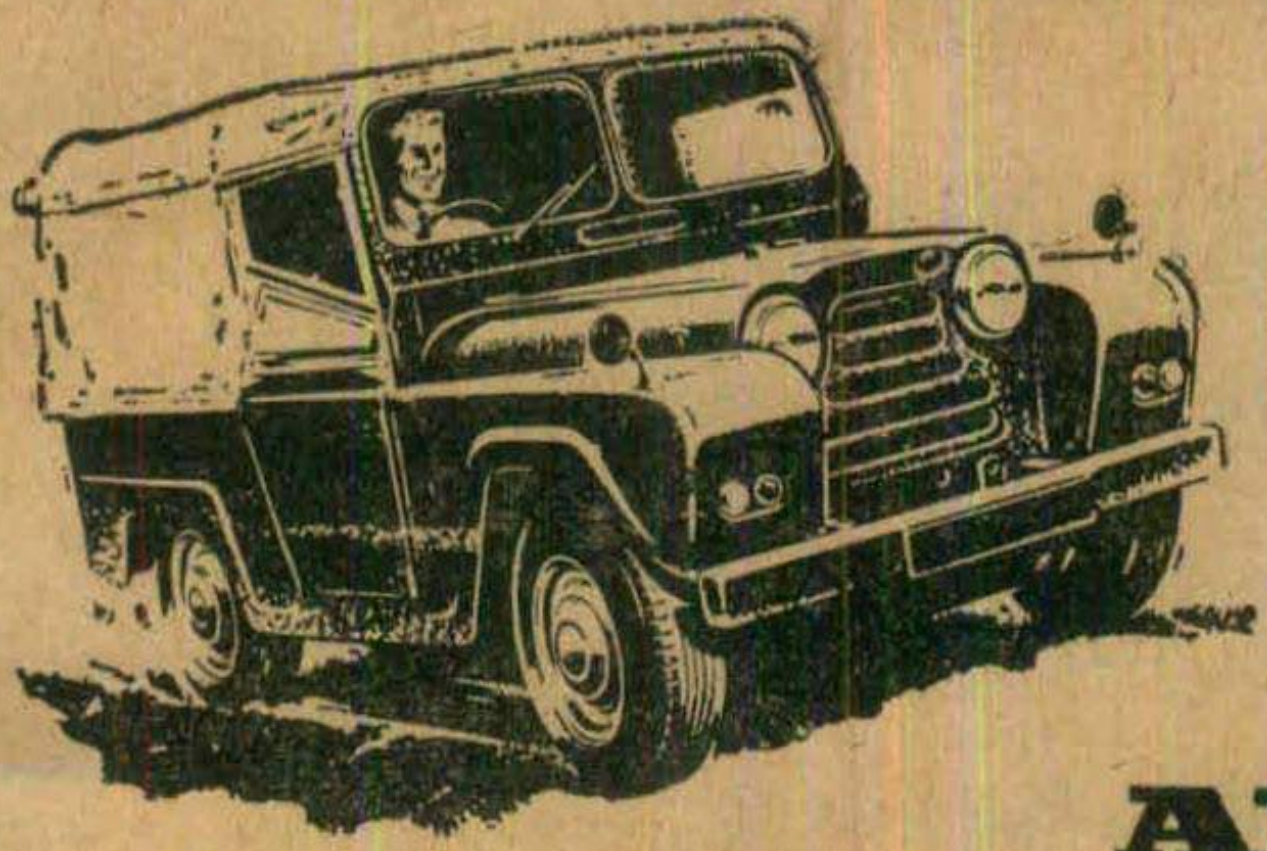

Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :
— chạy bằng essence, giá phỏng định mỗi chiếc : **136.000$.**
— chạy bằng diesel, » » » » : **156.000$.**

Quí ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe nầy, xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

MAERSK LINE

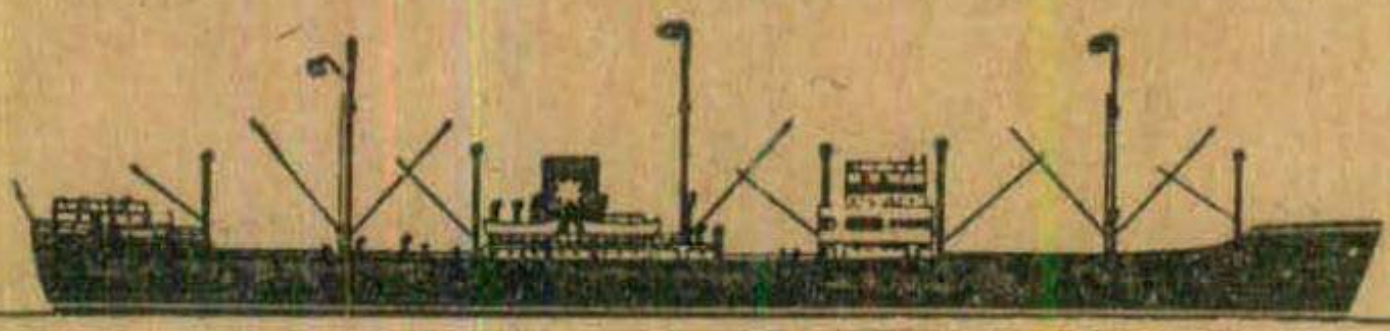

A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC

LỘNG GIÓ

☆ *TIỂU THUYẾT* ☆

Tác-phẩm giá trị của **MẠC-LY-CHÂU**

★

★ Tiếng nói của tình người

★ Băn khoăn của cuộc sống

do nhà xuất-bản LẠC - VIỆT *ấn hành*

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

✶ **Đường miếng lọc** ✶ **Đường cát trắng tinh**

✶ **Đường cát trắng ngà** ✶ **Đường cát trắng Hiệp-Hòa**

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

— Các tiệm tạp hóa

— Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065

— Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

NGÀY LẠI SÁNG

★ *MINH-HỮU*

SAU khi nhìn rảo qua đám tù nhân ngồi lúc nhúc trên sân trại giam sau giờ điểm danh buổi sáng, viên hạ sĩ chỉ tay vào một góc cuối dãy bên trái, gọi to :

— Ê ! Đứng lên !

Một người uể oải đứng dậy. Đó là một thanh niên vào trạc ba mươi, vẻ mặt thông minh nhưng cặp mắt lờ đờ và đôi má hóp đi làm cho con người già đi trước tuổi rất nhiều.

— Tên là gì ?

Người tù đáp lại bằng một giọng hờ hững :

— Nguyễn Lưu.

— Số mấy ? Phòng mấy ?

— Bốn ngàn hai trăm mười chín. Phòng sáu.

— Được rồi !

Viên hạ sĩ rút cây bút chì ghi vào sổ tay, bảo :

— Ra đây, theo tôi.

Người tù lặng lẽ theo sau, đầu cúi xuống trên những bước chân nặng nề. Đến cửa văn phòng, viên hạ sĩ quay lại :

— Hôm nay là ngày lễ, ở đây không làm việc. Ông Quản đốc để lao cần một người quét dọn văn phòng, nghe chưa ? Có ba việc phải làm : một là quét dọn sàn nhà sạch sẽ, hai là sắp lại đồ đạc cho ngăn nắp, ba là... ba là...

Viên hạ sĩ nhíu mày, cố tìm xem những gì có thể sắp xếp vào mục thứ ba :

— À, này... ba là dọn những báo chí linh tinh lặt vặt bỏ trên mấy cái kệ, cả mấy bức địa đồ cũ kỹ trên tường cũng giựt xuống luôn, dẹp thì dẹp luôn một thể cho rồi... Còn những ngăn tủ, hộc bàn đã khóa kỹ thì đừng có táy máy giở ra làm gì. Liệu hồn ! À... ngày trước làm nghề gì ? Có chuyên môn cạy tủ không ?

Viên hạ sĩ nheo một bên mắt, nhìn người tù. Người này vẫn yên lặng nhìn ra chỗ khác.

— Thôi, vào đi. Đúng mười giờ, sẽ cho ra.

Viên hạ sĩ đẩy anh ta vào phòng, rồi đóng ập cửa, khóa lại...

✱

Sau một tiếng đồng hồ quét dọn, Nguyễn-Lưu cảm thấy trong người rã rời. Anh lại một chiếc ghế, ngồi xuống, thở nhọc mệt. Anh không nghĩ gì hết, từ lâu anh đã mất hẳn sự suy tưởng xa xôi, bởi vì tháng năm mòn mỏi trong bốn bức tường giam đã khiến trí não anh dờ dẫn, chán chường. Ngày qua cũng giống ngày nay và ngày mai cũng như hôm nay cuộc sống tẻ nhạt, khắc khổ ở chốn lao tù mang đầy tính chất nhẫn nhục, âm thầm...

Bỗng thoáng thấy bóng viên hạ sĩ lấp ló ở ngoài cửa sổ, Nguyễn-Lưu đứng dậy. Anh chậm chạp lại một phía tường, gỡ mấy tấm bản đồ xuống.

Đó là những bản đồ đã cũ, nhuộm vàng vì thời gian, cần phải được thay thế bằng những bức mới hoặc những tranh vẽ hợp thời. Anh rứt xuống từng tấm, không một cảm tưởng, bởi vì những miền đất đai hình dung trên các bản địa đồ kia, dù là quê hương yêu dấu hay chân trời xa lạ, đều không còn một sức hấp dẫn nào đối với anh, từ lâu đã sống trong bốn bức tường này. Anh lấy chân hất dồn đống lại rồi đá vào một góc phòng. Bỗng anh cúi xuống, chăm chú nhìn : một trong những tờ báo cũ dán sau các bức địa đồ để ngăn khí ẩm của tường, cuộn tròn, phơi lên một hàng chữ in đậm : « Bức thư gởi một người cha » và ở dưới : « Kính gởi ông Nguyễn-Lưu... »

Nguyễn Lưu trố mắt, ngạc nhiên như không tin nổi một sự phù hợp lạ lùng như thế. « Nguyễn-Lưu nào đây ? Tại sao lại là bức thơ gởi cho một người cha ? » Hồi hộp, anh cầm tờ báo lên vội vàng, gần như run rẩy và anh đọc, cảm thấy xao xuyến qua mỗi dòng chữ, bao nhiêu tâm tình...

« Thưa ông,

Tôi chưa được hân hạnh quen biết ông, cũng như ông, chưa từng gặp gỡ tôi, nhưng chắc rằng chúng ta có thể cùng chung ý kiến về một tình trạng sau đây, cho nên tôi hy vọng rằng những dòng chữ này có thể tìm gặp được ông.

Tôi là một nhà giáo, dạy tại một làng quê. Tôi đến miền nầy đã được nửa năm. Học sinh của tôi là những em bé ngây thơ, trình độ mới qua những lớp vỡ lòng. Những em bé ấy là nguồn an ủi của đời tôi, đó là nỗi buồn, nỗi vui làm thành cuộc sống của tôi đã mấy năm rồi.

Trong số những em bé đáng yêu, đáng thương này, bên cạnh những trẻ nghèo nàn, mồ côi, có một em bé rất đáng cho ông nghĩ đến. Em nhỏ người, vẻ mặt thông minh điểm một cặp mắt sáng và buồn, ít tìm thấy trong những đứa bé khác. Em ít nói, ít cười, có dáng suy nghĩ như một người lớn tuổi tuy em chưa cảm hiểu những cảnh bất trắc của tình đời. Em ngoan ngoãn lắm, hiền lành lắm, khiến mỗi người vừa gặp em đã sinh lòng yêu mến và chắc rằng người cha nào cũng đều vui lòng có một đứa con như thế.

Suốt mùa đông này, em chỉ có hai chiếc áo để đổi thay, vì nhà em nghèo. Áo em đều rách nhưng được khâu vá bằng những đường kim mối chỉ cần thận do một bàn tay dịu hiền chăm sóc. Bên cạnh em có những em bé con nhà giàn sang, nhưng tôi chưa hề thấy em nhìn bạn với đôi mắt thèm thuồng. Trong một đứa trẻ, cặp mắt

thản nhiên như thế thực làm cho lòng ta chua xót, và suy nghĩ.

Khi mới đến dạy, ngày đầu tôi hỏi cha em làm gì, em vòng tay nhìn tôi, hơi ngạc nhiên, giương cặp mắt buồn và sáng ướt long lanh. Em đã nghe người khác nói về cha của họ nhiều lần rồi, có lẽ, nhưng khi buộc em phải nói về cha em thì hình như em không hiểu nổi đó là thế nào. Nếu em biết trả lời rằng « em không có cha » thì bên cạnh nỗi buồn, lòng tôi đã khỏi một mối băn khoăn. Em không thể trả lời gì hết, phải chăng là vì em muốn nói rất nhiều mà chẳng hiểu nên nói làm sao ?

Dần dà tôi nhận thấy trong em bé có một sự lệch lạc rất đáng thương. Sự lệch lạc về tinh thần nầy nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển của em, một mầm non biết bao hứa hẹn cho tương lai. Tôi đã tìm đến nhà em, đã gặp mẹ em. Người đàn bà nầy phải sống những ngày đau khổ âm thầm trong khi chồng nàng phụ rẫy, bỏ nàng để theo một người tình cũ. Đã bao năm rồi, sau sự hất hủi của chồng, sau sự hất hủi của gia đình, nàng phải chịu sự hất hủi của cuộc sống khó khăn, bởi vì nàng quyết chịu đựng tất cả những nỗi cực nhọc để giữ lòng chung thủy với chồng, để nuôi nấng con cho đặng nên người. Đã năm năm rồi, bức ảnh kỷ niệm ngày cưới, nàng vẫn còn treo trên đầu giường nằm để mỗi đêm nàng có thể nghĩ đến người cha của đứa trẻ, nghĩ đến những ngày vui ngắn ngủi chóng tàn như một giấc mộng.

Người đàn bà đã cố gắng hết sức để mở rộng lòng mình bao trùm lấy con, thay thế người cha vắng khuất nhưng nàng đành bất lực vì cuộc sống chật vật đã đoạt hết thời giờ của nàng. Hơn nữa, hình ảnh phảng phất của một người cha trên đầu giường nằm đã gieo vào tâm não đứa bé những ý nghĩ những thắc mắc, những băn khoăn khao khát về một tình thương mà nó đòi hỏi không nguôi, bởi vì tình thương ấy đối với nó như một hứa hẹn kỳ lạ, một mơ ước khác thường. Tôi chắc rằng em bé ấy sẽ không có cái tâm trạng hiện giờ, nếu khi sinh ra đời em đã mồ côi cha, nếu em không có một hình bóng ở trên đầu nằm, nếu bên cạnh em không có người mẹ luôn luôn xót xa, nhắc nhở đến một người cha.

Thưa ông, tôi sợ đã nói quá dài trong khi tôi tự thấy bất lực để giải bày cho ông được rõ cái hiện trạng tinh thần của mẹ con người ấy bởi vì ngay từ đầu bức thư, ông đã rõ người mẹ, người con là ai và ở đâu rồi. Những người đau khổ ấy hiện giờ đang hướng về ông và bởi không biết rõ ông ở đâu nên họ ngóng ông khắp bốn phương trời. Tôi đã tìm một tờ báo có nhiều độc giả nhất và nhờ ông chủ báo, một người sẵn sàng cảm thông những nỗi khổ đau của kẻ khác, cho đăng tải bức thư này lên đây ngõ hầu nhờ phép mầu của sự tình cờ đem nó đến tận tay ông. Dù nó không được gặp ông, tôi hy vọng nó còn có thể gặp gỡ những người cha hờ hững khác, và bấy nhiêu đủ khiến cho tôi an lòng nghĩ rằng những dòng chân thành này không phải là văn chương phù phiếm.

Tôi tha thiết mong ông trở lại quê xưa. Những giọt nước mắt của người đàn bà một thuở yêu đương nếu không còn làm cho lòng ông cảm động thì những tiếng khóc từ ngàn dặm của đứa con vẫn có thể làm ông nát ruột tan lòng. Ông nên trở

về. Con ông sẽ khỏi tìm nơi vắng vẻ âm thầm gọi lên một mình những tiếng « cha ! cha ! » bỡ ngỡ lạ lùng để tự tìm trong những âm hưởng xa xôi kia những nguồn an ủi... »

Kính bút,
Lê-văn-Nam

Cặp mắt lờ đờ của Nguyễn-Lưu bỗng dần dần ướt sáng và con người chán chường kia bỗng thấy lòng xao động, băn khoăn. Anh cầm tờ báo trên tay run rẩy, đọc vội vàng rồi lại đọc chậm chạp, tâm hồn bàng hoàng như vừa thức tỉnh sau một giấc ngủ mệt mề chứa toàn ác mộng. Từ đáy lòng tưởng như khô cạn dâng lên một nỗi buồn thương nghẹn ngào. Anh lẩm bẩm : « Nguyễn-Lưu nào đây ? Có biết bao nhiêu người cùng gọi trùng tên... nhưng dù bức thư có gởi cho một người nào khác cũng là gởi đến đến cho ta.., Một sự dun dủi hết sức tình cờ... ». Anh lật tờ báo tìm xem ngày tháng...

— Trời ơi ! đã ba năm rồi !

Anh kêu lên ai oán. Đã ba năm rồi, bức thư này mới lạc đến tay anh.

... Người thầy giáo ở làng quê kia đã gởi bức thư này cho anh, sau khi anh đã vào tù mấy tháng. Số phận trớ trêu đã xui khiến người lính nào đó đem dán nó vào sau bức địa đồ cho nó âm thầm nằm đấy suốt ba năm trường để ngày nay lại buộc tay anh gỡ xuống. Cuộc đời phải chăng thường được dệt nên bằng những ngẫu nhiên hết sức lạ lùng ? Và định mệnh là một bàn tay kỳ diệu hay một hung thần quái ác ?

Đã ba năm rồi ! Bao nhiêu người cha đã trở lại với gia đình ? Bao nhiêu Nguyễn-Lưu đã tìm lại vợ con đau khổ của mình ? « Riêng chỉ mình ta, người mà bức thơ trực tiếp gởi đến, là còn lạc loài... » Đã ba năm rồi ! Người mẹ và đứa con giờ đã ra sao ? Lưu lạc khốn cùng hay vùi thây dưới đất ?

Vài giọt lệ đột ngột của một mối xúc cảm bất ngờ bị kiềm nén bây giờ mới từ từ chảy xuống đôi má hóp sâu, trắng bệch một màu bịnh hoạn.

Nguyễn-Lưu lết lại đống giấy, sờ soạng trong lớp địa đồ nhàu nát, gỡ tất cả những miếng báo đã cũ dán ở phía sau và vội vàng, hối hả anh lướt qua từng mục, từng cột, hy vọng tìm gặp một tin tức nào khác có liên hệ đến anh, có nói gì đến những người ở nơi quê xa, người mẹ và người con, để rọi thêm một ít tia sáng vào tâm hồn u uất của anh. Anh xáo lại đống báo, đọc qua lần nữa, vì ngại rằng mình có thể bỏ sót, nhưng không, cuộc đời có biết bao nhiêu điều phức tạp và báo chí chẳng phải để nói lên những chuyện riêng anh.

Bỗng anh dán mắt vào một hình vẽ quảng cáo của một nhà sản xuất bột gạo cho trẻ con : đó là người mẹ bồng con, vẽ bằng những nét bút đậm nhưng kém linh hoạt nên chẳng có chút gì tươi tắn. Tuy vậy, trong khung cảnh này, đó là một nguồn an ủi đối với Nguyễn-Lưu. Đã mấy năm rồi, Nguyễn-Lưu chưa được nhìn thấy một hình ảnh êm dịu, thế này... Người mẹ hiền lành bên đứa con ngoan ngoãn, có lẽ đó là cái hình tượng đẹp đẽ nhất của sự sống, tiêu biểu cho những gì là âu yếm, là dịu dàng, là nhẫn nhục, hy sinh. Trong khung cảnh khô héo này bức ảnh bỗng như tỏa ra một ánh sáng kỳ diệu của tình thương bao la nhưng đồng thời cũng khơi dậy ở lòng Nguyễn-Lưu những cơn giày vò của lòng hối hận...

Anh nhẹ nhàng xé rời bức tranh vẽ ra khỏi tờ báo và đưa lên ánh sáng nơi cửa sổ. Bức tranh đã quá cũ rồi. Thời gian đã làm cho màu giấy trắng bệch, hơi vôi đã làm cho chất giấy bở mềm, nhưng không sao làm tan được những nét dịu hiền của lòng mẹ thương con. Nguyễn-Lưu hy vọng tìm xem còn bức vẽ nào khác tương tự như thế nhưng trong gian phòng vắng vẻ chỉ có anh và hai mẹ con trên giấy, hai mẹ con đã nhàu, đã cũ nhưng vẫn còn vui vẻ bên nhau như hai mẹ con trong tâm não của anh hiện giờ.

*

— Này ! Lưu ! Lưu !... La cái gì dữ vậy ?

Lưu ú ớ ít tiếng nữa rồi nín lặng vì bị lay quá mạnh nhưng anh vẫn mệt mề. Người bạn nằm gần chồm dậy, cúi sát vào mặt anh, nói nhỏ :

— Thấy cái gì mà kêu la quá vậy ? Không khéo sáng ngày bị giam phạt cả phòng thì chết. Này, Lưu...

Lưu mở mắt, trừng trừng nhìn lên trần nhà phòng giam, hồi tưởng đến cơn mơ dữ dội vừa qua. Người bạn ghé sát tai anh :

— Kêu như cắt cổ vậy đó. Thấy những gì ?

Lưu không nói. Anh đặt tay lên ngực, ngoẹo đầu sang một bên, thở dài nặng nề. Trong cơn mơ anh đã trở về làng cũ bây giờ xơ xác, tiêu điều. Tìm đến vườn xưa chỉ còn trơ lại một cái nền vắng lạnh ở giữa đọng một vũng máu đen ngòm. Khi bước lại gần, vũng máu cũng từ từ thoát chảy thành một dòng ngoằn ngoèo qua các lối đi và máu như cuốn hút anh theo. Anh thấy bóng mình mờ mờ trong máu và máu dẫn anh đi đến một bãi tha ma hoang vắng chỉ có hai nấm mồ trơ trọi.

Anh đứng bơ vơ, cảm thấy được tất cả nỗi cô độc của mình rồi anh khóc lên, nước mắt thấm xuống đáy mồ hiện ra hai nhắm xương, không, hai cái mặt người đang rên rỉ... Anh muốn ôm lấy hai khuôn mặt kia nhưng không làm sao đến được, càng đến càng xa cho đến một lúc hoảng hốt anh thấy mình lặn ngụp trong vũng máu ban đầu mà không sao thoát khỏi giây phút hiểm nghèo. Anh vùng vẫy, kêu la, gào thét...

Trong bóng tối dày đặc của phòng giam, anh như thấy rõ hai con mắt hóm sâu đang thân ái nhìn anh chằm chặp, đầy vẻ lo âu, và cặp môi bị đôi má hóp làm cho xệch xuống đang mấp máy nói gì...

Mắt và môi ấy là biểu hiệu tình thương của những tù nhân, tình thương ấy phát sinh từ bốn bức tường đá để làm dịu bớt nỗi chán nản của lồng giam, để làm bớt bén nhọn những cây chông sắt cắm ở quanh thành.

Lưu nằm yên, không nói. Người bạn nghe hơi thở của anh đã đều hòa, sẽ đưa tay sờ lên trán anh, vuốt sạch những giọt mồ hôi rồi nhẹ nhàng nằm xuống bên cạnh. Người bạn tự bảo : « Tội nghiệp ! mấy tháng nay anh đã mất vẻ lờ đờ chán nản ngày xưa nhưng lại luôn luôn hốt hoảng, băn khoăn như một người quẫn trí... »

Lưu cố ngủ lại nhưng không sao ngủ được. Anh cố nghĩ xem giấc mộng hãi hùng xuất phát từ đâu...

Như tất cả những cảnh bi đát của cuộc đời, giấc mơ của Lưu cũng chứa đầy máu, nước mắt và mồ hoang. Lưu nghĩ

đến những vũng máu đã đầy anh vào chốn ngục tù, và bao nhiêu hình ảnh ngày nào lại hiện ra rõ ràng trước mắt trong nỗi chua chát, xót xa. Anh nhớ lại từng nét trên mặt người đàn bà mà xưa kia anh đã say đắm đến nỗi bỏ vợ, bỏ con, lìa xa quê hương. Nét mặt yêu kiều là thế, duyên dáng là thế, sao bây giờ trông gớm ghiếc lạ lùng. Bởi vì, ẩn sau vẻ mặt hoa kia, có một tâm hồn rắn độc. Và cái dáng điệu đều giả của thằng bạn khốn nạn lại hiện rõ dần lên bên cạnh người đàn bà.

Cả hai sắc diện ấy đã đến trong đời anh vào lúc thời vận anh xuống dốc, buôn thua bán lỗ. Vợ và bạn, tình và tiền, bấy nhiêu nhân vật và sự việc đã là cái đề tài muôn thuở cho bao tấn bi kịch của xã hội, bao giờ mới được chấm dứt ?

Nhớ lại cái ngày anh sạt nghiệp, ngồi rầu rĩ như một miếng vải cũ rách, thằng bạn ấy đã đem tiền đến cho anh vay mượn và nói :

— Tôi rất buồn lòng khi hay tin anh suy sụp như vậy, khuyên anh chớ có chán nản, ta nên bền lòng nhẫn nại, thất bại là mẹ đẻ của thành công...

Và quay sang vợ anh nó dọn một vẻ mặt rất hiền hậu và nói bằng một giọng ngọt ngào :

— Anh chị cứ xem tôi như bà con thân thuộc. Không chắc gì ai giàu sang mãi đâu, bạn bè là nhờ nhau trong lúc hoạn nạn. Bây giờ tôi giúp anh chị, ngày sau anh chị giúp tôi...

Vợ anh chớp chớp hai mi mắt có vẻ nghẹn ngào cảm động. Và anh cũng vậy, anh cũng cảm động, nghẹn ngào. Thế mà, anh đã run lên trong một sự tức giận mãnh liệt cái ngày anh thấy vợ anh nằm gọn trong tay của nó. Anh đã thét lên như tiếng gầm của con hổ dữ bị thương :

— Đồ phản bội ! Bay phải chết...

Răng anh nghiến lại ken két, mắt anh đỏ hực như sắp trào máu và người rung chuyển khiến lưỡi dao anh đâm xả vào hai người không giết được một mạng nào. Máu ! máu đã toé lên, tuôn ra từng vòi, rót xuống từng dòng... máu đã làm nên sự sống của những kẻ trước đây mười phút anh còn cho là những tâm hồn gần gũi nhất của đời anh ! Anh nhớ lại khi anh cầm lưỡi dao hằm hằm thì gã đàn ông không chút bối rối, không tiếng kêu la và không tránh trớ. Hình như nó thấy rằng nó thật đáng chết và điều ấy đã làm cho anh không đâm trúng nó.

Ngày nào Nguyễn-Lưu hối tiếc vì không giết được cả hai bây giờ nghĩ lại mới thấy là điều may mắn. « Nếu cả hai đều chết thì bao giờ ta mới ra khỏi nơi đây... ? » Máu sẽ đưa anh vào bãi tha ma hay vào chốn ngục tù sầu thảm nầy ? Lưu lẩm bẩm : « Giết người để làm gì ? Để thỏa lòng tự ái cuồng dại, để sa thêm vào vòng tội lỗi ? Dù sao sự phụ bạc kia cũng là quả báo của đời ta... Nhưng cuộc sống vẫn có thể sửa đổi... cuộc sống vẫn có thể sửa đổi... »

Bỗng người bạn tù quay sang :

— Sao ? Chưa ngủ lại à ?

Lưu đáp lại, giọng nói hiền lành và gắng gượng như một người đau vừa dậy :

— Chưa. Còn anh ? Vẫn thức à ?

— Vẫn thức.

— Nghĩ gì vậy ?

— Chẳng nghĩ gì hết. Còn gì để nghĩ nữa và nghĩ để làm gì ? Tôi thường nghe nói người tù bị giam trở lại hối hận tội lỗi bởi vì đã tìm ra lẽ phải... Không, sai bét. Bây giờ, người ta hối hận vì đã không khéo léo hơn để khỏi vào tù. Sau này, ra khỏi nơi đây, nếu người ta không tái phạm là chỉ vì không còn đủ sức mà thôi... Sự giam nhốt, sự đày dọa con người không phải là những phương pháp sửa trị.

Lưu nín lặng một lát rồi nói :

— Cũng tùy người, tùy cảnh anh à...

Và thở dài, anh tiếp :

— Dù sao cũng phải ra khỏi nơi đây :

Người bạn vụt ngồi dậy :

— Ra khỏi nơi đây ? Khó lắm .. Chỉ có một cách : vượt ngục, nhưng vượt làm sao ?

Anh lắc đầu, ngồi yên. Trong cảnh tối tăm, âm thầm, cả hai cùng nghĩ đến một quê hương xa vời...

★

Một buổi sáng, vào dịp cuối năm, Nguyễn-Lưu được gọi lên văn phòng Quản-Đốc. Anh bước chậm qua sân trại giam leo lên bực cấp, tiến vào một dãy hiên rộng, nghe chân mình vang nhẹ trên lối đi lạnh lẽo của tường cao cửa dày và bỗng nhớ lại buổi sáng xa xôi anh bước theo viên Hạ sĩ để lên quét dọn văn phòng. « Đã hai năm rồi ! Ta mới đi lại quãng đường ngắn ngủi này ! Chao ôi ! Hai năm trôi qua »... kể từ ngày anh bắt gặp bức thư lạc loài gởi đến cho anh trên một tờ báo cũ. Bây giờ anh mới cảm thấy rõ rệt cái đau khổ chính của người tù là đành chịu đứng lại bất lực để cho thời gian lướt qua trên cuộc đời mình.

Viên Quản-Đốc nhìn anh đứng khép nép ở một góc tường bằng cặp mắt dịu hiền khác với thường ngày rồi cất giọng rồ rồ của một thứ máy xe đã cũ, ông hỏi :

— Anh là Nguyễn-Lưu ? Số bốn ngàn hai trăm mười chín ?

— Dạ.

— À, tôi cho anh biết một tin mừng... Sau một thời gian theo dõi, nhận xét, chúng tôi thấy anh đã thay đổi rất nhiều. Chúng tôi đã ba lần đề nghị xin ân giảm cho anh cùng một số người khác... Lần này, ở trên đã chuẩn y và anh được phóng thích... Anh cầm giấy này trở về nhà giam, trình lại với trưởng phòng rồi thu xếp trong mười lăm phút, xong, lên đây nhận giấy ra cửa.

Ông dịu giọng, tiếp :

— Tôi mừng cho anh và chúc anh trở lại xum họp với gia đình... Đã năm năm, anh sống ở đây, tôi đã hiểu rõ anh rồi. Cuộc đời của anh phải tốt đẹp như bao nhiêu cuộc đời của những kẻ may mắn khác. Đây cầm lấy giấy phóng thích đã đến sớm cho anh hai năm bốn tháng, kết quả của lòng thanh tâm cải hối, của sự thiết tha xây dựng lại cuộc đời nơi anh.

Nguyễn-Lưu run run đưa hai tay đỡ lấy miếng giấy nhỏ vàng, muốn nói những lời cảm tạ nhưng nước mắt từ đâu tuôn tràn xuống đôi má hóp làm đôi môi mấp máy, nhưng lòng đã nghẹn ngào...

★

Từ chân trời xa, rạng lên một vệt sáng dài báo hiệu một ngày trở lại.

Người bạn nghèo vịn vai Lưu, khẽ hỏi :

— Năm đã sắp tàn rồi, anh đi về đâu ?

Lưu im lặng một phút, nhìn người bạn đứng chìm khuất trong bóng tối của mái tranh nghèo và nói bằng giọng run run, cảm động :

— Tôi sẽ trở về quê cũ... nơi mà tôi đã bỏ ra đi từ ngày xưa...

— Chắc gì anh còn gặp lại được ai ? Hơn nữa bây giờ anh đã nghèo nàn, khổ sở, biết đâu...

Người bạn nín lặng, cảm thấy lỡ lời và tiếp vội vàng :

— Thôi, anh ở lại đây cùng chúng tôi. Nhà tôi dẫu nghèo nhưng ta cũng có thể đùm bọc nhau qua ngày. Anh ở lại đây, qua Tết sẽ lại kiếm việc mà làm.

Lưu cố giữ giọng bình thản ;

— Anh để tôi về... Tôi đã bỏ vợ, bỏ con lâu ngày quá rồi, anh à... Biết anh không có quần áo Tết nhưng giờ đây tôi chỉ xin anh một bộ đồ cũ chưa đến nỗi rách lắm để về lại quê xưa cho bớt vẻ tồi tàn. Tôi nhất quyết phải về, cảm ơn lòng tốt của anh, nhờ trời một ngày kia chúng ta sẽ lại gặp nhau...

Nguyễn-Lưu đỡ bộ quần áo của bạn trao cho, cảm động, nghẹn ngào. Hai người nhìn nhau giây lâu, không nói nửa lời rồi Lưu vuốt nhẹ trên cánh tay bạn thay cho một lời giã từ và cuối đầu bước ra.

Người bạn ái ngại đứng nhìn theo bóng anh thui thủi trên con đường làng vắng vẻ. Khi anh đã mất hút sau lũy tre ở bờ xa, người bạn bất giác thở dài, lầm bầm :

— Trở về .. e đã quá chậm rồi chăng ?

✶

Khi Nguyễn-Lưu về đến đầu làng thì trời đã chiều...

Con đường làng xưa bây giờ khác lạ lắm rồi. Cái gì cũng đã đổi thay, những ngôi nhà nhiều hơn, những hàng cây cao hơn ở hai bên đường. « Ồ ! Đã hơn mười năm rồi, còn gì ! » Nguyễn-Lưu tự nghĩ và cảm thấy thời gian trôi đi mau quá. Trên con đàng vào các lối xóm, anh gặp nhiều người quen thuộc, bà con, nhưng không ai nhận được ra anh. Anh biết mình thay đổi quá nhiều, những mối tình phụ rẫy, những nghề nghiệp táo bạo, những năm tù đằng đẵng vừa qua, bao nhiêu chao đảo của cuộc đời đã tàn phá con người anh, khiến ngày nay anh tự thấy xa lạ đối với quê xưa mà anh đã bỏ ra đi một ngày cũ, không chút tiếc thương.

Thỉnh thoảng trong số người bận rộn đi thăm viếng, đi cúng lễ vào buổi chiều cuối năm cũng có kẻ ngỡ ngàng nhìn anh giây lát rồi lại quay đi. Đấy là những bạn thân ngày xưa, anh muốn kêu lên, ôm chầm lấy họ nhưng một sự buồn tủi ngăn giữ anh lại. Họ còn tươi trẻ quá mà anh thì có vẻ già cỗi lắm rồi, họ ăn mặc sang trọng, còn anh thì hết sức nghèo nàn... Anh nhìn bộ đồ cũ kỹ của mình, bộ đồ xin của người bạn hiện đang sống trong cảnh khốn cùng. « Có lẽ họ không bao giờ ngờ rằng ta lại thay đổi đến như thế nầy ». Quê hương tự nhiên đối với anh trở nên xa lạ, lạnh lùng. Nhưng không, vợ anh, con anh đang âm thầm chờ đợi anh kia, sự sống của anh bắt nguồn từ đó và từ đó sự sống sẽ tỏa ra làng mạc, quê hương. Anh lại bước nhanh hơn. Tiếng pháo tất niên giòn giã nổi lên, kích động lòng anh những nỗi niềm hoang mang khó tả.

Qua một ngã ba, anh rẽ quặt bên trái để theo con đàng dẫn đến vườn nhà thì

bỗng anh thấy mấy người đàn bà đi đến, dịu dàng trong lớp áo màu. Tự nhiên anh dừng lại rồi anh cúi đầu bước xuống một cái ao bèo bên cạnh đường đi, lúi húi rửa chân. Thời tiết cuối đông lạnh lẽo nhưng anh không cảm thấy nước như lưỡi dao ngọt đang cắt da thịt mình. Khi độ chừng những người kia đã qua khỏi, anh mới ngước lên, nhưng họ đi chậm quá vì mắc chuyện trò và mỗi người trong tay còn ôm những gói đỏ xanh, những hộp, những trắp sơn màu loè loẹt... Thoáng thấy mặt người sau cùng, anh suýt kêu lên nhưng may thay, anh ghìm lại được. Phải rồi, chính nàng, chính người đàn bà ấy, ngày xưa... Vẫn khuôn mặt hiền hậu ấy, vẫn dáng đi dịu dàng kia, vẫn đôi vai xuôi xuôi và cái nhìn khiến cho đầu như cúi xuống bước chân...

Nàng mặc chiếc áo màu nâu tươi, nổi bật giữa sắc áo xanh lơ, hồng lợt, vàng tơ, của mấy người bạn đồng hành. « Nàng vẫn không khác hơn xưa bao nhiêu... » anh tự nhủ và không hiểu lòng mình đang vui hay đang buồn. Bỗng, anh nghe nàng cười, sau câu nói đùa của một người bạn. « Nàng cười ?... Nàng cười... Đời nàng đâu có héo hắt như ta vẫn tưởng trong bấy lâu nay ?... » Nguyễn-Lưu ngồi bệt xuống bờ cỏ, cảm thấy mệt mỏi khác thường. Khi anh quay lại, những sắc áo màu đã khuất sau một ngả rẽ, anh chợt cảm thấy tất cả sự hẹp hòi vô lý của lòng mình. Anh chống gối đứng lên, vội vàng bước đi.

Nhà anh đã hiện ra kìa... Không phải chỉ còn trơ cái nền vắng lạnh như hình ảnh trong giấc mộng một đêm nào khi anh còn ở trong tù. Vẫn ngôi nhà nhỏ ngày xưa, mái tranh đã cũ nát nhiều hơn nhưng cái sân, thửa vườn gọn gàng, sạch sẽ, xinh xắn hơn xưa. Anh dừng ở cổng, ngập ngừng, rồi anh bước vào, trong dạ nôn nao. Cửa đều khép kín. Ở gian chái, thấy một cánh cửa khép hờ, anh đẩy nhẹ vào Một tiếng hỏi của trẻ con :

— Ai đó ?

Anh không đáp « Nói thế nào đây ? » Anh tự hỏi mình và không tìm được câu trả lời. Lưỡng lự một phút, anh bước vào nhà. Một đứa trẻ đang nằm trên chiếc giường gỗ mà anh nhận biết chiếc giường anh đã nằm ngủ ngày xưa, đắp trên mình một chiếc chăn mỏng. Thấy anh, nó ngồi dậy, lễ phép chào :

— Thưa ông.

Anh đứng yên, cảm thấy bỡ ngỡ khác thường Trái với những điều anh dự tính, không phải anh ôm choàng lấy con anh, ôm lấy vợ anh vào lòng mà khóc... Giữa người đàn bà mặc áo nâu tươi, ôm cái hộp sơn xanh, cười ở trên đường với người đàn bà trong tâm não anh bấy lâu nay, khác nhau xa quá. Và giữa đứa bé hiền từ, gần như người lớn, kính cẩn gọi anh bằng ông, với đứa con mà anh hằng nghĩ đến, xa cách biết là bao nhiêu.

— Mời ông ngồi trên ghế. Má em đi vắng.

Anh ngơ ngập một lát rồi hỏi :

— Má em đi đâu ?

— Má em đi tết thầy.

— Rồi đứa bé nói tiếp, cẩn thận như một người đứng tuổi :

— Định đến mồng hai mới đi kia, nhưng nghe tin thầy giáo em không ăn Tết ở đây nên má em với mấy bà trong xóm vừa rủ nhau đi... Mời ông ngồi chơi... Cháu bị cảm mệt không thì cháu đã đi theo má cháu rồi. Xin lỗi ông, cho cháu nằm xuống nghỉ ạ.

— Em... nghỉ...

Anh ngồi xuống chiếc ghế, tự hỏi tại sao mình không thể nói được : « Thôi, con hãy nằm xuống đi cho khoẻ. »

— Ừ, tại sao mình không thể nói : « Con — nằm — xuống — đi — cho khoẻ, — nghe — con ! »

Anh lầm nhầm lặp lại trong trí mình câu nói ấy, một lần, hai lần, bốn năm lần như thế nhưng mỗi lần nó lại vọng ra một âm hưởng xa vời... Anh muốn bước lại sờ trán đứa bé, đắp mền cho nó, nhưng anh vẫn cứ ngồi yên.

« Ta bỏ đi từ lúc nó mới lên hai.. bây giờ nó đã trên mười hai tuổi rồi, làm sao nó biết được ta ? « Nghĩ vậy, anh lại càng thấy mình xa lạ trong ngôi nhà này. Bỗng anh nhớ đến tấm hình chụp hồi mới cưới, tấm hình mà bức thơ trên tờ báo cũ đã khơi dậy ở lòng anh biết bao kỷ niệm, biết mấy giày vò. Nhưng trên đầu giường, trên mặt bàn, trên cái tủ nhỏ vẫn không thấy một ảnh hình nào cả. Anh gợi ý :

— Ta... là... à... bác là người... bà con họ xa với má cháu, nhân về quê ăn Tết, bác ghé lại thăm. Đã lâu không gặp má cháu chẳng biết bây giờ có mạnh giỏi hay không... Má cháu có bức ảnh nào ở nhà đây không ?

— Thưa không, nhiều lần các bà trong xóm đến rủ đi chụp hình trong những dịp có thợ về làng nhưng má cháu từ chối, bà sợ tốn tiền... Bà bảo : « Thêm một chục tấm hình cũng chẳng thêm được cái gì, để tiền ấy mua gạo ăn có hơn mười ngày, ông à... »

Rồi như sực nhớ, nó nói tiếp :

— À... chỉ có một cái hình đã cũ ghê thôi...

— Treo ở đâu ?

— Cháu nhớ trước kia hay để trên đầu giường, nhưng bây giờ má cháu cất đi rồi. Ở, bỏ trong cái hộp gỗ trong tủ này.

Tấm hình không còn treo ở đầu giường! Một ý hồ nghi khuấy rộn lòng anh. Anh nhìn lại khắp nhà... Khắp nhà, không có gì chứng tỏ sự hiện diện của một người đàn ông nào khác.

Đứa bé trườn lên đầu giường, với tay mở lấy cánh cửa tủ, lôi ra một cái hộp gỗ đã cũ, sục sạo tìm tấm hình đưa cho ông khách rồi lại nằm xuống.

— Cháu có biết người nào ngồi bên má cháu đây không ?

Đứa bé ngập ngừng một giây, rồi đáp, giọng nói dịu ngọt khác thường :

— Má cháu bảo là ba cháu đó.

— Ba cháu bây giờ ở đâu rồi ?

Đứa bé ngước nhìn anh, thoáng trong đôi mắt có một vẻ gì ửng sáng rồi vụt tắt. Giọng nói của nó trở lại cái vẻ thản nhiên ban đầu :

— Không biết. Lúc cháu mới hai tuổi thì ông ấy bỏ đi, lấy vợ khác, ông à ! Má cháu nói chắc đã chết rồi...

— Cháu có thương ba cháu không ?

Anh gắng gượng hỏi như vậy và sau câu hỏi tự cảm thấy mình đã dại dột phiêu lưu vào một chỗ hiểm nghèo.

Đứa bé lại làm thinh không trả lời, chăm chăm nhìn anh rồi bỗng nhiên anh thấy cặp môi nó nhếch lên trong một nụ cười khó hiểu. Nụ cười như lưỡi dao nhọn đâm vào tấm lòng người cha của một nhát thật sâu. Anh không dám can đảm nhìn thẳng vào tấm hình anh ngày xưa, và anh cũng tránh cặp mắt của người đàn bà trong hình. Anh đặt nó trên đầu tủ và bỗng nhiên anh thấy lo ngại sẽ gặp người đàn bà trở về đúng giữa lúc nầy.

— Má cháu bao giờ mới về ?

— Gần tối, ông ạ. Má em bảo vậy, đi thăm thầy giáo rồi đi thăm nhiều chỗ nữa.

— Năm nay cháu học lớp mấy ?

— Cháu vừa đậu tiểu học xong, thầy giáo bảo ở nhà thầy dạy thêm rồi sang năm thầy giúp đỡ lên tỉnh học ban Trung-học, dỡ được một năm.

— Thầy giáo nào mà tốt vậy ?

— Thầy giáo dạy cháu ở trường làng đây, thầy tốt lắm ông à !

— Thầy chỉ thương mình cháu thôi sao ?

— Học sinh nào thầy cũng thương cả. Thầy giúp đỡ cho những học sinh nghèo và mồ côi nhiều nhất, vì vậy, nên thầy cũng nghèo. Má cháu bảo nghèo thế mà đáng quí đáng trọng lắm. Ở làng đây ai cũng yêu mến thầy của cháu cả.

Mấy tiếng « Thầy của cháu » thốt ra từ miệng đứa bé, nghe sao chan chứa cảm tình !

— Thầy của cháu tên gì ?

Anh lặp lại ba tiếng «Thầy của cháu » một cách chua xót.

— Ông Lê-văn-Nam.

— Dạy ở đây đã lâu chưa ?

— Lâu lắm rồi ông à. Năm sáu năm rồi kìa.

Từ ấy đến nay đã năm năm rồi, và thầy giáo kia còn dạy nơi đây ..

— Cháu à, Thầy giáo có vợ con gì chưa ?

— Nghe nói vợ thầy đã chết từ lâu nhưng thầy ở vậy không cưới vợ nữa.

— Em có ngại thầy giáo cưới vợ rồi thầy hết thương học sinh không ?

Đứa bé mỉm cười. Nó nhìn hơi lâu vào anh với một vẻ ngạc nhiên thú vị của một người được dịp trình bày cho kẻ khác hiểu rõ cái giá trị của vật mà mình yêu quý :

— Chúng em không bao giờ nghĩ vậy, ông à. Chúng em ai cũng muốn cho thầy có vợ. Thầy có gia đình vui vẻ thầy lại thương chúng em hơn chớ !

— Thầy có hay đến thăm em không ?

— Thỉnh thoảng thầy đến, ông à. Thầy cho em nào quà, nào sách...

Nguyễn-Lưu cảm thấy hết sức ngượng ngùng. Bởi vì anh trở về đây với hai bàn

tay không. Dọc đường anh đã nghĩ đến một món quà cho con, nhưng anh chỉ còn một số tiền rất nhỏ để ăn đi đường, anh tin cái sự sum họp sau những năm xa cách sẽ ngon lành hơn bất cứ món quà nào trên thế gian này !

Giờ đây, anh mới cảm thấy hình ảnh người cha đi xa về với hai tay không thực là vô duyên, lạt lẽo, lạnh lùng. Sự nghèo nàn đâu phải là điều xấu, nhưng nếu không có món quà vật chất, ít ra anh cũng phải đem về cho con món quà tinh thần.

Người cha quần áo tả tơi, mồ hôi và máu đầy mình từ chốn chiến trường trở về cũng làm cho lòng con hoan hỉ bởi vì người ấy đã mang trên người bao nhiêu chiến thắng, biết mấy hy sinh. Còn anh, anh đem về gì đây, nếu không phải là hình ảnh những phía xấu của cuộc đời ?

Tự nhiện, anh cảm thấy thấm thía rằng anh càng hỏi thêm đứa bé, anh càng xa thêm nó mãi. Anh đứng lên, cố gắng lại bên giường nó, và bằng một giọng run, run, anh cúi xuống gần :

— Cháu mệt, không nên nói nhiều... nằm mà nghỉ, cháu Sinh !

Anh muốn gọi cái tên ngày xưa anh đã đặt cho nó để gợi lên một âm hưởng thiêng liêng có thể xua tan bao nỗi nặng nề trong tâm hồn. Nhưng, đứa bé đã lên tiếng :

— Cháu không phải tên Sinh, ông à. Tên Sinh là ngày xửa ngày xưa má cháu hay gọi. Nhưng từ khi đi học, thầy giáo cháu đã đặt cho cháu cái tên khác rồi. Tên Thương, cháu là Nguyễn-Thương, ông ạ.

Anh đứng lên, tưởng chừng như không gượng nổi trên cặp chân đã mỏi vì đường dài bây giờ đã mềm đi vì thần kinh không điều khiển được. Anh đã xa thêm con anh một bước nữa rồi, một bước khá dài có thể tách hẳn anh ra khỏi cuộc đời của nó. Cái tâm hồn không còn thuộc về anh, giờ đây cho đến cái tên cũng không thuộc về anh nữa. Anh thấy cần phải bước ra khỏi nơi đây, nơi đây là nhà anh, là vợ, là con anh, nhưng bóng hình anh không còn dấu vết và tự nhiên anh thấy anh không có quyền gì nữa trên những cuộc đời mà anh đã tự tách ra khỏi sớm quá.

Anh bước ra gần cửa, quay lại, nói rất nhỏ :

— Thôi, bác đi...

— Bác cho cháu biết là ai, để cháu về thưa lại với má cháu...

— Thôi... được, ra Tết bác sẽ lại thăm. Qua năm mới bác chúc mẹ cháu và cháu sức khỏe, cháu học hành tấn tới, bác mừng... bác chỉ trông mong có vậy mà thôi.

Mãi bây giờ anh mới thấy mình nói được một câu lưu loát và anh buồn rầu hiểu rằng là vì bây giờ tiếng « bác » của anh không phải là một sự ép uổng !

Anh toan ra khỏi, bỗng anh đến gần chiếc tủ :

— À quên, để bác cất lại cái hộp vào trong tủ cho cháu.

— Được, để cháu lo...

Đứa bé toan nhổm dậy nhưng anh đã nhẹ nhàng đẩy nó nằm xuống :

— Cứ nằm cho khỏe, để bác xếp dọn cho, kẻo má về má sẽ la cháu...

Và anh đậy cái hộp lại cẩn thận, đặt nó vào ngăn trong, khép cửa tủ lại rất chu đáo, nhưng đã gọn gàng bỏ cái ảnh vào túi áo của mình trước khi rời khỏi ngôi nhà.

★

Hoàng hôn của một buổi chiều cuối năm sụp xuống rất mau và quang cảnh đường làng trở nên vắng vẻ âm thầm. Một trận mưa lai rai kéo thêm về một ngọn gió bấc lạnh khiến cho khung cảnh gia đình sum họp chung quanh bếp lửa nấu bánh chưng trở nên ấm áp, đậm đà khác thường.

Nguyễn Lưu đi lang thang trên các ngả đường và anh nghĩ rằng một khi năm tàn, đêm tối trở lại, gió bấc lạnh về thì bên bóng hình của hai mẹ con, người cha có thể tìm lại chỗ ngồi bỏ vắng từ xưa. Trong bóng tối của đêm ba mươi, anh sờ soạng men theo lối cổng để tiến đến nhà. Anh đứng ngoài, nhìn qua khe cửa thấy hai mẹ con đang ngồi bên nhau, những đôi mắt long lanh ánh lửa, một nồi bánh chưng đặt ở giữa nhà. Cả hai đều không nói năng gì, im lìm trong mối tình mẹ con thâm thiết mà sự lặng thinh làm tăng thêm ý nghĩa thiêng liêng.

Anh gõ vào cánh cửa. Người con kêu lên :

— Thầy của con đến !

Người mẹ cũng tiếp theo :

— Chắc thầy giáo đến thăm mẹ con ta !

Rồi cả hai dìu nhau tiến về phía cửa. Nguyễn Lưu lùi lại, lùi lại như một tên trộm sợ người ta bắt gặp quả tang. Cánh cửa vụt mở, hai cái đầu ngong ngóng nhìn ra như cố tìm trong bóng đêm dày đặc một hình ảnh mong đợi Hình ảnh ấy, Nguyễn Lưu tự biết rằng không phải là anh.

Người con nói :

— Có lẽ con chim nào gặp lạnh muốn đến gõ cửa nhà ta đó mẹ.

Người mẹ im lặng giây lâu, cặp mắt vẫn nhìn vào đêm tối, trả lời :

— Thầy giáo nghe con đau, nói thế nào cũng phải đến thăm con vì ngày mai thầy phải đi sớm.

— Thầy con không hứa thì thôi, chứ đã hứa là chắc chắn.

— Thôi, con vào đi kẻo trúng gió. Đau mà chẳng chịu nằm.

— Con nghe thầy con đến, con hết đau rồi má à. Má cứ để cửa, đừng đóng lại, thầy con thấy sáng ông ta mới vào.

— Ừ, mà khép sơ lại thôi. Mẹ con ta đi vào.

Nguyễn-Lưu nép mình vào bên tường, không hề cảm thấy những giọt mưa lạnh thấm qua lớp áo mỏng. Từng luồng gió thổi, người anh run lên nhưng anh không biết rằng anh đã run lên vì lạnh. Anh đã cố tình xem thử sự xuất hiện của anh lúc chiều có gợi lên trong gia đình kia một thoáng nghĩ nào không, nhưng không, người ta đã yên tâm rằng anh không thể trở về và cuộc đời đã trở lại cái trật tự mới, đã có những sự bình tĩnh, những nỗi yên vui và trước những giá trị tinh thần mất mát người ta cố đi tìm những cái mới thay vào.

Nguyễn-Lưu sực nhớ mình chưa ăn gì từ trưa đến giờ, ruột anh cồn cào nhưng anh không nghĩ rằng vì đói. Bỗng cánh cửa lại mở, một bóng người đàn ông bước vào, một tiếng kêu, không, hai tiếng kêu

vui mừng cùng thốt lên một lúc rồi cánh cửa lại khép.

Nguyễn-Lưu men lại gần một kẽ hở cố nhìn rõ mặt người đàn ông, nhưng người này xây lưng lại nên anh không sao thấy được. Nét mặt hai mẹ con đều trở nên tươi tỉnh, linh hoạt. Người đàn ông kéo đứa bé vào lòng, sờ vào đầu nó và nói những lời an ủi rất dịu dàng :

— Thưa bà, nghỉ Tết rồi hãy để cho em nghỉ thêm vì em cần phải tĩnh dưỡng. Em học rất thông minh, tương lai của em sau này bà khỏi phải lo. Thông minh và có chí, em sẽ thành công. Nhưng này Thương, tuy thế em không bao giờ được tự cho là đầy đủ, là giỏi giắn rồi...

Và người đàn bà trả lời :

— Nếu không có thầy giúp đỡ và khuyên khích, sự thực con tôi ngày nay là một đứa trẻ thất học và tôi... chắc cũng lạc loài bởi vì... bởi vì tôi không có đủ can đảm để đối phó với bao nhiêu cảnh khổ dồn dập. Ngày nay, mọi việc đã trở lại yên vui, ơn thầy...

— Thưa bà, bà đừng nói vậy, đó là bổn phận của tôi đối với bao người... Đêm nay tôi đến thăm viếng thế nầy cũng có điều phiền quấy nhưng vì nghe em đau, và lại ngày mai tôi phải đi sớm, vì tôi... được tin phải đổi đi nơi khác.

Hai mẹ con cùng kêu lên một lúc :

— Thầy đổi đi nơi khác ?

— Chưa... chỉ mới được tin thôi... nên nhân dịp nghỉ Tết này tôi tìm cách vận động để xin được ở lại nơi đây... Tôi tin rằng thế nào cũng được.

Cặp mắt hai mẹ con lại long lanh sáng như chứa chan hy vọng. Giọng người đàn ông lại tiếp tục, khiêm tốn, điềm đạm :

— Ở đâu cũng đều là học sinh, đều là đồng bào... Tuy nhiên ở đây đã quá lâu rồi, nhiều kỷ niệm đã gắn chặt tôi với xóm làng này...

Bên ngoài, gió thổi càng mạnh, lá cây càng xào xạc, bên trong nồi bánh réo sôi lên, bao nhiêu âm thanh ấy hòa hợp khiến Nguyễn-Lưu không còn nghe được gì nữa. Nhưng nhìn theo những cử chỉ chững chạc, thanh nhã, lắng nghe cái giọng nói hiền từ, Nguyễn-Lưu bỗng dần dần tự thấy mình chan chứa một mối cảm tình với người đang ngồi kia, cách anh chỉ một tấm vách mỏng manh. Sau mối cảm xúc ấy, anh tự nhiên thấy mình gần gũi với hai mẹ con hơn, y như anh với họ cùng chung một mối tâm tình. Sự gần gũi ấy để mà cách xa mãi mãi !

Khi người đàn ông đứng lên chào về thì người ấy xây lưng lại phía ánh sáng nên anh cũng không nhìn rõ được mặt, tuy vậy anh vẫn nghĩ rằng đây là một nét mặt nhiều thiện cảm nhất mà anh đã gặp trong đời. Và Nguyễn-Lưu lui dần, lui dần ra ngoài mưa lạnh trước khi cánh cửa kịp mở và lần này anh đi sâu mãi vào trong khoảng đêm đen...

*

« Kính gởi ông Lê Nam

Cách đây năm năm ông đã gởi cho tôi một bức « thơ » đăng trên mặt báo. Tôi đã được đọc thư ấy, sau đó ba năm, do một trường hợp hết sức tình cờ.

« Trong hoàn cảnh sống của tôi lúc bấy giờ, tưởng như tuyệt vọng hết cả tình đời, thì bức thơ của ông đã khơi dậy ở nơi tôi những nỗi cảm nghĩ tha thiết nhất của lòng người từ lâu đã bị cuộc sống đảo điên, giả dối làm cho vùi lấp.

« Tôi đã sống tiếp hai năm trường trong sự hối hận, trong nỗi giày vò, trong nguồn hy vọng. Trong những điều kiện mà tôi đã trải qua, bức thư ông là một sức cứu tinh đã đem tôi ra khỏi nơi hắc ám sau hai năm cố gắng thường xuyên. Xin ông ghi nhận ở đây tấm lòng biết ơn hết sức chân thành của một con người.

« Tôi đã tìm lại quê xưa, sau mười năm xa cách. Người vợ, người con, ngôi nhà và thửa vườn, tất cả vẫn còn... Hay nói đúng hơn, tất cả cái hình hài vật chất của bao nhiêu sở hữu thiêng liêng ấy vẫn còn, đối với tôi, trừ cái phần hồn chứa đựng bên trong Tôi không tìm thấy bóng hình của tôi, dù là một nét mỏng manh ở trong cảnh đó. Thưa ông, lối ấy tự tôi, vì tôi đã tự tách rời ra khỏi tâm hồn của những người mà đáng lẽ tôi phải yêu mến trọn đời, trong lúc tôi đáng lẽ phải là cái thần tượng có đủ quyền năng xây dựng ở nơi lòng họ.

« Tôi không còn nữa, vì tôi tự làm cho tôi mất đi. Và ở nơi chỗ trống trải xót xa kia, may thay đã có một người. Người ấy đã có một địa vị rõ ràng xứng đáng trong lòng của vợ con tôi. Người ấy đã đem năng lực tinh thần quý hóa, đã đem cái tình thương rộng rãi nâng đỡ cuộc đời cho gia đình tôi, bồi dưỡng cho nó sống, tiếp lực cho nó lớn. Không một cố gắng nào mất mát đi trên cõi đời này, ông chắc cũng đồng ý như vậy và chúng ta có quyền được hưởng hay ít nhất cũng ước ao được thấy những kết quả mà chúng ta đã góp phần nào cho cuộc sống quanh ta.

Tôi biết rõ lắm, ông chỉ yêu mến con tôi như yêu mến tất cả học sinh nghèo và mồ côi khác, ông đã yêu mến vợ tôi như yêu mến bao nhiêu quả phụ lỡ dở cuộc đời giữa lúc xuân xanh, lòng ông tôi biết rõ lắm vì tôi đã gặp ông rồi, tôi gặp ông trước mắt, gặp ông nơi tâm hồn của vợ con tôi và tôi cố gắng để gặp ông mãi mãi về sau này ở nơi hồn tôi.

« Thưa ông, tôi không dám viết dài... Tôi còn gì đâu nữa để viết cho dài ? Ở nơi nhà tôi, tôi đã hết rồi.

« Cái ảnh duy nhất còn lưu lại hình bóng ngày xưa của tôi cũng không còn nữa, bởi vì tôi đã lấy đi. Tôi lấy đi không phải với lòng xót xa, hờn giận nhưng bằng sự yên tĩnh của tâm hồn. Bởi vì tôi muốn rằng cái hình bóng đã thay thế tôi từ bao nhiêu năm nay, tìm được một nguồn an ủi vĩnh viễn trong ngôi nhà ấy.

« Người đàn bà vẫn còn xuân sắc và tâm hồn có đủ những nét dịu hiền để làm cho cuộc đời một người đàn ông có thêm hạnh phúc, đứa bé có đủ thông minh và có thể làm « vui lòng bất cứ một người cha nào », tôi nhắc lại câu ông viết ngày xưa...

« Tôi đã không tìm thấy cái hạnh phúc chân thật bên mình, tôi lại còn làm cho nó đổ gãy, tôi ước ao rằng người đã có công nâng đỡ, sẽ bồi tiếp cho khung cảnh ấy một nguồn vui dồi dào, bền lâu hơn nữa.

« Tôi tự thấy đã thừa ở một nơi đã đủ chỗ ngồi, tôi thiết tha mong ông giữ lại vĩnh viễn chỗ ngồi ấy bên cạnh người vợ và đứa con tôi.

« Được thế, đời tôi sẽ bớt một nỗi dằn vặt sâu xa, sẽ thêm một nguồn an ủi không cùng.

« Sau khi gởi bức thơ này đến ông, tôi sẽ đi xa, đi sâu vào sự sống, và ngoài cái bổn phận làm người, tôi sẽ trả lại cho cuộc đời một người chồng, một người cha biết rõ nhiệm vụ của mình. Bởi vì, thưa ông, quanh ta vẫn còn những cảnh góa bụa xót xa, những kiếp mồ côi đau khổ, và tôi hết sức noi theo cái tinh thần của ông để chuộc lại lỗi lầm ngày cũ.

« Xin ông ghi nhận ở đây tấm lòng biết ơn chân thành của một người cha ».

Kính thư, Nguyễn-Lưu

MINH-HỮU

TẬP SAN

NHÂN-LOẠI

Văn-hóa Xã-hội Giáo-dục

Xuất bản mỗi tháng hai lần : 1 và 15

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : ANH-ĐÀO

TRONG MỖI SỐ

Các bạn sẽ được đọc những thiên khảo luận công phu những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen biết :

Bình-Nguyên-Lộc
Dạ-Lý-Hương
Giang-Châu
Hoàng-Trọng-Miên
Hoàng-Khanh
Hợp-Phố
Lan-Phương và Liêm-Nhân (bác sĩ)
Lê-Văn
Lưu-Nghi
Nguiễn-Ngu-í
Nguyễn-Hữu
Nguyễn-Thiệu-Lâu
Phong-Sơn
Quốc-Ấn
Sơn-Mẫu
Tam-Ích
Thành-Đạt
Thế-Quang
Thiên-Giang
Thu-Trúc
Tiêu-Dân
Trang-Thế-Hy
Ty-Ca
Vị-Sơn
Vũ-Hạnh
Vũ-Nghi

Đặc biệt có sự góp mặt của bạn **Trần-Văn-Khê**, Tấn sĩ văn khoa, trong « Lá thơ hải ngoại », nhiều bài biên khảo, nghị luận có giá trị về âm nhạc, văn chương.

Ngoài những vấn đề hữu ích chung, **Nhân-Loại** sẽ chú trọng đến những vấn đề thiết thân của tuổi trẻ như : Luyến ái, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, học đường v... v...

Thể lệ mua báo dài hạn

1	số	15 đ
3	tháng (6 số)	90 đ
6	tháng (12 số)	170 đ
12	tháng (24 số)	330 đ

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí

Báo quán
339 Nguyễn-Công-Trứ, 339
SAIGON

Bài vở, thư từ, bưu phiếu xin đề
Ông Huỳnh-Văn-Lợi
Quản lý Tập san Nhân-Loại

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

(Theo lời Diêu tiên sinh, Lạp-Phu, Mộc-Lan, Mạc-Sầu viết thơ khuyên Địch-Nhân ; cậu này không xuống tàu đi Anh-cát-lợi du học, mà ở lại Hương-cảng.

Sau đó, Diêu tiên sinh mời Phó tiên sinh đến nhà ăn Tết Trung-thu.)

CHƯƠNG XVI

Lúc ăn cơm gần cuối bữa, Phó-tiên-sinh nói : « Ngày nay, ở các học hiệu, người ta không bắt các học trò làm thơ nữa, đó là một việc đáng tiếc, nếu không, tối nay, tôi xin đề nghị, ta vừa ăn cơm, vừa làm thơ, có phải vui biết bao và đó là một việc, vừa thưởng tâm, vừa duyệt trí, không ? »

San-Thư nói : « Để mua vui thêm tôi xin đề nghị ngắt một cành hoa quế để làm « tửu lệnh » ; vừa ban sáng hôm nay, Man-Ni có đem cho một bó, ta lấy một cành ra dùng. Tửu-lệnh làm như vầy : lấy một cành quế hoa, cứ lần lượt chuyền từ tay người này, tới tay người khác, trong khi đó, có một người gõ trống để cầm trịch, hễ, dứt tiếng trống, mà cành quế hoa ở tay người nào, người ấy phải uống một chén rượu, và kể một câu chuyện cổ tích, hay một câu chuyện khôi hài.

A-Phi được triệu ra gõ trống. Tửu-lệnh lần đầu ra, vừa dứt tiếng trống, quế hoa ở trong tay Phó-tiên-sinh. Tiên-sinh phải uống rượu và kể chuyện. Tiên-sinh kể : « Ngày xưa, có một thầy đồ ngồi bảo học, nhưng, không có học trò, thầy tức mình, bỏ nghề gõ đầu trẻ. Thầy đi mua một bộ sách thuốc về, đọc đêm, đọc ngày, rồi sắm đủ, ô thuốc cùng dao cầu, thuyền tán nhất định ra tay trị bệnh để cứu nhân, độ thế và nhân tiện để kiếm ăn. Không ngờ, chẳng biết thuốc thang, thầy bốc ra sao, hay là thầy bị « vận » « khứ » mà « hoài sơn » thầy

bốc, nó lại « năng tri tử », bệnh nhân thứ nhất của thầy chết ! Người nhà bệnh nhân đi kiện ở cửa quan. Quan xử, thầy phải chịu hết phí tổn làm ma cho người thiệt mạng. Khốn một nỗi, tiền lưng đã cạn, thầy không lấy đâu thuê mượn, thầy đành nhủ vợ, cố khiêng cái thây ma ra đồng. Thây ma lại nặng, nặng quá sức mình. Đến lúc nghỉ, vợ thầy mới bảo thầy rằng : « Thầy nó ạ ! Lần tới này, có bốc thuốc, thì nên chọn một con bệnh gầy mà bốc nhá ! Thiên vạn, chớ có bốc thuốc cho người béo mà khổ cả vợ, lẫn chồng ! »

Cả nhà đều cười rộ lên.

Tửu lệnh thứ hai lại bắt đầu. Lần này, tiếng trống đinh trúng vào Mộc-Lan. Cô vừa ăn mấy quả cam xong nên đã tỉnh rượu và tự nhận thấy trí não rất sảng khải. Cô lại phải theo lệnh uống rượu, rồi kể chuyện. Cô kể :

« Ngày xưa, Long-vương giáng chỉ cho Cua tướng quân đem binh ra chấn thủ bờ bể. Ngày, ngày tướng quân vẫn đem đội quân « cua » ra bờ bể thao luyện. Chẳng may, một hôm Cua tướng quân lâm bệnh, phải về nghỉ trong hang, mà bọn Sà-tinh lại vừa nổi loạn. Long-vương bất đắc dĩ, đành phải giáng chỉ Trai-tướng quân, tức tốc thay quyền và Cua tướng quân phải sửa soạn đội ngũ quân Cua, để đi dẹp loạn. Lẽ tự nhiên, là cho Trai tướng quân phái thao diễn đạo quân Cua, trước khi lên đường. Ngài liền nằm ở trên một cái mỏm đá, mở to cái vỏ trên của ngài ra, và hô quân, bài thành hàng ngũ. Cua quân nghe theo răm rắp. Ngài quay nhìn về phía hữu, hàng ngũ cứ đều tăm tắp, Trai tướng quân rất đỗi bằng lòng mà thầm khen Cua tướng quân. Đến khi trai tướng quân hô : « Đi lên đằng trước, tiến ! » Tất cả đoàn quân rầm rộ bước đi, nhưng, họ không tiến lên đằng trước, mà họ lại đi ngang cả về phía hữu. Trai tướng quân thấy tình hình hỏng bét cả ! Tướng quân hô một đằng, quân làm một nẻo ; khi hô « tiến » là họ phải chỉ phía trước mặt, đi xuống nước, thì họ lại cứ đi ngang theo bờ bể. Thế mới chết chứ ! Trai tướng quân lại hô « Quay lại phía sau, thoái ! » Cả toán lại rùng rùng đi về phía tả. Trai tướng quân đâm cuống, không còn biết xoay xở ra sao để cho toán quân, theo lời hô, đi tới phía trước mặt. Tướng quân cùng thế, phải hỏi kế viên phó tướng. Viên này xin phép cho y hô thay. Y mới hô : « Đi về bên tả, đi ! » Tức khắc, cả toán quân đi thẳng về phía bể trước mặt, đúng như ý muốn của Trai tướng quân. Trai tướng quân rất đỗi kinh ngạc, hỏi viên phó tướng cái lý do, tại sao ? Y đáp : « Thưa tướng quân, quân này toàn thị là lưu học sinh đi du học ở Anh-quốc về, mà ! »

Ai cũng hiểu ngay ý nghĩa của câu chuyện khôi hài trên đây, và cười ngất. Nguyên ủy, vì chữ Anh viết ngang, người Tàu gọi chữ Anh là chữ « cua bò », nên mới có câu giai thoại hài hước này.

Đến tửu lệnh tuần thứ ba, cành quế lạc nhằm tay San-Thư. San-Thư phải uống rượu và kể chuyện, nhưng cô nói : « Thôi hỏng to, tôi chẳng có chuyện gì để kể cả. »

Tất cả đều kêu ầm lên : « Không, không được từ chối..... Mới lại, không cứ gì là chuyện, muốn kể cái gì cũng được, miễn là làm cho thính tọa cười, là được mà . »

San-Thư nói : « Hay, để tôi đọc một cái « ảo khẩu lệnh » (1) vậy . »

Cả nhà đều ưng thuận. Cô nói : « một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng, bốn ông sáng sao..... »

Cả nhà đều theo cô nói thử, người lớn, người nào, nói thét rồi cũng đâm ra nói nhịu và lẫn lộn hết, duy có A-Phi và Hồng-Ngọc nói được khá mau và đúng. Thứ nhất Diêu-thái-thái, chỉ đến lần thứ hai, bà đã nói lịu, líu tíu cả, bà làm cho cả nhà cứ cười lăn ra.

Trong khi đó, Diêu-tiên-sinh đứng tựa vào thành cửa sổ và nhìn ra ngoài trời, ông bỗng quay lại, bảo cả nhà :

« Tất cả nhà thử ra mà xem trăng, mặt trăng có tới hai cái « quầng ! ».

« Ơ nhỉ chúng ta đã quên bẵng hẳn mất việc trông trăng !.... » San-thư nói thế. Tất cả mới kéo ùa ra cửa sổ để ngắm trăng. Vầng trăng có một đám mây trắng sáng rực, bao phủ và chung quanh có tới hai cái quầng thật.

Phó-tiên-sinh nói : « Đây có thể là một cái điềm xấu dự thị những tai nạn có thể xảy đến cho nước nhà !.. Bao giờ cũng vậy, trước khi một triều đại đi tới mạt vận, thường vẫn có những hiện tượng kỳ quái, nó báo trước. Trong cái lúc nhốn nháo này, không biết, rồi đây, chúng ta còn phải trải qua những tai ương, hỗn loạn gì, !? »

Diêu-tiên-sinh nói : « Sự hỗn loạn, chẳng qua, đều do ở lòng người mà ra ! » Ông mới sực nhớ lại một bài thơ của một nhà thơ vô danh, để ở trên vách một cái miếu, ông liền thuận khẩu ngâm lên :

« Thiên bình, địa bình, nhân tâm bất bình; nhân tâm năng bình, thiên hạ thái bình ! »

Cả nhà còn chuyện vãn một lúc lâu nữa, rồi ai mới về phòng ấy, an nghỉ.

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XVI

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ

SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

Golden Club

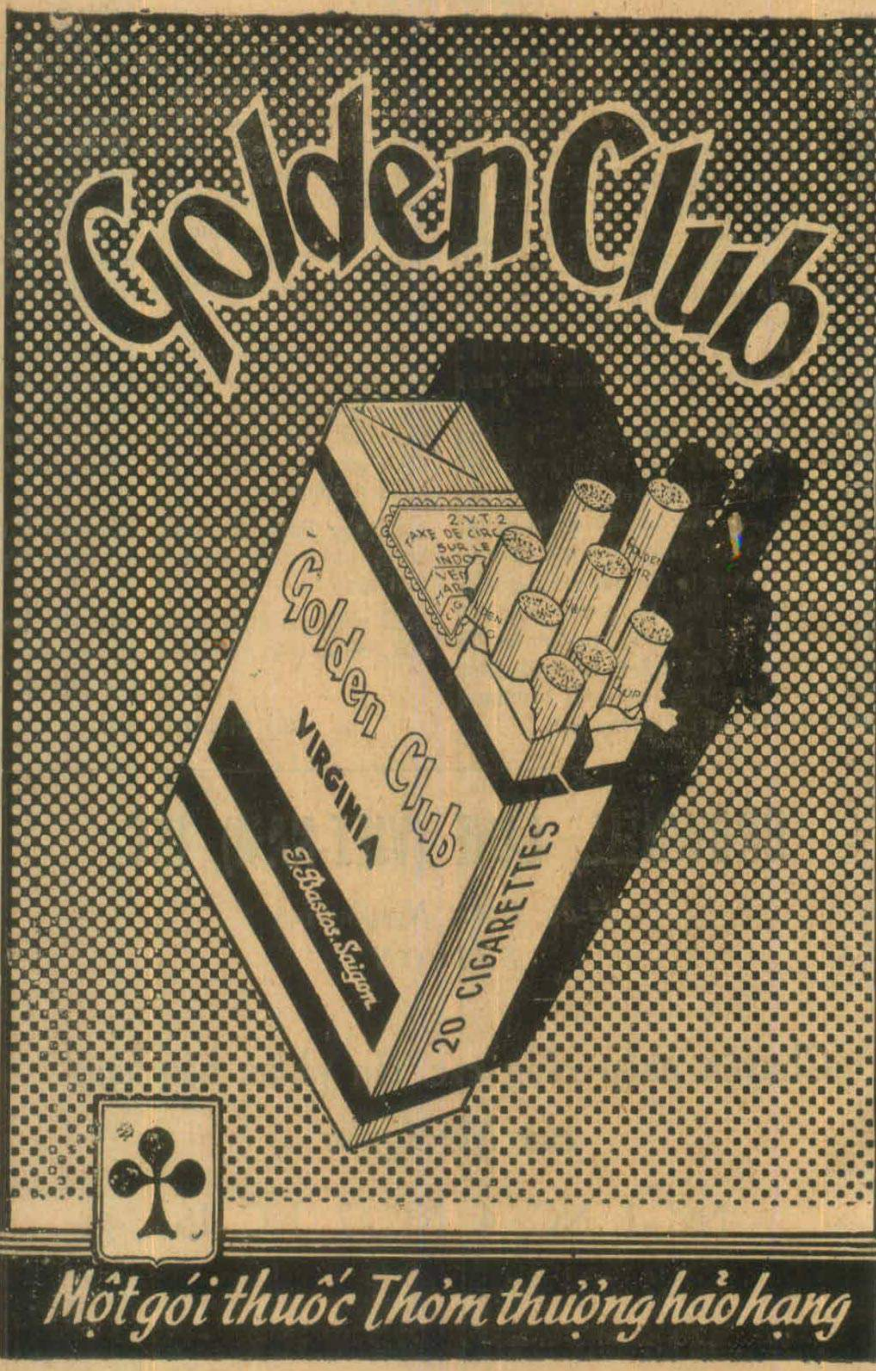

Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

Mồng 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo-Dục Phổ-Thông

— Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.

— Một tập-san Văn-nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC *chủ trương*

với sự cộng tác của :

— Bình-Nguyên-Lộc
— Châu-Hải-Kỳ
— Duy-Liên
— Định-Giang
— Giang-Tân
— Hoài-Khanh
— Hồ-Nam
— Kiêm-Đạt
— Khổng-Xuân-Thu
— Kim-Tuấn
— Lê-Thanh-Thái
— Lê-Thành-Nhân
— Nguyễn-Hiến-Lê
— Nguiễn-Ngu-Í
— Nguyễn-Minh
— Nguyễn-Văn-Thanh
— Phan-Minh-Hồng
— Thạch-Trung-Giả
— Triều-Đầu
— Tân-Loan-Kiều
— Trúc-Liên
— Tường-Linh
— Thanh-Thương-Hoàng
— Uyên-Thao
— Võ-Liệu
— Võ-Phiến
— Vũ-Anh-Tuấn
— Vũ-Đằng
— Yã-Hạc và Trinh-Nguiên.

— Giá bán mỗi số : 8$

— Một năm (24 số) : 180$

— Bài vở xin gửi về :
Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kế — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin đề tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**
8 Ngô-Đức-Kế — Saigon.

— **« Sư phạm đại cương »** của ô. Trần-Văn-Quế giáo sư trường Quốc-gia sư phạm, soạn và nhà Thanh-Hương xuất bản. Sách gồm những bài mà tác giả đã soạn cho các lớp huấn luyện cấp tốc các ngạch giáo viên tiểu học tại trường Quốc-gia sư phạm Saigon. Sách in đẹp dày 239 trang, giá 50$.

— **«Căn bản tín đồ Phật giáo của Huyền-Cơ »**. Sách viết giản dị, chia từng bài nhỏ, có câu hỏi đáp rõ ràng, rất có ích cho tín đồ, phật tử và các bạn muốn tìm hiểu đạo Phật. Sách dày 132 trang có hai loại, loại ấn tống và loại phát hành.

B. K. xin ân cần giới thiệu cùng độc giả và trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản.

✶

BÁO MỚI

Chúng tôi được tin Tuần báo **« Văn nghệ Tiền-Phong »** sau một thời gian tạm đình bản để cải tổ nội bộ, đã tái bản vào ngày thứ năm 28 tháng 5 năm 1959.

Bách-Khoa xin chúc bạn đồng nghiệp thu hái được nhiều kết quả tốt đẹp và mạnh tiến trên đường ngôn luận.

NHẮN TIN

về bản luận án **«Nền Nhạc Việt cổ truyền »** của *Trần-Văn-Khê.*

Ông Trọng-Việt.— *Trúc-giang*— *Kiến-hóa.*— Chúng tôi rất lấy làm cảm kích về ý ông muốn phổ biến « một bản luận án làm vinh dự cho nền cổ nhạc Việt ta». Chúng tôi đã chuyển thư ông cho bạn Trần-Văn Khê, và mong ông cho biết địa chỉ để chúng tôi góp ý kiến cùng ông về việc in và phát hành bản luận án đó.

Riêng vấn đề quyền tác giả, theo chỗ tôi biết, không phải là một trở ngại lớn.

NGUIỄN-HỮU-NGƯ

✶

Cáo lỗi

Vì cần đăng nhiều bài trong số này cho khỏi mất thời gian tính, nên :

— **Từ điển Y ngữ**

— **Hồn Trung-hoa và Ki-tô-giáo**

phải gác lại một kỳ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

B. K.

GIA-ĐÌNH TÔI, BÈ BẠN TÔI
ĐỀU CHỈ ĐỌC HÀNG NGÀY

Nhật báo « **NGƯỜI VIỆT TỰ-DO** »

Vì :

✶ Bài vở vui (không khô khan)
✶ Tin tức đầy đủ và xác thực
✶ Đường lối tranh đấu đứng đắn có ích cho dân, lợi cho nước.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « **Tình Ca** » thơ *Cung-Trầm-Tưởng*, do Phạm-Duy Phổ nhạc và Ngy-Cao-Uyên họa. Dày 40 trang. Giá 35$.

— « **Giai nhân kỳ ngộ** », *một thiên anh hùng ca của Cụ Phan-Châu-Trinh*. Sách này do Cụ Phan-Đức-Kế in lần thứ nhất tại Hà nội năm 1926 bị tịch thu và thiêu hủy. Nay nhà sách Hương - Dương xuất bản và Lam-Hồng phát hành theo một bản thảo duy nhất còn lại. Sách có kèm theo bài viết của Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng : « Phan - Tây - Hồ tiên sinh lịch sử » và phần bình giải chú thích của ông Lê-Văn-Siêu. Sách dày 275 trang, giá bán 70$.

— « **Lá quế Châu** », truyện dài bằng thơ của *Liên-Chớp*, do tác giả gửi tặng Sau Đông-Xuyên, Hà-Liên-Tử, Đoàn-Thêm.., chúng ta lại được đọc tập thơ nhiều hứa hẹn của một công chức Sách trình bày giản dị, dày 48 trang, giá 16$.

— « **Hoa mộng** » thơ của *Ái-Phương-Liên*, do tác giả gửi tặng. Thi phẩm dày 38 trang, giá 12$.

— « **Giáo Khoa Trung học** » các tập 2,3, 4, của các giáo sư : Phạm - Mạnh-Cường, Đặng-Sĩ-Hỹ, Nguyễn-Sĩ-Hải, Trần - Hữu - Tắc, Nguyễn-Khoa-Chi, soạn, giá mỗi tập 10$

— « **Tiểu sử và Văn chương Lý-văn-Phức** » do cụ Dương-Quảng-Hàm sưu tầm và chú giải, nhà Nam Sơn, 36 Nguyễn-An-Ninh xuất bản. Sách dày 87 trang giá 20$00.

— « **Tự điển Công thương Việt - Nam 1958-1959** » do nhóm Trịnh-Hưng xuất bản và gởi tặng,(chú thích bằng 4 thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Hoa và dày 600 trang).

Cuốn **Tự điển Công thương Việt-Nam** sẽ giúp nhiều lợi ích trong việc giao thương giữa trong nước và ngoại quốc, cũng như riêng cho ai muốn khảo sát về tình hình Kinh tế và thương mại ở V. N. Ngoài ra Bách - Khoa cũng hay tin nhóm Trịnh-Hưng đang chuẩn bị hoàn thành cuốn sách nói trên cho năm 1960.

(Quí vị Công kỹ Thương gia có thể liên lạc với nhóm Trịnh-Hưng ở số 9 Cao-Thắng Saigon để giới thiệu địa chỉ cùng ngành hoạt động đặc biệt của Hãng trong cuốn T. Đ. C. T. mà không phải trả tiền.)

— « **Lộng gió** » tập truyện ngắn của *Mạc-Ly-Châu* do tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang, giá 25$.

– « **Tân Liêu trai** » của Phong-Ngạn, Tân-Phong-Hiệp đề tựa, nhà Bến-Nghé xuất bản. 45 truyện ma rùng rợn, li kỳ hay buồn cười, nhưng rốt lại chẳng có gì là « ma » cả, vì được tác giả đem ánh sáng của khoa học và lý luận của lý trí rọi vào. Chẳng rõ những bạn say mê « Liêu-Trai » của Bồ-Tùng-Linh rồi có thích « Tân Liêu trai » của Phong - Ngạn chăng, nhưng hẳn là chẳng thể bỏ qua. Sách dày 230 trang, bìa trình bày mới lạ, giá 48$.

— **Những bài nhận được :**

Những nghĩa đặc biệt của tiếng « ăn » (*Nguyễn-Văn-Xứng*). Tiền (*Phạm-Ngọc-Nhiễm*). Cảm giao ; Chiều máu (*Việt-Tâm*). U hoài, Chuyện của tôi, Vàng trưa (*Lê-Hùng*). Gió thoảng cung đàn (*Nguyễn Mạnh-Tư*). Bức tranh quê (*Lê-Dương*). Tặng thi sĩ Đông-Hồ (*Bình-Giang*). Gặp gỡ ; Bài thơ quê hương (*Huyền-Khanh*). Ảnh hình; Bệnh viện, Bến xuân (*Hữu-Đỗ*). Nhận xét về một câu hát dưới triều Tây-Sơn (*Nguyễn-Vọng*). Tìm hiểu chính phủ quốc gia (*Quang-Khải*). Anh đã đi rồi (*Nguyễn-Lê-Kha*). Mây bay (*Trần-Hoan*). Tình nhân loại (*Đằng-Dương*). Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

*

— **Những bài không đăng :** Lớn lên (*A. L.*) Thu tưởng ; Quang-Trung và Lưỡng-Quảng (*N.V.Đ - T.T.TR*) Thời gian, biết hẹn làm sao ! (*H.H.*) Kiếp hoa : Khúc ca trùng phùng (*H.C.*). Những bài trên đây, vì nhiều lý do, nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. **Đặng-Ngọc-Toàn** (*Nha-trang*). Đã nhận được thư ông. Trân trọng cảm ơn ông đã cho biết thêm các tài liệu tham khảo. Đa tạ ông việc mách bảo giúp về bài « chiếc nghiên » ; thực ra chúng tôi đã rõ từ trước, nhưng vì một lý do riêng, nên vẫn cứ đăng. Mong tin ông luôn.

Ô. **Lưu-trọng hương Thu**: Đã nhận được thư ông. « Đắng hay ngọt » sẽ đăng.

Ái-Phượng-Liên : Đã nhận được thư và thi phẩm « Hoa-Mộng ». Rất cảm ơn và đã giới thiệu trên Bách-Khoa. B. K. 55 bìa cứng quá, dễ gãy không đẹp hơn mà lại bất tiện. Xin đồng ý với tác giả Hoa-Mộng về đoạn cuối trong thư. Mấy bài thơ sẽ lựa đăng.

Ô. **Ngụy-Tấn-Thương** (*Bạc-liêu*) : Đã nhận được thư và ba bài thơ nữa của ông. Trân trọng cảm ơn. Sẽ xin lựa đăng dần cùng với các bài thơ trước.

ĐÍNH CHÁNH

* **Bách-Khoa số 57 :**

— bài « **Nhân ngày Phật đản** » của *Nguyễn-Phan-Châu*, trang 4, cột 1, dòng 27, 28, 29, xin sửa :

« Hỏi mãi như thế cũng không có chi mà vua Milinda chỉ được là xe. — Vậy tiếng « xe » của vua chẳng là... »

— bài « **Một vài cảm tưởng khi đọc sách Phật** » của *Bùi-Giáng*, trang 25, cột 2, dòng 20, 23, xin sửa :

« Và Giêsu cười rằng : « Văn-Trung của tôi dám táo bạo vạch những điểm mâu thuẫn trong tư tưởng của hiền **huynh**... »

— bài « **Âm nhạc phải chăng chỉ là một thứ tiêu khiển ?** » của *Trần-Văn-Khê*, trang 47, cột 2, trong khung ở cuối, lời trích dịch thứ nhì sót tên tác giả : « *Edmond Buchet* ».

高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
MÙI ÊM DỊU
KHÓI THƠM SAY
HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
KHẮP GẦN XA NỨC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ JOB

吸請金字烟

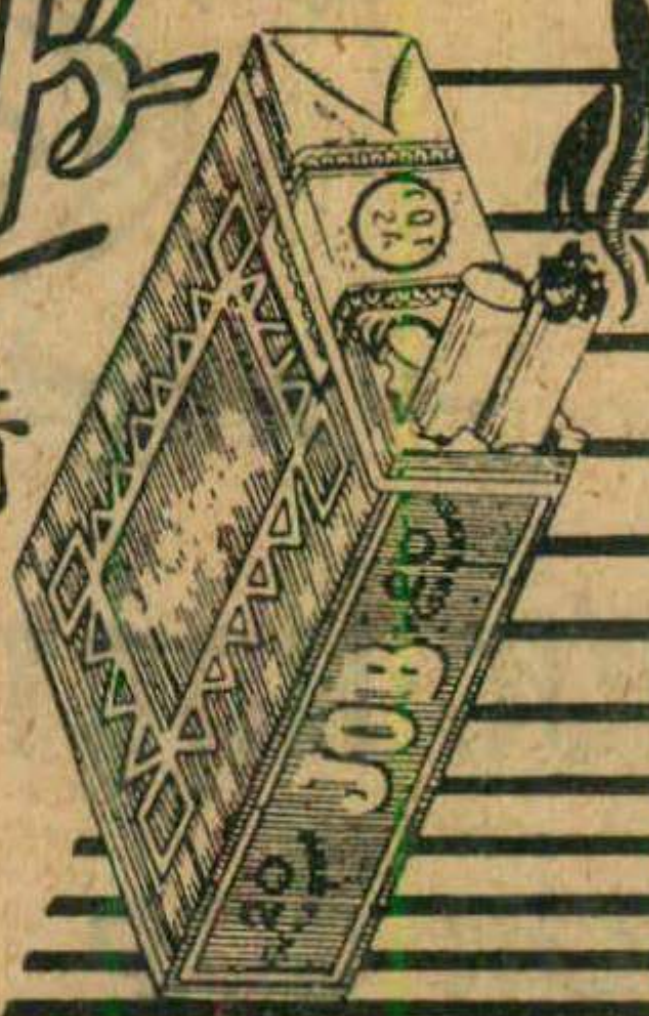

Cigarettes JOB Surfines
COFAT CHOLON

Thuốc điếu JOB Surfines

NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TINH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

百科雜誌

GIÁ : 10$

CÔNG SỞ : 15$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539